



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Vấn đề trong tháng

Cuộc tranh cử tổng thống Pháp bộc lộ một tâm lý tồi tệ trong bang giao quốc tế

Cách đây hai năm, sau khi cánh hữu đại thắng trong cuộc bầu cử quốc hội Pháp, Jacques Chirac, chủ tịch Tập Hợp Vì Nền Cộng Hòa (Rassemblement pour la République, viết tắt là RPR), đảng mạnh nhất trong liên minh cánh hữu, được coi như người sẽ là tổng thống Pháp vào năm 1995. Giờ đây, vài tuần lễ trước ngày bầu cử, Jacques Chirac dẫn đầu trong mọi cuộc thăm dò dư luận và được coi như đặc cử. Nếu chỉ nhìn hai thời điểm này thì hình như không có gì thay đổi.

Nhưng hai năm qua đã là hai năm đầy xáo trộn trong chính trường Pháp. Đảng Xã Hội Pháp sau khi thất bại ê chề, bị phân hóa và bị lộ bịch hóa, tưởng chừng như đã tan rã, đã đoàn kết lại được chung quanh lãnh tụ Lionel Jospin. Đảng Xã Hội Pháp sẽ

không giành được chức vụ tổng thống, nhưng sẽ hồi sinh và sẽ là một lực lượng đối lập mạnh. Jacques Chirac, trong một thời gian dài tưởng như đã tiêu tan sự nghiệp, bỗng được tín nhiệm trở lại, lấy lại được vị trí số một trong cuộc chuyển bại thành thắng ngoạn mục nhất trong lịch sử chính trị tại Pháp. Thủ tướng Balladur, trong hai năm liền dần dần rất xa trong mọi cuộc thăm dò dư luận, đột ngột suy sụp và có tất cả mọi triển vọng thất bại ngay từ vòng loại để rời khỏi chính trường một cách bẽ bàng.

Cuộc tranh cử tổng thống Pháp đã rất sôi nổi và ác liệt. Mọi ngôn đôn, kể cả những đôn bản, đều được sử dụng: phản trắc, lật lọng, bói móc đời tư... Nó cũng đã rất gay gắt trong những cuộc tranh luận giữa các ứng cử viên. Trong bối cảnh đó, yếu tố nổi bật nhất là một đồng thuận giữa tất cả các ứng cử viên: không ai đề cập đến các vấn đề quốc tế. Nhân quyền và dân chủ hoàn toàn vắng mặt trong các chương trình cũng như trong các bài diễn văn. Các ứng cử viên đã chỉ đề cập đến các vấn đề nội bộ, nhất là nạn thất nghiệp. Vấn đề đối ngoại duy nhất, nếu có thể gọi là đối ngoại, là vị trí của nước Pháp trong Liên Hiệp Châu Âu.

Sự vắng mặt hoàn toàn của các vấn đề quốc tế, nhất là quan tâm về dân chủ và nhân quyền, trong cuộc tranh cử trọng đại nhất của nước Pháp là một yếu tố đầy ý nghĩa. Bởi vì nếu có một cường quốc nào phải đặc biệt quan tâm đến đối ngoại, đến dân chủ và nhân quyền thì cường quốc đó phải là Pháp.

Pháp tự hào là đất nước của dân chủ và nhân quyền. Pháp tự hào là tác giả của bản tuyên ngôn về quyền con người và quyền công dân. Pháp tự hào cuộc Cách Mạng 1789 của mình đã khai sinh ra kỷ nguyên dân chủ của thế giới. Những tự hào này có thể là quá đáng, dân chủ đã xuất hiện từ rất lâu trước đó tại Anh và được thiết lập trước đó tại Mỹ. Nhưng không ai có thể phủ nhận vai trò vẻ vang của Pháp, nhất là về mặt tư tưởng. Niềm tự hào tuy quá đáng nhưng rất có cơ sở. Nhân quyền và dân chủ là hình ảnh đẹp của Pháp trên thế giới.

Pháp cũng là một cường quốc mà các vấn đề bang giao quốc tế chiếm một địa vị đặc biệt quan trọng. Pháp chỉ có 57 triệu dân, xấp xỉ 80% dân số của Việt Nam, một dân số rất khiêm nhường so với các quốc gia khác. Tuy vậy từ sau Thế chiến II, và sau khi đã mất tất cả các thuộc địa với nhiều tổn thất, Pháp vẫn duy trì được địa vị cường quốc thứ tư trên thế giới. Pháp dẫn đầu trong nhiều kỹ thuật quan trọng, ngoại thương Pháp luôn luôn thịnh đư.

Trong số này

- | | |
|---|-------------------------|
| 1. Vấn đề trong tháng | Thông Luận |
| 3. Chính trị quốc tế: | |
| Jacques Chirac, tổng thống thứ năm... | Huỳnh Hùng |
| 4. Chính sách "Đại đoàn kết dân tộc"... | Tôn Thất Thiện |
| 6. Những tiếng nói bất đồng... | Ánh Dương |
| 9. Tân thuyết Darwin và khái niệm... | Diệp Tường Bào |
| 11. Nói chuyện với Nhật Tuấn | Thụy Khuê |
| 14. Việt Nam 1995 | Nguyễn Văn Việt |
| 16. Cảm xúc từ một chuyến đi | Nam Long |
| 17. Mẹ Việt Nam trong nhạc Phạm Duy | Đặng Tiến |
| 19. Khái niệm về pháp trị và dân chủ | Nguyễn Liên Hiệp |
| 21. Xây dựng một hệ thống pháp luật... | Lê Minh Văn |
| 25. Thời sự - Tin tức | |
| 30. Độc giả viết | |
| 31. Nói chuyện với bà Trần Thị Thức | |
| 32. Sổ tay: Chuyên gia | Phù Du |

Sức mạnh và vị trí của Pháp nhờ rất nhiều ở một chính sách ngoại giao tích cực. Pháp cũng có rất nhiều hy vọng tiếp tục giữ được địa vị cường quốc một cách lâu dài: Pháp là nước nằm ở trung tâm của Tây Âu, có lãnh thổ rộng lớn, có bờ biển dài và tốt, mở ra Đại Tây Dương và Địa Trung Hải, khí hậu tốt, tài nguyên nhiều và đất đai phì nhiêu. Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm đứng hàng đầu thế giới. Tóm lại Pháp muốn và có khả năng tiếp tục đóng một vai trò quan trọng hàng đầu trên thế giới. Vai trò đó, Pháp đã có được, và chỉ có thể duy trì được, nhờ sự hiện diện tích cực trong các vấn đề của thế giới. Chính vì thế mà sự im lặng của các ứng cử viên tổng thống Pháp trên các vấn đề quốc tế đánh dấu một chuyển biến tâm lý lớn của các nước Phương Tây. Nhất là khi sự im lặng này không gây một thắc mắc nào trong báo chí và trong giới trí thức, trong dư luận tại Pháp cũng như tại các nước khác.

Người ta có thể giải thích rằng Pháp đang bối rối trước nạn thất nghiệp trầm trọng (tỷ lệ thất nghiệp chính thức 12%, tỷ lệ thực sự có thể lên tới 16%), do đó các ứng cử viên phải tập trung mọi nỗ lực để thuyết phục công chúng Pháp, và giành cử tri, trên vấn đề nhúc nhối đó trước đã. Nhưng ít ra họ cũng có thể đưa ra những lập trường nguyên tắc về dân chủ và nhân quyền mà không sợ bị mất phiếu. Sự im lặng tuyệt đối của họ chứng tỏ họ thực sự không quan tâm.

Trong ba ứng cử viên dẫn đầu, Jacques Chirac và Edouard Balladur có thể bị lôi cuốn vào cuộc tranh cãi về "tình bạn ba mươi năm", cánh hữu cũng có bản chất là thực dụng, coi trọng quyền lợi thực tế hơn là các giá trị; nhưng sự im lặng của Lionel Jospin thật đáng chú ý. Đảng Xã Hội, và cánh tả không cộng sản Pháp nói chung, vẫn được coi là rất ràng buộc với các giá trị tự do, dân chủ và nhân quyền. Lionel Jospin cũng không có gì để mất, ông hầu như chắc chắn sẽ được vào vòng sau và sẽ không đắc cử. Cuộc bầu cử này là dịp để ông, và đảng của ông, xuất hiện như là hiện thân của một lý tưởng trong sáng và cao đẹp, chuẩn bị cho các vận hội sau này. Nhưng Jospin cũng im lặng.

Sự coi nhẹ các giá trị đạo đức quốc tế càng được thể hiện rõ rệt với cuộc viếng thăm của Fidel Castro. Tổng thống Pháp đã trải thảm đỏ đón nhà độc tài nổi tiếng nhất trái đất. Philippe Séguin, chủ tịch quốc hội và phụ tá cột trụ của Jacques Chirac, cũng đã long trọng tiếp đón Fidel Castro. Như vậy cả cánh tả lẫn cánh hữu đều đã không bị lương tâm cắn rứt khi long trọng tiếp đón một kẻ thù của dân chủ và nhân quyền.

Chúng ta đang chứng kiến một sự triệt thoái bi đát và tồi tệ của các cường quốc Phương Tây trước những trách nhiệm đạo đức quốc tế.

Hoa Kỳ đã rút lui khỏi Somalia sau khi bị thiệt hại hai chục Thủy Quân Lục Chiến. Liên Hiệp Quốc cũng đã cuốn gói ra đi, bỏ mặc nhân dân Somalia cho các băng đảng cướp bóc. Ngay tại trung tâm Châu Âu, cuộc chiến tranh dã man và thô bỉ tại Bosnia vẫn tiếp tục và chỉ bị kết án ngoài cửa miệng. Cuộc đàn áp đẫm máu dân tộc Chechenya tại Nga đang diễn ra dưới con mắt bàng quan của các cường quốc dân chủ. Trung Quốc vẫn giữ được nguyên vẹn mọi hợp tác quốc tế, kể cả qui chế tối huệ quốc của Hoa Kỳ, mặc dầu vẫn tiếp tục chà đạp nhân quyền. Ngược lại chính phủ Mỹ đã phản ứng gay gắt khi các đĩa nhạc và sản phẩm tin học của Mỹ bị sao chép lậu.

Sự từ khước các trách nhiệm đạo đức quốc tế đã khởi đầu một cách rầm rộ, khi Bill Clinton tranh cử và đánh bại George Bush trên lập trường "nước Mỹ trước đã". Từ hai năm nay, nó trở thành lập trường chung của tất cả các nước Phương Tây. Bộ trưởng Thương Mại Mỹ Ron Brown thản nhiên tuyên bố thế giới này đã đổi khác và ngày nay ngoại giao đồng nghĩa với ngoại thương. Tuy vậy Mỹ vẫn còn quan tâm tới nhân quyền hơn tất cả mọi quốc

gia khác. "Trật tự thế giới mới" mà George Bush đưa ra đã trật tự của một tâm lý ích kỷ toàn cầu. Liên đới quốc tế chưa bao giờ yếu bằng lúc này. Đạo đức quốc tế chưa bao giờ xuống thấp bằng lúc này. Không có gì đáng ngạc nhiên khi chế độ cộng sản Việt Nam không gặp một khó khăn đối ngoại nào trong những hành động ngoan cố tiếp tục đàn áp thẳng tay đối lập dân chủ.

Chúng ta cần rút ra những kết luận chiến lược cho cuộc vận động dân chủ trong bối cảnh quốc tế hiện nay.

Kết luận nổi bật nhất là chúng ta sẽ không thể chờ đợi một biến cố quốc tế ngoạn mục đem lại thắng lợi cho cuộc vận động dân chủ, và cũng không thể chờ đợi một áp lực quốc tế đáng kể nào buộc nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam phải thay đổi chính sách. Kết luận này không có nghĩa là chúng ta cô lập và tuyệt vọng. Chúng ta vẫn có những khả năng vận động dân chủ rất lớn.

Nhân dân trong nước, dù không tích cực lắm về mặt chính trị, rất khao khát dân chủ. Người Việt Nam không đấu tranh tích cực vì thiếu hướng dẫn và vì chưa nhìn thấy một tập hợp dân chủ nào đủ mạnh để cho họ ký thác niềm tin, nhưng ước vọng dân chủ là có thực, rất phổ biến và càng ngày càng mạnh. Mặt khác sinh hoạt kinh tế thị trường tiếp tục cải thiện cho người dân, mức độ tự do của quần chúng đang lớn dần lên, sự sợ hãi chính quyền mỗi ngày một giảm, các nguyện vọng dân chủ ngày càng được phát biểu công khai hơn, cùng một lúc khả năng độc lập kinh tế mỗi ngày một lớn. Nước ta đang sống một diễn tiến hòa bình về dân chủ. Chẳng bao lâu nữa diễn tiến này sẽ đạt tới một mức độ đặt chính quyền cộng sản trước chọn lựa nhượng bộ hay sụp đổ. Vận động dân chủ có nghĩa là đẩy mạnh diễn tiến này và đem lại cho nó một tinh thần lãnh đạo và một đồng thuận đứng đắn về tương lai.

Cộng đồng người Việt hải ngoại, với trọng lượng về tài chính cũng như về kỹ năng, cũng là một đối trọng rất lớn đối với đảng cộng sản.

Động viên quần chúng trong nước và cộng đồng người Việt hải ngoại không khó, với điều kiện là các lực lượng dân chủ thực sự là những lực lượng dân chủ.

Tình hình thế giới tuy không hứa hẹn những cơ hội ngoạn mục nhưng vẫn có lợi cho cuộc vận động dân chủ. Các chính phủ dân chủ, tuy không yểm trợ tích cực, vẫn có cảm tình với lý tưởng của chúng ta, trong khi dư luận trên toàn thế giới hoàn toàn đứng về phía dân chủ và nhân quyền. Hơn cả một sự yểm trợ, chúng ta được sự chuyển chỗ của cả một trào lưu thời đại. Hơn cả một sức mạnh, chúng ta có tương lai.

Chúng ta có thể làm được rất nhiều và có thể thắng lợi khá dễ dàng nếu chúng ta thực sự là những người dân chủ và thuyết phục được dư luận thế giới và nhân dân Việt Nam rằng chúng ta là những người dân chủ.

Kết luận chiến lược thứ hai đối với người Việt hải ngoại là, vì không thể chờ đợi một biến cố ngoạn mục, cuộc vận động dân chủ sẽ phải là một cuộc vật lộn liên tục, tranh thủ sự hỗ trợ của các chính phủ và các chính đảng. Do đó chúng ta sẽ cần một mức độ hội nhập lớn hơn vào các nước tiếp cư.

Đã có những người Việt tích cực tham gia các cuộc vận động tranh cử tại Mỹ, và cũng đã có những người Việt tham gia các cuộc vận động tranh cử tại Pháp, tại Đức... Ủng hộ đảng phái nào và ứng cử viên nào là chọn lựa của mỗi người, điều cốt yếu là tham gia. Chúng ta chỉ tranh thủ được sự ủng hộ của một đảng, cầm quyền hay đối lập, nếu chúng ta đóng góp cho họ.

Trở lại cuộc bầu cử tổng thống Pháp. Chirac hay Jospin? Chọn lựa nào cũng tốt. Điều quan trọng là phải có mặt. Điều quan trọng hơn là chúng ta hiểu rằng những hoạt động đó nằm trong khuôn khổ cuộc vận động dân chủ cho Việt Nam.

Thông Luận

Jacques Chirac, tổng thống thứ năm của Đệ ngũ Cộng hòa Pháp?

Kể từ 1958, năm cố tổng thống de Gaulle thành lập nền cộng hòa thứ năm Pháp, cử tri Pháp, vào cuối tháng 4-1995, sẽ đi bầu vị tổng thống thứ năm sau các tổng thống de Gaulle, Pompidou, Giscard d'Estaing, và tổng thống đương nhiệm Mitterrand.

Cuộc bầu cử tổng thống Pháp được tổ chức theo phổ thông đầu phiếu. Vòng đầu sẽ được tổ chức vào ngày chủ nhật 23-4-1995, ứng cử viên nào trên 50% số phiếu sẽ trúng cử, nhưng điều này đến nay chưa từng xảy ra. Hai ứng cử viên được nhiều phiếu nhất sẽ vào vòng hai, được tổ chức hai tuần lễ sau đó, ngày 7-5-1995. Đan chúng sẽ đi bầu lần thứ hai, ứng cử viên nào được nhiều phiếu nhất sẽ đắc cử.

Hiện nay có gần cả chục ứng cử viên, nhưng chỉ có ba ứng cử viên được xem là có nhiều triển vọng có thể vào vòng hai. Đó là đương kim thủ tướng Edouard Balladur, cựu thủ tướng Jacques Chirac và Lionel Jospin, ứng cử viên Đảng Xã Hội, đảng của tổng thống đương nhiệm François Mitterrand.

Cuộc tranh cử tổng thống nhiệm kỳ này có nhiều màn hồi hộp, ly kỳ và gay cấn.

Màn hồi hộp đầu tiên liên quan đến ứng cử viên "hụt" Jacques Delors của Đảng Xã Hội. Jacques Delors là một nhân vật quan trọng trong chính trường Pháp và chính trường Châu Âu. Ông đã từng giữ nhiều vai trò trọng yếu, là tổng trưởng Kinh Tế và Tài Chánh của các nội các xã hội trước đây, đã từ chối chức vụ thủ tướng mà tổng thống Mitterrand đề nghị (ông đòi kiêm luôn vai trò tổng trưởng Kinh Tế và Tài Chánh, nhưng tổng thống Mitterrand không chịu vì không muốn thành bù nhìn trước mặt nội các mà thủ tướng lại quá nhiều quyền hành, dù rằng đó là một vị thủ tướng tín cẩn). Ông đã nắm trong tay trọng trách điều khiển các ủy ban của Cộng Đồng Châu Âu tại Bruxelles trong nhiều năm. Chính trong thời gian này ông đã tạo được cho mình một uy tín rất lớn, và vì thế ông là người có nhiều điểm nhất trong các cuộc thăm dò dư luận tại Pháp. Ông đã là nguồn hy vọng độc nhất cho phép Đảng Xã Hội Pháp tiếp tục nắm quyền hành pháp trong bảy năm nữa, sau mười bốn năm trị vì của tổng thống Mitterrand. Jacques Delors đã để cho mọi người và nhất là cử tri và đảng viên cũng như những nhà lãnh đạo Đảng Xã Hội chờ đợi, hy vọng, hồi hộp trong một thời gian khá lâu trước khi tuyên bố trên đài truyền hình vào ngày 11-12-1994 là ông không ứng cử. Đó là một đòn nặng cho đảng và cuối cùng Lionel Jospin, cựu đệ nhất thư ký đảng, đã ra ứng cử. Lionel Jospin có khuynh hướng không thuận với tổng thống Mitterrand cũng như với một số lãnh tụ đang nắm quyền của Đảng Xã Hội, nên trong những giờ phút đầu sau khi tuyên bố ứng cử, ông đã gặp nhiều khó khăn. Ngày 3-2-1995, các chỉ huy trong các chi bộ đã dồn cho Lionel Jospin 66% số phiếu. Ngày 5-2-1995, đại hội đặc biệt trung ương đảng đã chính thức tấn phong Jospin là ứng cử viên tổng thống của đảng. Vấn đề của ông Jospin là chính bản thân của ông ta chưa sửa soạn đầy đủ. Ông đã ra ứng cử vào giờ phút chót, sau khi Jacques Delors từ chối. Ông đã im lặng trong một thời gian dài sau khi tuyên bố ứng cử vì phải soạn thảo chương trình ứng cử.

Edouard Balladur và Jacques Chirac cùng xuất thân đảng Tập Hợp Vì Nền Cộng Hòa (RPR: Rassemblement Pour la République). Cuộc ứng cử và tranh cử của hai ông này vô cùng độc đáo.

Vào năm 1993, sau khi hai đảng chính trị hữu phái RPR và trung hữu UDF đại thắng trong cuộc bầu cử quốc hội, ông Balladur được phe thắng cử đưa ra nắm chức vụ thủ tướng. Từ

ngày làm thủ tướng, uy tín ông Balladur lên như điều gặp gió, luôn luôn chiếm khoảng 50 đến 60% trong các cuộc thăm dò dư luận. Trong khi đó, tỉ số người ủng hộ ông Chirac càng ngày càng giảm sút.

Để tranh thủ dư luận, ông Chirac là người đầu tiên ra ứng cử. Tuy nhiên đến cuối tháng 2-1995, Jacques Chirac vẫn không lên trong các cuộc thăm dò dư luận, chỉ ở vào khoảng 15%. Tình trạng nhiều khi vô cùng bi đát đến nỗi một số lãnh tụ trẻ RPR, hiện đang là tổng trưởng của nội các Edouard Balladur và là những người mà thân thế và sự nghiệp một phần không nhỏ đã nhờ Jacques Chirac mà lên, đã không ngần ngại khuyên ông Chirac nên rút lui để dồn tất cả hy vọng cho ông Balladur mà họ cho rằng có đủ uy tín để kết hợp rộng lớn quần chúng Pháp.

Ngày 13-2-1995, ông Balladur trình làng chương trình tranh cử, đặt trọng tâm vào một sự đổi mới của nước Pháp, bảo đảm sự bình đẳng trong các vận hội và tự do cho mọi công dân, đề cao vai trò quan trọng của nước Pháp trong chương trình xây dựng Châu Âu.

Trong khi đó, ông Chirac đưa ra một chương trình có tính xã hội và đề nghị những thay đổi mạnh mẽ nhưng mang tính hòa bình. Hai khẩu hiệu chính của ông là "Chúng ta đang ở trong tình trạng khẩn cấp xã hội" (Nous sommes en état d'urgence sociale) và "đồng lương không phải là kẻ thù của công ăn việc làm". Hai khẩu hiệu này đã đáp ứng được những ưu tư lo lắng của dân Pháp trước cuộc sống ngày càng khó khăn, thất nghiệp gia tăng, những người bị gạt ra ngoài xã hội càng đông, đồng lương lao động tối thiểu (SMIC) bị giảm...

Vào trung tuần tháng 3, ông Chirac đã lấy lại ưu thế trong các cuộc thăm dò dư luận. Jacques Chirac được trên 25% cử tri ủng hộ. Lionel Jospin được giữa 20 và 25%, Edouard Balladur dưới 20%. Và cũng theo các cuộc thăm dò dư luận này; vào vòng hai ông Chirac sẽ bỏ xa bất cứ một trong hai ứng cử viên kia.

Những cuộc thăm dò dư luận không hoàn toàn có tính chất tuyệt đối, nhất là còn đến một tháng nữa mới có bầu cử. Nhưng theo các nhà quan sát chính trị, các chuyên gia thăm dò dư luận, trừ trường hợp xảy ra một biến cố bất lợi cho ông Chirac, khuynh hướng trên của cử tri sẽ không thay đổi, nghĩa là Jacques Chirac sẽ có nhiều triển vọng trở thành tổng thống thứ năm của Đệ ngũ Cộng hòa Pháp.

Có nhiều lý do giải thích hiện tượng này. Chẳng hạn Jacques Chirac là người có nhiều kinh nghiệm tranh cử, đây không phải là cuộc tranh cử tổng thống đầu tiên của ông ta. Trái lại, đây là lần đầu mà Edouard Balladur cũng như Lionel Jospin thử lửa. Ngoài ra, một số quyết định chính trị hoặc hành động sai lầm của chính phủ Balladur, của các cố vấn và tổng trưởng đã làm uy tín của ông giảm xuống. Trái lại, Jacques Chirac từ khi ra ứng cử đã không phạm một lỗi lầm nào quan trọng.

Nhưng có lẽ điều quan trọng nhất là ông Chirac đã dựa vào ưu thế của đảng RPR, được tổ chức chặt chẽ tại các địa phương và các chiến hữu của đảng đã hoàn toàn ủng hộ. Ông là người đã cứu mang đảng, đã nuôi dưỡng đảng từ ngày thành lập. Nếu không có sự ủng hộ này có lẽ Jacques Chirac đã bỏ cuộc từ lâu. Đó là lời khuyên của cố tổng thống Pompidou, được coi là người đỡ đầu chính trị của Jacques Chirac: "Muốn thành công, phải có một hình ảnh tốt trong nước, một tầm vóc quốc gia và một đảng chính trị". Ông Balladur có hai điều kiện đầu nhưng không có điều kiện thứ ba.

Chính sách "Đại đoàn kết dân tộc" của đảng cộng sản Việt Nam chỉ là một con ngựa què

Tôn Thất Thiện

Trong một bài tham luận tại Viện Mac-Lê tại Hà Nội vào tháng 12-1992, với sự hiện diện của một số lãnh tụ cao cấp của Đảng, một cán bộ cao cấp, Hà Nghiệp, đã ví chuyện làm của Đảng, nghĩa là của lãnh đạo Đảng, như một chuyện "về ngựa". Ông ta nói: "Chúng ta từng thiết kế xã hội theo cách về ngựa rồi mới đi tìm ngựa. Song ngựa thực mà ta tìm thấy khác với con ngựa ta vẽ lắm nên ta bảo không phải. Nhưng thực tế, đó là con ngựa thực chó không phải con ngựa ta vẽ...".

Áp dụng khái niệm "về ngựa" vào chính sách của ban lãnh đạo ĐCS, ta có thể nói: "Lãnh đạo ĐCS về ngựa, rồi nói với dân rằng họ hiến cho dân những con ngựa rất tốt, cỡi ngựa đó chắc chắn sẽ đi đến tự do hạnh phúc. Nhưng khi dân lãnh ngựa về, khám phá ra là ngựa đó có hai tật: "nó là con ngựa què, cỡi nó có thể té gãy cổ", và nó là ngựa của Đảng huấn luyện đặc biệt, chỉ chạy về một cái chuồng mang tên là chủ nghĩa Mac-Lê chớ không chịu chạy đi đâu khác!".

Chính sách "đại đoàn kết dân tộc", với nội dung và hình thức đã được ban lãnh đạo của Đảng công bố tại Đại hội VII giữa nhiệm kỳ, thuộc về loại ngựa què đó. Chính sách này tương đối mới vì trong cương lĩnh Đại hội VII năm 1991 vấn đề đoàn kết dân tộc chỉ được nói phớt qua. Nó chỉ được nêu lên tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội thứ IX, ngày 19-9-1992, trong bài phát biểu của Đỗ Mười, trong đó ông ta đưa ra ý niệm "đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước thuộc các giai cấp... xóa bỏ hận thù, nhìn về tương lai".

Ý niệm "đoàn kết rộng rãi" được ông Võ Văn Kiệt khai triển triệt để và dùng làm đề tài chính tại Hội nghị Việt kiều hải ngoại tại Sài Gòn, ngày 8-2-1993, với những tuyên bố gây nhiều chú ý như: "vượt trên các sự khác biệt, kể cả sự khác biệt về chính kiến" và "xóa bỏ mặc cảm, xóa bỏ hận thù, nhìn về tương lai".

Tiếp đến là công bố chính sách "đại đoàn kết dân tộc" một cách quyết định, chi tiết qua Báo cáo chính trị Đại hội VII giữa nhiệm kỳ. Báo cáo đó, do ông Đỗ Mười đọc, có đoạn như sau: "Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân..., lấy đại nghĩa dân tộc làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau mà không trái với lợi ích chung, cùng nhau bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai. Tư tưởng đại đoàn kết thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước".

Kể đến, tại Đại hội Mặt trận Tổ quốc tại Hà Nội, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng 8 và ngày Quốc khánh 2-9-1994, chính sách đại đoàn kết dân tộc được nâng lên "tầm vĩ mô". Hội nghị được so sánh với "Hội nghị Diên Hồng" và Đỗ Mười lập lại nguyên văn đoạn nói trong báo cáo chính trị tại Đại hội VII giữa nhiệm kỳ.

"Đoàn kết dân tộc" chỉ là một thủ đoạn chiến thuật

Chính sách mà các ông Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt trình bày thật là tốt đẹp và hấp dẫn, đáng được hoan hô nếu các ông này thành thực và nếu đó là ý nguyện thực sự của Đảng. Nhưng rõ ràng chính sách này đã không dung hòa được với những chính sách và đường lối mà Đảng đã công bố trong thời gian qua và coi là không thể loại bỏ được. Đó là đường lối kiên trì chủ nghĩa Mac-Lê và xây dựng chủ nghĩa xã hội - với hai vế lớn là: giai cấp đấu

tranh và chuyên chế vô sản - mà Đảng đang áp dụng hiện nay. Cho nên "đại đoàn kết dân tộc" thực sự chỉ là một thủ đoạn chiến thuật nhằm lừa gạt những người ngây thơ về chính trị. Quan điểm này căn cứ trên những giải thích của những nhân vật và cơ quan có thẩm quyền nhất của ĐCS: Ông Lê Quang Đạo, chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, nguyên chủ tịch Quốc hội và Tạp chí cộng sản, cơ quan lý luận chính thức của Đảng.

Trong một bài nói chuyện về đề tài "Đại đoàn kết dân tộc, một bài học lớn của Cách mạng Việt Nam", ông Đạo nói rằng "Đảng cần thực hiện đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng hiện nay". Đảng luôn luôn xây dựng đất nước "theo con đường xã hội chủ nghĩa... theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tập hợp tất cả các lực lượng có thể tập hợp được, mở rộng Mặt trận Tổ quốc nhằm thực hiện nhiệm vụ cách mạng". Ông nói thêm rằng: "ở mỗi tổ chức, cần có một cán bộ đảng viên... để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng" và, để bảo đảm cho thế lực của Đảng không thay đổi, đồng thời với mở rộng Mặt trận, "cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng".

Những gì ông Đạo chưa nói rõ được, Tạp chí cộng sản bổ sung trong bài mang tựa "Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh". Bài báo gọi chính sách đại đoàn kết dân tộc là một "chiến lược": Chính sách đó nhằm đoàn kết mọi người trong "đại gia đình dân tộc Việt Nam, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và người định cư ở nước ngoài... chấp nhận những điểm khác nhau khi nào không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ hận thù, hướng về tương lai, tin cậy lẫn nhau...".

Đồng thời, bài báo cũng nhấn mạnh: "Sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định nhất trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân... ĐCS Việt Nam, vừa là thành viên, vừa là lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Với tư cách là người lãnh đạo, Đảng đề ra đường lối và các chủ trương... Đảng lãnh đạo, Mặt trận thông qua Đảng đoàn". Mặt trận và đảng đoàn các tổ chức thành viên của Mặt trận, nghĩa là kiểm soát qua hai lớp. Đại diện Đảng ở các đảng đoàn tham gia Ủy ban Mặt trận là phó bí thư hoặc Ủy viên thường vụ do các cấp của Đảng ủy cử.

Những giải thích trên đây của ông Đạo và của Tạp chí cộng sản cũng đủ cho một người thông minh trung bình hiểu là Đảng đang cho dân cỡi ngựa què rồi. Nhưng vì có những người không những học thức cao, nhất là về môn luật, nghĩa là được huấn luyện kỹ về ngôn ngữ học để phân biệt thực hư, mà lại đã từng giữ những chức vị cao nhất trong chính quyền chống cộng miền Nam, còn chưa thấy rõ sự kiện này nên tôi thấy cần phân tách vấn đề tỉ mỉ hơn nữa.

"Đại đoàn kết dân tộc" mâu thuẫn với đấu tranh giai cấp

Những người Việt có thiện chí rất mong ước và sẵn sàng hoan hô một chính sách đại đoàn kết dân tộc như ĐCS đưa ra lúc này nhưng họ từ chối tiếp thu chính sách này vì lý do bất tín nhiệm: Có nhiều sự kiện chứng minh rõ ràng rằng ban lãnh đạo hiện nay của ĐCSVN không thành thật.

Trước hết, các ông ấy thừa biết rằng chính sách "đại đoàn kết

dân tộc, lấy đại nghĩa dân tộc làm điểm tương đồng" hiển nhiên mâu thuẫn với đường lối kiên trì với chủ nghĩa Mác-Lê mà các ông tuyên bố đi tuyên bố lại trong mấy năm qua. Các ông nhất quyết lấy chủ nghĩa Mác-Lê làm "nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động" cho Đảng, quyết định rằng kiên trì chủ nghĩa Mác-Lê "có tính cách số một đối với Đảng" và khẳng định "ngoài con đường ấy, quyết không chấp nhận con đường nào khác".

Ai có chút kiến thức cũng biết rằng chủ nghĩa Mác-Lê, mô hình bôn sê vích, chủ trương đấu tranh giai cấp và chuyên chế vô sản triệt để. Trong xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân vô sản chiếm hết chỗ và không có chỗ đứng cho các thành phần xã hội khác, đặc biệt là các thành phần tư sản, tiểu tư sản và trí thức. Trong thực tế, "giai cấp công nhân tức là Đảng", như Trường Chinh đã nói. Điều này cũng đã được Đảng công bố nhiều lần và đưa vào Hiến pháp 1980 và biên chế hóa trong Hiến pháp 1992. Nhân danh là đại diện của giai cấp vô sản, Đảng nắm hết quyền hành trong xứ và đứng trên tất cả. Các điều 2,3,4,12 và 13 của Hiến pháp 1992 bắt buộc mọi người phải tôn thờ chủ nghĩa xã hội như là Tổ quốc, ấn định thế nào là xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân, toàn quyền làm luật sửa đổi nội dung hiến pháp, nói rộng quyền hành của Đảng, thu hẹp các điều khoản công nhận nhân quyền và dân quyền. Nói một cách khác, Đảng có quyền suy diễn Hiến pháp tùy ý và tùy hứng, Đảng có quyền đứng trên Quốc hội, trên Hiến pháp, trên nước, đương nhiên xóa bỏ Hiến pháp bằng luật do Đảng làm ra. Trong tình trạng người cộng sản đương nhiên đứng trên, người không cộng sản phải đứng dưới và tuyệt nhiên không được lựa chọn đồng sự của mình trong bình đẳng, tự do và dân chủ. Đại đoàn kết dân tộc chỉ là một cụm từ vô nghĩa.

Phân khác, trong khi Đảng kêu gọi đại đoàn kết không phân biệt giai cấp thì Tổng bí thư Đỗ Mười lại nhắc nhở đảng viên trong những phiên họp nội bộ rằng "trước hết phải đứng vững trên quan điểm đấu tranh giai cấp". Một nhân vật quan trọng khác của Đảng, ông Đào Duy Tùng, giải thích tại Viện Nguyễn Ái Quốc rằng "dù không mang tên nhà nước chuyên chính vô sản nhưng nhà nước mà chúng ta xây dựng thực chất vẫn mang bản chất của chuyên chế vô sản".

Dầu tuyên bố "vượt trên các sự khác biệt, kể cả các sự khác biệt về chính kiến, chấp nhận những điểm khác nhau" nhưng ai, ngoài ban lãnh đạo của Đảng, là người có quyền quyết định hành động nào, chủ trương nào trái với lợi ích chung? Và lợi ích chung là gì? Theo ban lãnh đạo của Đảng, đó là "xây dựng chủ nghĩa xã hội". Nhưng đâu có phải ai cũng phải quan niệm rằng xây dựng xã hội chủ nghĩa là lợi ích chung và, nếu lên tiếng chống đối quan điểm này thì sẽ bị cho vào tù, như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế... hay vô hiệu hóa bằng cách chức và phong tỏa kinh tế như Hà Sĩ Phu, Lữ Phương, Bảo Cự, hay quản thúc như Nguyễn Hộ...

Vô Văn Kiệt tuyên bố trong Hội nghị Việt kiều ngày 8-2-1993 rằng "ai tôn trọng Hiến pháp và pháp luật Việt Nam đều có chỗ đứng trong khối đoàn kết, hòa hợp dân tộc" nhưng lại đe dọa rằng Hiến pháp và luật pháp cũng như "lương tri của kiều bào yêu nước, không dung thứ những hành động phản bội tổ quốc, phá hoại sự ổn định chính trị, chống lại sự phát triển của đất nước". Ai, ngoài ban lãnh đạo Đảng, có quyền quyết định ai yêu nước, ai không yêu nước, hành động thế nào là phản bội Tổ quốc? Tổ quốc là gì và Tổ quốc là ai?

Hiến pháp hiện nay là do ĐCS viết ra và dựa trên đó, Đảng thảo ra mọi luật lệ mà mục đích là bảo vệ địa vị độc tôn, độc trị

tối thượng của Đảng. Hiến pháp đó không được sự thỏa thuận của đại đa số quần chúng. Những người chống cộng, không cộng sản hay cộng sản đã bỏ Đảng vì muốn xứ sở có dân chủ thực sự, đã không ngừng nói lên sự chống đối với một Hiến pháp và những luật lệ như thế. Đương nhiên, hàng chục triệu người Việt không chịu đứng trong khối đoàn kết mà ĐCS dựng lên sẽ bị nghiêm trị, không những bởi chính quyền cộng sản mà bởi cả "lương tri của kiều bào yêu nước". Nhưng kiều bào đó là ai? Trong số hơn một triệu kiều bào, đại đa số là người chống cộng, đã bỏ xứ ra đi và đều là những người không chấp nhận Hiến pháp và luật lệ hiện hành tại Việt Nam. Họ đều là thành phần phản bội tổ quốc hết hay sao, ai có quyền nghiêm trị ai, và nếu nghiêm trị nhau như vậy thì đại đoàn kết ở chỗ nào?

Khi ông Lê Quang Đạo nói "đại đoàn kết là một bài học lớn của cách mạng Việt Nam" tất nhiên ông nghĩ đó là một bài học cho cán bộ cộng sản về chiến thuật chính trị. Nhưng đó cũng là một bài học cho những người không cộng sản. Khi nói Đảng cần thực hiện "chính sách đại đoàn kết trong giai đoạn này", ông đã báo cho những người này biết là đại đoàn kết dân tộc chỉ là một thủ đoạn chính trị có tính cách chiến thuật, có tác dụng giải quyết cách mạng, đã được ĐCS nói đi nói lại hoài, là thực hiện chủ nghĩa xã hội và đi đến chủ nghĩa cộng sản. Chính sách và hành vi của ĐCS trong các thập niên 1940 và 1950 buộc ta phải suy luận rằng nếu vượt qua được giai đoạn hiện tại thì Đảng sẽ tái diễn tấn tuồng trấn áp giai cấp lúc trước để thực hiện mục tiêu của mình. Cương lĩnh Đại hội VII nhấn mạnh là từ ngày thành lập năm 1930, Đảng đã không hề thay đổi lập trường căn bản.

Nay "đại đoàn kết" nhưng mai "sẽ sắp xếp lại"

Trong những năm 1944-1950, ông Hồ Chí Minh kêu gọi "đại đoàn kết, liên hiệp hết các tầng lớp nhân dân, không phân biệt tôn giáo, xu hướng đảng phái chính trị, giai cấp...". Tháng 11-1945, Đảng tự giải tán để chứng minh rằng chính phủ Hồ Chí Minh và Việt Minh không phải là cộng sản. Nhưng tháng 3-1953, Đảng lại xuất hiện hợp Đại hội Đảng lần thứ hai, với danh xưng là Đảng Lao Động Việt Nam. Tổng bí thư Đảng lúc đó, Trường Chinh, đã đưa ra một bản báo cáo, đề tựa là "Bản về cách mạng Việt Nam". Báo cáo này phân tích xã hội Việt Nam và cho rằng "ngoại trừ tư sản mại bản và đại tư sản bản xứ là đối tượng của cách mạng phải thanh toán thẳng tay, còn tư sản dân tộc và tiểu tư sản đều được công nhận là đồng minh của giai cấp công nhân...". Ông ta cũng đề cập đến "Mặt trận dân chủ thống nhất", một mặt trận "thật rộng rãi... có thể bao gồm tất cả những người dân yêu nước, không phân biệt chủng tộc, giai cấp, tôn giáo, khuynh hướng chính trị..." nhưng lại thêm một câu là "sự sắp xếp lực lượng cách mạng trên đây đương nhiên không phải là cố định. Sau này cách mạng tiến lên giai đoạn xã hội chủ nghĩa thì hàng ngũ kẻ thù và bạn đồng minh của cách mạng nhất định sẽ có chỗ biến hoá. Lúc đó sẽ sắp xếp lại".

Từ năm 1953 trở đi, Đảng sắp xếp lại các thành phần xã hội với những đợt cải cách ruộng đất và phong trào chính huấn trí thức (1953), cải tạo xã hội chủ nghĩa nhắm vào tư sản dân tộc (1969) và mấy đợt cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, sau 1975. Nhưng có lẽ ít người biết rằng, tuy Trường Chinh, Lê Duẩn và Đỗ Mười là những người được coi như đã đóng vai chủ chốt trong những đợt cải tạo nói trên, chính ông Hồ, người đã tung ra khẩu hiệu "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết", mới là bộ óc và linh hồn của những đợt cải tạo đó.

Năm 1939, ông Hồ đã đưa ra đường lối không đề ra khẩu hiệu

tích thu ruộng đất của địa chủ để kéo tầng lớp địa chủ vào Mặt trận dân tộc. Nhưng năm 1953 chính ông lại đề nghị Quốc hội cải cách ruộng đất và nhấn mạnh rằng "cải cách ruộng đất là một cuộc đấu tranh giai cấp rộng lớn mà chúng ta phải kiên quyết làm... thành công".

Về trí thức và tư sản dân tộc thì chính ông Hồ đã phát động phong trào chỉnh huấn trí thức bằng một bài nói chuyện với cán bộ vào tháng 6-1953. Ông cảnh cáo "các cô các chú trí thức phải cải tạo tư tưởng, phải lao động hóa, phải dứt khoát đứng về phe nông dân, không được đứng giữa hay đứng ngoài, vì đứng giữa hay đứng ngoài sẽ bị kẹp như cây mía và sẽ bị dẽ dẹp".

Về tư sản dân tộc, cũng chính ông Hồ phát động phong trào giúp các nhà tư sản dân tộc tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa, vào tháng 12-1959, vì cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới. Nhưng sau đó, ông cho rằng quyết định này không còn thích hợp nữa vì "quan hệ giai cấp xã hội miền Bắc đã thay đổi và Đảng có điều kiện để cải tạo họ theo con đường xã hội chủ nghĩa". Nói một cách khác, "ta đã thắng và chính quyền vô sản đã củng cố rồi, tư sản không còn cục cựa được, ta tha hồ mà đánh ép".

Cuối cùng, sau khi toàn thắng năm 1975, Đảng thi hành các đợt cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam ra sao thì ai cũng còn nhớ, không cần nhắc lại chi tiết, trừ ra sự kiện chính: người hăng say và thẳng tay điều khiển công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa xã hội trong những năm 1976-1978 tại miền Nam là Đỗ Mười, con người hiện đang cố vô cho đại đoàn kết dân tộc, với nội dung và hình thức mô tả trên đây.

Vì những lý do đó, thái độ của dân chúng là một thái độ "bất tín, bất tòng". Không tin nên không theo.

Bản chất của vấn đề: Lãnh đạo ĐCS có thực tâm hay không?

Bản chất của vấn đề rất giản dị. Đó là ban lãnh đạo hiện nay của ĐCS có thực tâm hay không? Họ có đưa ra những bằng chứng nói lên sự thành tâm và ý chí sửa sai của họ hay không và bằng chứng đó là gì?

Về căn bản, ban lãnh đạo của ĐCS phải có những hành động cụ thể chứng minh rằng họ thành thực khi nói đến "dân tộc", nghĩa là coi mọi giai cấp, mọi tầng lớp, mọi thành phần, mọi đoàn thể, mọi cá nhân đều bình đẳng... không có ai ngồi trên luật pháp và Hiến pháp cả. Không có vấn đề chuyên chế, độc quyền, đặc quyền của một giai cấp, một thành phần, một đoàn thể hay một cá nhân nào cả. Phải có những tu chính Cương lĩnh, Hiến pháp và luật pháp cụ thể, rõ ràng, dứt khoát, thể hiện sự bình đẳng nói trên. Đồng thời phải có những chính sách nhằm phục vụ toàn thể dân tộc chứ không riêng một giai cấp, một đoàn thể, một tầng lớp nào. Mở cửa công quyền cho tất cả mọi thành phần dân tộc, để tất cả mọi người có quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị và tham gia vào công cuộc kiến thiết xứ sở.

Ban lãnh đạo hiện nay của Đảng phải áp dụng các biện pháp này một cách triệt để và thẳng thắn. Có thể mới mong thuyết phục được những người không chấp nhận chủ nghĩa xã hội theo mô hình Mác-Lê-Staline-Mao và làm cho họ thay đổi thái độ. Trong số này có rất nhiều người yêu nước, yêu công bằng xã hội, có vốn, có khả năng chuyên môn, có kinh nghiệm, có thiện chí, có thể đóng góp rất nhiều trong công cuộc kiến thiết xứ sở. Nếu có lý do chính đáng, họ sẽ có thể từ bỏ thái độ chống đối quyết liệt, chấp nhận một sự đối thoại xây dựng để cùng nhau tìm những giải pháp thực tiễn, thực hiện "đại đoàn kết dân tộc". Lý do chính đáng đó là bằng chứng rõ ràng, cụ thể về thực tâm của ĐCSVN.

Tôn Thất Thiện

Những tiếng nói bất đồng từ trong lòng chế độ

Ảnh Dương

Trong giai đoạn lịch sử này, dân tộc ta đang đứng trước bao nhiêu chuyển biến lớn lao trên thế giới. Nhiều cán bộ đảng viên cộng sản còn băn khoăn cho vận mệnh của đất nước, đã mạnh dạn nói lên những ý kiến bất đồng với chính quyền hiện nay. Chúng tôi sẽ cố gắng trình bày tóm tắt quan điểm của một số người trong nước, trong hoàn cảnh không được tự do phát biểu, nhưng vẫn cố gắng đóng góp ý kiến. Quan điểm rất đa dạng, và trong khuôn khổ của một bài báo ngắn, chúng tôi không thể đi vào từng chi tiết. Chúng tôi tự nghĩ rằng bài báo xem như đạt được yêu cầu nếu bạn đọc thấy được những nét lớn của một bức tranh toàn cảnh, đánh tan được cảm giác mơ hồ cho rằng chỉ những người từng có ưu thế trong chế độ cũ mới đứng lên chống đối, còn cán bộ và nhân dân kháng chiến trước đây vẫn một lòng theo đảng, theo Bác. Một nhận định khác, thường cho rằng người trong nước hiện nay đang lao vào cải thiện đời sống là chính, rất thờ ơ với chính trị. Qua bài báo này, mong rằng bạn đọc sẽ nhìn thấy còn nhiều người, trước đây đã từng tham gia và có một chỗ đứng trong lòng chế độ, vẫn tự chuốc lấy cái tội vào thân, lo chung cho thiên hạ. Những người này thuộc nhiều tầng lớp khác nhau.

Văn nghệ sĩ

Nói đến văn nghệ sĩ bất đồng với chính quyền, ta thường nghĩ ngay đến phong trào Nhân văn Giai phẩm, nổi tiếng một thời. Nhưng thời đó đã xa, những nạn nhân nay đã già yếu, chỉ còn một số ít như Phùng Quán, Hữu Loan vẫn còn lên tiếng, đòi xét lại vụ án. Trong số những người có liên quan, mặc dầu không trực tiếp viết bài cho báo hồi đó, có thể kể Nguyễn Mạnh Tường, gần đây xuất bản "Un excommunié", Nguyễn Chí Thiện vẫn tỏ ý chí của mình.

Những văn nghệ sĩ mới xuất hiện từ khoảng 1987 đến nay khá đông, trong đó Nguyễn Ngọc, Bảo Ninh, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Văn Thủy, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Duy... Phần đông chỉ dám tranh thủ phong trào còi trời do Tổng bí thư đề ra, viết những tác phẩm mô tả những bất công xã hội, mặc dù chỉ giải thích được những nét tiêu cực của một số cán bộ địa phương, nhưng nhiều khi khiến người đọc cảm xúc, suy nghĩ vượt quá phạm vi cho phép của văn nghệ Mác-Lê. Chẳng hạn "Cái đêm hôm ấy hôm gì", hoặc bài trong "Còi trời văn nghệ phản kháng tại Việt Nam, 1986-1989", kể chuyện một cô gái bị vu oan, rồi bị bức tử... quả đã dẫm bồi đen chế độ. Nguyễn Huy Thiệp chỉ viết văn, không trực tiếp bàn chính trị nhưng những nhân vật được mô tả, dù là đương thời hay lịch sử, cũng rất sống động và độc đáo, khác xa với những nhân vật viết theo đúng đường lối, hợp với công thức và thói quen phán xét của những bộ óc xơ cứng. Vì vậy, cho tới nay, ông vẫn tiếp tục nhận được những lời phê phán nặng nề của những thánh giả RFI, gửi thư buộc tội ông cố tình xuyên tạc lịch sử.

Tiến lên một bước, Hoàng Ngọc Yến, Lại Nguyễn Ân... bàn về lý luận văn học, đã xét lại những luận điểm cơ bản của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Những bài báo châm biếm nền văn học phải đạo, hoặc bênh vực cách nhìn sự vật khách quan,

khoa học mà không sợ bị quy kết về lập trường, đã gây ra phản ứng của một số cây viết báo thủ hồi 1988-1989. Bút chiến tự tất dần, không có kết luận như thời 1957 vì thời thế đã đổi thay. Vẫn có những biện pháp đối phó, thậm chí trấn áp, như việc thay đổi ban biên tập hay việc đóng cửa một số báo như Langbian, Cửa Việt,... Nhưng không thể bắt tác giả các bài báo đi cải tạo vì nay đã có một số đồng quan chúng hậu thuẫn. Đôi khi có bắt giam cũng phải dựa vào lý do khác, cuối cùng vẫn phải tha, như Dương Thu Hương. Nhiều người không hối cải mà còn mạnh dạn đề cập đến những vấn đề hù y hơn. Như Vũ Huy Quang, từ "Ông vua lớp", năm 1987 vẫn phải viện đến Tổng bí thư để đả kích chính sách trói buộc kinh tế, nhưng trong "Linh nghiệm", 1993, đã dùng đến thần tượng cao nhất trong nước. Còn "Tiểu thuyết vô đề" thì đụng đến thần tượng quốc tế. Tập thơ "Mưa nguồn" của Vũ Cận, nguyên chủ bút Courier du Vietnam, lúc đầu dự định chỉ nằm trong một tủ sách nội bộ vì tác giả vẫn muốn làm một đảng viên triệt để tuân theo kỷ luật đảng. Nhưng đầu 1994, tập thơ ra mắt công chúng, nêu ra cả một bức tranh xã hội chủ nghĩa nặng mùi phong kiến, với các bộ lão tham quyền cố vị, tước đoạt tự do của quần chúng và trí thức.

Một số sáng tác âm nhạc, điện ảnh cũng đi tìm nguồn hứng ngoài vòng hiện thực xã hội chủ nghĩa. Như nhạc rock Trắng Đen bị cấm năm 1986, cuối năm 1990 nhạc rock Đất Nước của Trần Tiến được khán giả Sài Gòn tán thưởng. Phim "Gánh xiếc rong" bị cấm trong hai năm và phim "Hãy thứ lỗi cho em" của Lưu Trọng Ninh đã gây được tiếng vang trong và ngoài nước.

Những nhà nghiên cứu khoa học xã hội và hoạt động xã hội

Không riêng gì các nhà sáng tác hay lý luận văn học nghệ thuật, những người làm công tác khoa học xã hội cũng đứng lên phát biểu, ngày càng đi vào những vấn đề trực diện nhất. Hoàng Minh Chính, nguyên Chủ tịch Hội Thanh niên, nguyên Viện trưởng Viện Triết học, trong những năm 60 bị giam cầm với tội cầm đầu nhóm chống đảng, gần đây đòi gay gắt xét lại bản án và tố cáo bộ máy đàn áp, đặc biệt là Lê Đức Thọ. Nguyễn Kiên Giang, nguyên Phó giám đốc nhà xuất bản Sự thật, khoảng 1967-1976 bị giam và quản thúc vì lý do tham gia nhóm chống Đảng, từ 1986 viết một loạt bài. Lúc đầu chủ yếu chỉ đòi tự do báo chí. Sau những biến cố 89-90, ông đã đi sâu vào những vấn đề cơ bản nhất trong "Khủng hoảng và lối ra". Từ chỗ bênh vực cho Mác để đòi tự do báo chí đến chỗ phân tích toàn diện vấn đề công bằng xã hội và kinh tế không kể đến các quan điểm được bàn đến là của học thuyết nào, tác giả đã tiến khá xa.

Báo Đối thoại, số 2, có đăng bài của Hà Nghiệp đề nghị đổi tên Đảng theo chiều hướng tách xa hơn chủ nghĩa cộng sản Mác-Lê. Cách đây không lâu, Hà Nghiệp vẫn giữ những chức vụ quan trọng trong Đảng, đề nghị này có một ý nghĩa, chưa chắc đã được dư luận tán thành, nhưng cũng chứng tỏ sự băn khoăn ở mức độ thấp của một số đảng viên kỳ cựu. Cùng một nỗi băn khoăn là những người hoạt động chính trị và xã hội ở miền Nam. Nguyễn Hộ, một người cộng sản kỳ cựu, một thời phụ trách Câu Lạc bộ Kháng chiến vạch ra những tệ đoan của một số quan chức, sau chuyển dần thành tố cáo chế độ. Đầu năm 1990, Câu lạc bộ bị cấm, Tạ Bá Tòng, Hồ Hiếu, Đỗ Trung Hiếu, Lê Đình Mạnh bị bắt. Bị đàn áp từng bước, ông không khuất phục mà ngày càng nhận thức sâu hơn. Trong tài liệu "Quan điểm và cuộc sống", ông đã tiết lộ một số sự kiện, nêu rõ quan điểm làm theo mô hình tư bản chủ nghĩa, từ bỏ chủ nghĩa xã hội, bác bỏ nền chuyên chính độc tài độc đảng, bảo đảm các quyền tự do dân chủ.

Lữ Phương, nguyên Thứ trưởng bộ Văn hóa trong chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam, từ 1979, bên cạnh một vài tác phẩm tiếp tục chống cuộc xâm lăng của đế quốc Mỹ, đã phê phán các sai lầm của Đảng và đòi dân chủ hóa. Tháng 11-1993, ông viết "Đàm thoại về chủ nghĩa xã hội Mác-xít" phân tích lý luận Mác-Lê và biến dạng Stalin, đề cập tới sự thất bại của chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam, rồi thử tìm đường hướng cho xã hội Việt Nam.

Nguyễn Phong Hồ Hiếu, gia nhập đảng năm 1966, sau khi đã hoạt động cho đảng từ năm 14 tuổi và bị bắt giam 15 năm. Vào các năm 1980, tham gia CLB Kháng chiến với Nguyễn Hộ, bị bắt giam hơn một năm, sau đó bị khai trừ khỏi Đảng. Ngày 1-8-1993 được mời đọc tham luận trong một buổi họp do ban khoa học xã hội thành phố tổ chức trên vấn đề dự báo tình hình sau khi Mỹ bỏ cấm vận. Ông cho rằng:

- Nếu Mỹ đến với thiện chí thì sẽ được chào đón và hợp tác, nếu đến với ý đồ không trong sáng thì sẽ bị xua đuổi.

- Chính quyền chớ nên hoa mắt trước đồng đô-la, đừng vì quyền lợi liên quan đến những kẻ đang cầm quyền mà xem nhẹ quyền lợi lâu dài của đất nước như bán và cho thuê dài hạn đất đai, đồi núi, hầm mỏ.

- Đảng và chính quyền nên xét lại toàn bộ chủ trương, chính sách và thái độ đối với dân. Nếu coi thường dân, o ép, trấn áp thì dân sẽ đấu tranh, từ bất mãn, bất chấp đến bất tuân và sau cùng là bất công đối thiên với đảng.

- Trong thế kỷ 19 và 20, chủ nghĩa Mác-Lê là đối thủ đáng sợ nhất của chủ nghĩa đế quốc. Nhưng dự kiến của Mác-Lê về việc xây dựng chủ nghĩa xã hội là không tưởng. Trên thế giới, hàng loạt sự kiện đã chứng minh điều này. Việt Nam đã dùng con thuyền Mác-Lê để vượt qua sông "độc lập". Nhưng từ 1975 đến nay vẫn vác con thuyền đó trên vai để đi bộ đến "tự do hạnh phúc". Kết quả đã vướng cẳng. Phải chăng nên từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lê, đổi tên nước và tên đảng?

- Thực sự trả lại dân quyền và dân chủ.

- Để cho quần chúng và nhân dân được tự do tổ chức những phong trào chống tệ đoan xã hội, chống bất công, tham nhũng, cường hào ác bá mới.

Tiêu Dao Bảo Cự, thuộc lớp sinh viên miền Nam nghe theo tiếng gọi của Mặt trận Giải phóng, hăng hái hoạt động chống Mỹ, gia nhập đảng với ước mơ phấn đấu cho một lý tưởng cao đẹp. Qua thực tiễn, ông thấy quan niệm bị xoay chuyển phù phàng. Ông cố gắng đấu tranh, cùng với Bùi Minh Quốc, trong ban phụ trách báo Langbian, lên đường tiến hành một cuộc vận động dân chủ hàng ngàn cây số. Bị kỷ luật, ông viết cuốn tiểu thuyết "Nửa đời nhìn lại", nói lên tâm trạng của mình, đặt lại một số vấn đề về cuộc sống, lý tưởng và chế độ.

Trần Minh Thảo, vào đảng năm 1969 tại nhà lao Thừa phủ, về hưu năm 1989, vừa viết một bức thư ngỏ để tóm tắt và công bố những điều ông đã viết lên Trung ương đảng mà không được trả lời. Nội dung là trả lời Đặng Xuân Kỳ và Lê Quang Vịnh buộc tội "những kẻ trước đây từng đi theo chủ nghĩa Mác-Lê nhưng thậm chí hiểu rất ít về Mác, nay phản bội đầu hàng". Bài viết nói rõ tâm trạng của bản thân, thấy mình đã đi theo một lý tưởng cao đẹp nhưng, trước một sự thực khách quan, phải rút ra một kết luận "chủ nghĩa Mác-Lê không thể thực hiện nổi lý tưởng cao đẹp nêu ra, thậm chí phần cực tả trong chủ nghĩa đã gây ra nhiều tai họa cho nhiều dân tộc". Ở Việt Nam, những người cực tả hẹp hòi nắm quyền trong mấy chục năm, coi khinh những người bất đồng ý kiến chỉ vì họ đã có chức quyền, không cần đến lý lẽ, không cần

đếm xỉa đến quần chúng nhân dân. "Ổn định chính trị tình" là tạm thời. Một đường lối chính trị tốt phải khơi dậy tinh thần: đối lập, tạo ra thế "ổn định động" nhờ đó sẽ đào mồ chôn cả tham nhũng, buôn lậu, mafia, buôn dân bán nước.

Những người làm khoa học tự nhiên

Nhiều người xuất thân là khoa học tự nhiên nhưng trải qua những hoạt động chính trị xã hội, đã đóng góp bàn luận tình hình đất nước.

Bà Dương Quỳnh Hoa, bác sĩ, nguyên Thứ trưởng bộ y tế trong chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam, sau khi rời chức vụ và rút khỏi đảng, trở về với công tác y tế, với mục đích thuần túy nhân đạo. Nhưng kinh nghiệm của những năm tháng cùng làm việc với những nhà cầm quyền đã khiến bà thốt ra những lời chua chát như sau:

- Hồi chiến tranh, đảng có quan hệ mật thiết với dân nhưng, từ ngày nắm chính quyền đến nay, dân trở thành kẻ thù tiềm tàng của đảng.

- Giới lãnh đạo không có đủ kiến thức để cầm quyền..., rất độc tài và chỉ muốn bám chặt lấy cái ghế mà thôi.

Một bác sĩ khác ở miền Bắc, có quá trình hoạt động trong đảng lâu hơn, ông Nguyễn Khắc Viện, sau nhiều đợt góp ý với lãnh đạo trong những năm 80, đã bị Tổng bí thư Nguyễn văn Linh phê là ăn phải bả của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Tháng 1-1991, ông lại gửi thư yêu cầu Đại hội VII tuyên bố đảng trả lại toàn bộ quyền hành cho các cơ quan dân cử và nhà nước và bảo đảm quyền tự do dân chủ.

Ông Hà Sĩ Phu, nhà nghiên cứu sinh vật học, tác giả các bài "Dắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ" và "Đôi điều suy nghĩ của một công dân" đã thể hiện rõ nét hơn tính chất nhà khoa học tự nhiên. Ông đề xướng cách phân loại mới cho suy nghĩ và hành động của con người. Đó là "duy lý, duy tín hay duy lợi". Luôn luôn lấy trí thức và khoa học làm căn cứ: đó là duy lý. Cái gì trái với những quy luật khách quan mà mình nhận thức được thì không chấp nhận. Tác giả phản đối tư tưởng duy tín, buộc mọi người phải tin vào chủ nghĩa Mác-Lê cùng như tư tưởng của Mao và tác phong ông Hồ làm kim chỉ nam cho suy nghĩ và hành động. Vì thực tế khách quan đã vạch trần những mâu thuẫn giữa các tín điều của chủ nghĩa Mác-Lê với sự thực tột tể, đó là những nghịch lý mà ai cũng có thể kiểm chứng một cách khoa học. Nghịch lý hiện tại cũng cần được giải quyết. Hạ tầng là kinh tế thị trường mà thượng tầng là xã hội chủ nghĩa thì người dân nghèo sẽ bị cả hai cơ chế ràng buộc, kẻ có quyền sẽ lợi dụng cả hai cơ chế để chơi trò ú tim, không luật pháp nào trị nổi. Giải pháp phải là "Tổ quốc Việt Nam phải là của chung của mọi người Việt Nam, không một lực lượng chính trị nào có thể độc quyền yêu Tổ quốc".

Giáo sư Phan Đình Diệu đã từ lâu nói lên ý kiến bất đồng của mình. Dựa trên những luận điểm khoa học, ông nhận xét rằng một hệ thống phức tạp như hệ thống kinh tế, chính trị, xã hội của một nước không thể, nhất là trong tình hình khách quan của thời đại chúng ta, điều khiển theo một ý chí từ trên đưa xuống mà phải được chuyển biến theo những quy luật nội tại khách quan. Một trong những quy luật đó là sự đối trọng và chuyển hóa của những mâu thuẫn. Cứ theo lô gíc đó thì đối lập chẳng có gì là đáng sợ cả. Ổn định động, hàm ý phát triển tích cực, chỉ có thể thực hiện bằng cách lập ra một đối cực. Ông nghĩ rằng hai đảng cũng đủ và cho rằng đảng cộng sản có hai mặt: mặt cộng sản và mặt yêu nước. Nên giữ mặt thứ nhì và bỏ mặt thứ nhất để có thể tự biến

đổi thành một lực lượng quốc gia chân chính. Với chừng mực nhất định, ông vẫn được nhà cầm quyền cho tham gia vào Trung ương Mặt trận Tổ quốc. Nhưng những đề nghị của ông về vấn đề dân chủ hóa đất nước chưa lọt tai nhà cầm quyền. Bằng chứng là Hà Sĩ Phu vừa gửi cho Phan Đình Diệu một bức thư phản nản rằng công dân Đỗ Tư Nghĩa ở Đà Lạt vừa bị bắt giam vì tội tàng trữ tài liệu chống chủ nghĩa xã hội, tài liệu đó chính là bài phỏng vấn Phan Đình Diệu vừa trích dẫn trên đây.

Ta còn có thể kể thêm ông Nguyễn Thanh Giang, chuyên viên vật lý địa cầu thuộc Cục địa chất Việt Nam ở Hà Nội. Trong một bài báo gần đây ông phê phán chính quyền cố bám lấy chủ nghĩa Mác-Lê lỗi thời, chỉ lo ngại về khả năng diễn biến hòa bình lên một giai đoạn tự do dân chủ hơn, do đó nhìn đâu cũng thấy địch.

Qua các phân tích trên đây, các ý kiến bất đồng với chế độ thật là đa dạng, trên nhiều khía cạnh khác nhau và ở nhiều mức độ khác nhau. Tuy nhiên có hai điểm sau đây hầu như thống nhất:

- Yêu cầu đòi hỏi dân chủ là điểm nổi bật, kể cả những tài liệu chủ yếu nhằm minh oan cho một vụ án nào đó.

- Đấu tranh hòa bình cũng là một nhu cầu tha thiết của người dân Việt Nam, đã bị các thế lực thù địch nhấn chìm trong máu lửa hàng mấy chục năm. Hơn thế nữa, dân trí đã bắt đầu hiểu rõ sự cần thiết phải có dân chủ, tự do, nhân quyền. Sức cản ngày càng bị cô lập, đấu tranh hòa bình chắc chắn sẽ giành được thắng lợi, bằng cách này hay bằng cách khác, can chi phải dùng đến bạo động? Đó cũng là niềm tin và kết luận của bài này.

Anh Dương

Văn Nghệ & Dạ Vũ Mùa Xuân

Thứ bảy 6-5-1995

Salle des Fêtes de Massy-Espace Liberté
(Mairie de Massy)
1, avenue du Général de Gaulle- 91300 MASSY
RER B : Massy - Palaiseau

Quý vị đã từng nghe Ban hợp xướng NGÀN THÔNG với
"HỒN VỌNG PHU" của nhạc sĩ Lê Thương,

Năm nay mời quý vị gặp lại NGÀN THÔNG với những lời ca
thân quen qua bản trường ca nổi tiếng của Phạm Duy :
"MẸ VIỆT NAM"

trong một chương trình văn nghệ đặc sắc

19 giờ 30 : Gặp mặt và trò chuyện

20 giờ 30 : Văn nghệ

22 giờ 30 : Dạ vũ với ban nhạc sống **The Time**

Vào cửa :

* Người lớn 120 francs (100 francs nếu đặt mua trước)

* Sinh viên 100 francs (80 francs nếu đặt mua trước)

Liên lạc :

Mỹ Lan : 69 84 82 88; Cẩm Phượng : 60 29 05 37

Bích Đào : 48 90 47 91; Kiều Tiên : 69 20 23 16

Xuân Mỹ : 46 61 22 06; Bà Hiệp : 42 49 38 92

Tân thuyết Darwin và khái niệm đa nguyên

Diệp Tường Bảo

Luật tiến hóa của Darwin đã là niềm suy ngẫm của nhiều nhà chính trị thuộc những trường phái khác nhau. Thành phần tư bản đã áp dụng luật này để biện minh cho chủ nghĩa thực dân và việc áp chế giai cấp lao động. Mặt khác, người cộng sản đã kết hợp khái niệm tranh đấu loài giống với quan niệm đấu tranh giai cấp để giải thích chủ nghĩa biện chứng duy vật. Song từ vài thập niên mới đây, luật tiến hóa của Darwin đã được sửa sai, và lịch sử lại ngẫu nhiên ghi nhận đồng thời sự sụp đổ của các chủ nghĩa có tính cách khẳng định. Các nhà nghiên cứu luật tiến hóa đã đem lại những gì để cải cách học thuyết Darwin và những hiểu biết mới có thể đưa lại cho chúng ta những suy nghĩ gì về con người và xã hội?

Lý thuyết tiến hóa của Darwin và những uẩn khúc của nó

Con người bắt đầu đặt câu hỏi về nguồn gốc của các sinh vật khi tìm thấy những mẫu hóa thạch của thú tiền sử. Vào đầu thế kỷ 19, Darwin khám phá vai trò của sự đào thải tự nhiên trong quá trình tiến hóa của các loài vật. Trong quyển sách "*Nguồn gốc của muôn loài*", ông giải thích rằng sự tranh đấu để sinh tồn làm cho những cá thể yếu kém bị tiêu diệt. Chỉ những thành phần còn sống sót mới có khả năng di truyền đặc tính của mình cho dòng dõi. Ông nhấn mạnh rằng sự cạnh tranh xảy ra giữa ngoại giống và nội giống, và phải được hiểu với nghĩa rộng là trên phương diện sống còn và sinh lý.

Mặc dù Darwin đã bị chỉ trích rất nhiều nhưng tương đối, lý thuyết của ông đã được phổ biến nhanh chóng so với đặc tính cách mạng của nó. Lý do thứ nhất là nó được kiểm chứng bởi rất nhiều quan sát thực tế. Trong nhiều bầy thú như sư tử, nai, các con đực mạnh nhất chiếm hữu tất cả các con cái. Nhiều loài chim có tập quán chỉ nuôi những đứa con nào có cưỡng hòng đồ nhất và bỏ rơi các đứa còn lại. Luật tiến hóa cũng được kiểm chứng trực tiếp trong vài hoàn cảnh: một giống bướm sống tại Anh quốc đã đổi màu từ trắng qua đen lúc nước Anh được kỹ nghệ hóa, làm những cây nó thường đậu đã sạm đi vì ô nhiễm.

Thêm nữa, luật tuyển chọn tự nhiên đã đến đúng lúc để biện hộ cho sự đàn áp đại đa số nhân loại (công nhân, dân tộc bị đô hộ) bởi một thành phần tự cho mình là ưu việt (tư bản, da trắng) vào thời kỳ đó. Nhà toán học Fisher đã tranh đấu để nhà nước rút bớt trợ cấp cho những gia đình nghèo vì cho rằng không nên cản trở sự đào thải tự nhiên. Có những nhà nhân chủng học như Spitzka cố gắng chứng minh những dân tộc bị đô hộ có bộ óc nhỏ hơn người Âu châu... và đã không ngại giả mạo kết quả khi nó không đưa đến kết luận họ muốn! Con quái vật cuối cùng của ý hướng "Darwin xã hội" là tư tưởng ưu sinh, theo đó loài người có thể cải tiến theo tiêu chuẩn sinh vật học; tư tưởng này đã đưa tới những hành động khủng khiếp như việc quốc xã Đức tiêu diệt người Do Thái và những kẻ bệnh tật. Sai lầm căn bản của những người chủ trương chính sách ưu sinh là họ không ý thức được rằng con người khác với loài vật, là một thực thể quá phức tạp để có thể đánh giá theo các đơn vị đo lường của sinh vật học. Về thể chất chẳng hạn, bất nhất như họa sĩ van Gogh, diếc như nhạc sĩ von Beethoven, gầy gò như lãnh tụ Gandhi, yếu đuối như nhà văn Phan Bội Châu, lại cố gắng hiến cho nhân loại những gia tài quý báu hơn hàng tỷ người có sức khỏe. Ấy là chưa nói đến những phương pháp để đo lường thể chất, bởi vì khả năng thể thao, độ dai bền, mức chịu

đựng là những khái niệm không đồng nhất: các lực sĩ vô địch sẽ không chịu nổi điều kiện sinh sống của các dân tộc sống giữa thiên nhiên và phái nữ có mức chịu đau cao hơn phái nam.

Mặt khác, tính cách duy vật của lý thuyết Darwin đã được các nhà cách mạng thời đó lưu tâm. Engels tuyên bố Darwin đã chứng minh sự hiện hữu một "nền phát triển lịch sử của thiên nhiên" và Marx cho rằng: "Quyển sách của Darwin rất quan trọng và thích hợp như nền tảng của cuộc đấu tranh giai cấp lịch sử". Nhưng sự thất vọng của người cộng sản đối với những thành quả chót của sinh vật học cũng sẽ tới nhanh và mạnh như niềm phấn khởi họ đã dành cho nó lúc đầu.

Phần đóng góp của lý thuyết Darwin là đã phá tan niềm tin ở một thiên nhiên hòa điệu, và đã làm nổi bật vai trò của đấu tranh giữa các sinh vật trong diễn tiến biến đổi. Nhờ Darwin, con người hiểu được sự thích ứng của muôn vật với môi trường đến từ hàng triệu năm tiến hóa, và thỉnh thoảng thiên nhiên có sai lầm nhưng các sai lầm này đã tự nhiên bị đào thải. Tuy nhiên, lý thuyết Darwin còn mang vài điểm mâu thuẫn với những sự kiện được nhận xét. Thứ nhất là nếu thiên nhiên chỉ giữ lại những gì thích ứng nhất với môi trường, thì cũng phải công nhận là đời sống vẫn còn muôn hình. Và làm sao cất nghĩa được vẫn còn trên trái đất này những loại động vật vừa cạnh thi, vừa chậm chạp, vừa sinh đẻ ít như con tê giác, vẫn còn những con yếu thế, rụt rè như con cừu, và một vài loại còn giữ nguyên đặc tính cổ hủ như con sam hoặc con sao la ở Việt Nam? Thứ đến là y tế vẫn ghi nhận từ triệu năm nay các bệnh di truyền, như bệnh tiểu đường, bệnh huyết cầu hình lưỡi liềm v.v... nguy hại đến tính mạng và cũng không chắc có đầy đủ yếu tố để di truyền cho hậu thế. Câu trả lời những thắc mắc này được một tu sĩ vô tình khám phá và đặt căn bản cho một khoa học mới.

Mendel và khoa học di truyền

Mendel là người đã tìm ra sự khác biệt giữa hình dạng của một sinh vật với di sản gia truyền của nó. Ngoại hình của một sinh vật được quy định bởi nhiều yếu tố di truyền gọi là gen, với những gen trội và những gen lặn. Thí dụ mà Mendel đã thí nghiệm liên quan đến màu sắc của hạt đậu Hòa Lan: một hạt đậu màu xanh có thể mang hai gen xanh, hoặc một gen xanh với một gen vàng; trong khi đó một hạt đậu chỉ có thể vàng nếu nó đeo hai gen vàng; gen xanh được gọi là gen trội, gen vàng là gen lặn. Sau Mendel, sự kiện này đã được kiểm chứng trong một số mô hình khác như màu của cọp (trắng hay vàng), số cánh của ruồi dấm (không, hai hoặc bốn) v.v... Sau cùng, sự khám phá phân tử DNA là nơi nương tựa của tin tức di truyền, đã dứt khoát chứng thực lý thuyết Mendel. Công trình của Mendel đã đưa tới sự hình thành một khoa học mới, đó là khoa học di truyền: trong ngành này những nhà nghiên cứu dùng nhiều phương pháp thống kê nhằm tính khả năng một đặc điểm nào đó được xuất hiện trong một dân số nào đó. Thiên nhiên mất hẳn tính cách khẳng định dưới cách nhìn của chủ nghĩa Darwin. Những khái niệm "tật" hay "ưu điểm" được xét lại. Trong lý thuyết được gọi là "tân thuyết Darwin", mệnh đề xưa "thiên nhiên tuyển chọn những kẻ mạnh nhất" được thay bằng mệnh đề mới "thiên nhiên chỉ loại những kẻ quá yếu và giữ tất cả yếu tố để chuẩn bị những biến chuyển cần thiết trong tương lai". Nếu trở lại những ví dụ trên sinh vật, mặc dù các con

sam, tê giác, cù lằn, sao la không đại diện thành phần tinh hoa của những bộ sinh vật của nó, nó vẫn tồn tại được bởi vì nó cũng đã có những thích ứng với môi sinh. Hay đã có cánh màu đen, loài bướm ở Anh quốc vẫn còn giữ gien cho nó màu trắng, để ngày nào các cây tìm lại màu cũ sẽ trở lại cánh trắng. Và trên con người, nếu bệnh tiểu đường là một trở ngại trong những điều kiện bình thường, nó lại có thể là một ưu thế trong những hoàn cảnh thiếu thốn: thiên nhiên giữ lại gen bệnh tiểu đường để dự bị tình trạng đó. Bệnh huyết cầu hình lưới liềm chỉ phát ra nếu con người mang hai gen liệt truyền bệnh, nhưng cặp với một gen trội khác, nó giúp người ta ngừa bệnh sốt rét. Nhờ Mendel, chúng ta hiểu sinh vật không truyền những đặc tính mà phân nửa các yếu tố đã đưa tới trạng thái của nó. Một kẻ mạnh khỏe không ít khả năng truyền bệnh hơn một người mang bệnh. Cái lỗ bịch của tư tưởng ưu sinh có lúc đã đưa đến khuynh hướng gây dựng một giống người thông minh trên mức bình thường bằng cách tạo giống người này với tinh dịch của các nhà lãnh giải Nobel mà không nghĩ tới những kết cấu của gen trội và liệt. Nói cho cùng, chương trình nay chứng tỏ thông minh lấy nhiều hình thức và có lúc nó không chế ngự nổi khuynh hướng tự đắc của con người!

Khoa học di truyền đã dẹp bỏ đặc tính biến chứng của lý thuyết Darwin. Nhà cổ sinh vật học Gould đặt ra khái niệm "ngẫu sinh" để diễn tả khả năng có một thế giới hoàn toàn khác với thế giới chúng ta đang có nếu vài điều kiện tiên khởi được đổi ít nhiều. Ông kết luận sự xuất hiện của loài người là một chuyện tình cờ vì nó đã dựa trên những biến cố rất đặc biệt như sự rơi của một vận thạch, việc một mảnh đất ở đông-bắc Châu Phi bị nê. Con người không còn là kết quả dự định của lịch sử thiên nhiên, nó là một chi tiết mỏng mảnh trong diễn tiến của vạn vật. Điều này có thể làm nhiều người thất vọng; riêng tôi, tôi cảm thấy thêm một lý do để chúng ta quý trọng con người hơn.

Khái niệm đa nguyên

Mặc dù nó không khuếch từ vai trò đấu tranh để sinh tồn, tân thuyết Darwin đã xác định luật tiến hóa không là một diễn tiến có định hướng. Ngược lại, nó chứng minh rằng thiên nhiên lấy những con đường bấp bênh và trên đó, sự khác biệt, trạng thái đa nguyên lại là ưu thế, trái lại những gì nguyên chất, độc đoán là những điều xấu vì nó cản trở khả năng hòa hợp với môi trường khi có những thay đổi. Dưới những danh từ khác (lý thuyết "hỗn độn", "ngã chia"), khái niệm này được coi là một trong khám phá quan trọng nhất trong các ngành vật lý, cơ học vào cuối thế kỷ 20. Điều đáng lưu ý là quan niệm này từ giới khoa học, đã lan tới môi trường chính trị của các xã hội văn minh. Trong những nước này, các chính đảng dần dần từ bỏ những dự án cực đoan. Không còn đảng chính trị khuynh hữu nào để chủ trương bỏ rơi hoàn toàn vấn đề xã hội mà trái lại, các doanh nhân lại hiểu được sự chênh lệch giàu nghèo quá lớn gây bất ổn cho việc phát triển. Họ còn biết rằng quyền lợi của họ là làm sao đa số dân chúng có mãi lực lớn để tiêu thụ chính sản phẩm của họ. Họ không coi các nghiệp đoàn là kẻ thù mà là những đối tượng cần thiết để cùng ôn hòa thương lượng những luật lao động. Sự phồn vinh của các nước Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy, Liên Bang Đức ít nhiều đã được xây trên sự tương kính giữa hai giới công nhân và chủ nhân. Vì mỗi bên ý thức lực lượng thật sự của đối tượng, những cuộc xung đột đưa đến tổn thương kinh tế đã được tránh khỏi nhờ các cuộc thương thuyết cố định hàng năm. Một ví dụ khác chứng minh sự vô hiệu của các chương trình cực đoan là vài tháng sau khi họ đại thắng trong cuộc bầu cử hạ nghị viện Hoa Kỳ gần đây, Đảng Cộng Hòa gặp nhiều khó khăn để thực hiện chương trình "Hợp đồng với nước Mỹ" chỉ vì tính bảo thủ của nó. Mặt khác, những phong trào

khuyh tả đã từ bỏ những quan niệm đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, kinh tế kế hoạch, v.v... Dù mục đích của họ vẫn là tranh đấu cho những thành phần thấp kém trong xã hội, họ công nhận tư bản là hệ thống duy nhất để đưa đến ấm no thịnh vượng. Khi tổng thống Pháp Mitterrand (đảng xã hội) ứng cử lại vào năm 1988, một trong lời cam kết của ông là sẽ không quốc hữu hóa một xí nghiệp nào cả. Và cũng vì đã trung dung hóa được Đảng Dân Chủ tại Hoa Kỳ mà tổng thống Clinton đắc cử năm 1992, hay việc các lãnh tụ Smith, Blair đã dung hòa được Đảng Lao Động mà người xã hội Anh có nhiều triển vọng cầm quyền sau cuộc bầu cử quốc hội tới. Cho đến Thụy Điển được coi là khuynh tả trong cả thập niên, kinh tế của nó thật ra dựa trên một nền tư doanh rất lớn (hơn 75%). Cách nào làm cho đất nước phồn vinh, phương pháp nào để phân phối hoa lợi một cách hợp lý, đó chính là mối quan tâm chung của hai tư tưởng tự do xã hội (social liberalism) và dân chủ xã hội (social democracy), hai phong trào trội ở những quốc gia phát triển. Nói như thế không có nghĩa là những nhà chính trị phương tây chỉ có những tham vọng nhỏ cho xứ sở. Thật vậy, nếu họ công nhận sự ảnh hưởng của một chính phủ trong đời sống dân sự có và phải được giới hạn, ngược lại họ phải huy vai trò của nhà nước trong việc bảo vệ một số giá trị cơ bản như nhân quyền, công bằng, v.v... Dân chủ có thể coi như một phương cách để bảo vệ những ý kiến và khả năng của đối lập, dự bị thích hợp với những hoàn cảnh mới, khác gì giống vật giữ lại tất cả yếu tố để biến chuyển khi nó không còn thích ứng với môi sinh. Đầu thế kỷ 20, Đảng Cộng Hòa đã đưa Hoa Kỳ đến chỗ đứng của một cường quốc nhưng qua cuộc khủng hoảng kinh tế 1920, "chính sách kinh tế mới" của Đảng Dân Chủ đã chứng minh sự phù hợp của nó với tình hình mới: việc Roosevelt thay thế Hoover làm tổng thống Hoa Kỳ, đã là một điều tốt và cần thiết để Mỹ nhanh chóng tái thiết nền kinh tế. Khác với người cộng sản, những nhà lãnh đạo dân chủ như de Gaulle, Churchill, mặc dù có công trình lớn hão là chiến thắng quốc xã Đức, không coi điều này phải bảo đảm uy quyền của họ trên các nước Pháp và Anh. Điều đã làm cho họ vĩ đại chính là việc họ ý thức được rằng quản lý đất nước trong hoà bình đòi hỏi những khả năng khác với việc điều khiển tổ quốc trong chiến tranh, và quyền nhân dân lựa chọn định mệnh của mình cao hơn tất cả.

Vì tính ích kỷ và kiêu căng của các nhà lãnh đạo Việt Nam, nước ta đang thí nghiệm một chế độ tệ hại chưa bao giờ có trong giòng lịch sử: đó là sự cấu kết giữa tư bản dã man với bộ máy đàn áp của một chế độ độc đảng. Về mặt xã hội, Việt Nam mỗi năm loại ra vòng giáo dục hàng ngàn trẻ em tương lai của đất nước. Trên phương diện kinh tế, khả năng của hai triệu Việt kiều không được vận dụng vì những bắt bớ nhỏ mọn của chính quyền. Trên lãnh vực đạo đức, tiếng nói của những người có lương tâm như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Hộ, Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, v.v... bị bóp nghẹt. Mánh lới, bạo lực, hèn hạ, vụ lợi càng ngày càng trở thành mẫu hình duy nhất tại Việt Nam. Thái độ này đã gặp chính giới hạn của nó: sau một thời gian phấn khởi trước thị trường Việt Nam, Phương Tây bắt đầu chán nản làm việc với một thói quen không áp dụng đúng đắn các hợp đồng. Nước ta sẽ đi về đâu nếu trong tương lai chúng ta chỉ có thể buôn bán với những quốc gia "thông cảm" được cách giao dịch này nghĩa là giới người Hoa? Và ngày nào Trung Quốc bước vào tình trạng nổi loạn thì sao? Đảng Cộng Sản Việt Nam đã phung phí bốn mươi năm và hàng triệu nhân tài để cuối cùng nhìn nhận rằng một nền kinh tế tự do là cần thiết. Nó cần bao nhiêu thập niên nữa để hiểu rằng trong việc phát triển đất nước dân chủ đa nguyên còn tất yếu hơn?

Diệp Tường Bào

Nói chuyện với nhà văn Nhật Tuấn qua điện thoại viễn liên Paris - Sài Gòn ngày 5-3-1995

Nhà văn Nhật Tuấn tên thật là Bùi Nhật Tuấn, sinh năm 1942 tại Hà Nội. Tác phẩm đầu tiên là tập truyện ngắn tựa đề "Trang 17" do nhà xuất bản Văn Học ấn hành năm 1977. Từ bấy đến nay Nhật Tuấn đã hoàn tất trên 10 tác phẩm: "Con chim biết chọn hạt", tập truyện ngắn in năm 1983, "Tiếng gọi lúc mờ sáng", truyện phim (1984), và các tập tiểu thuyết "Bên rặng", "Mô hình và thực thể", "Tin hiệu của con người", "Biển mờ", "Lửa lạnh", "Nỗi buồn cho em", "Đi về nơi hoang dã", "Người đàn bà trong cơn khát", "Niềm vui trần thế" và mới đây tập truyện ngắn "Quê nhà, quê người" viết chung với anh là nhà văn Nhật Tiến, hiện sống tại California, Hoa Kỳ. Nhật Tuấn thuộc thế hệ những nhà văn trung niên đã có những đóng góp nhất định trong công cuộc đổi mới tư duy văn học.

Truyện ngắn "Trang 17" là một truyện ngắn hay, lối viết đậm và sâu, khởi đầu một tài năng, một hướng đi mới. Ông lão quản thủ thư viện sửa soạn về hưu trong truyện gần với hình ảnh ông đồ trong thơ Vũ Đình Liên, vừa là niềm hoài vọng quá khứ, vừa biểu hiện cho một thế hệ đã qua, thế hệ đang bị lớp trẻ lớn lên, tiêu biểu bằng hình ảnh cô gái 17 tuổi, chiếm chỗ. Truyện ngắn "Trang 17", viết từ tháng 5 năm 1973, dự báo sự đổi mới cần phải có cho đất nước, một sự thay đổi mà người đi, ông già, tuy quyền uy nhưng nhìn ra sự lạc hậu của chính mình và chấp nhận rời ghế nhường chỗ lại cho thế hệ trẻ trực diện với hoàn cảnh và đối phó với cuộc đời. Dự báo ấy hơn 20 năm sau vẫn chưa thực sự thành hình trên đất nước.

Thụy Khuê: Anh Nhật Tuấn, xin cảm ơn anh đã nhận lời mời của RFI. Đây là lần đầu tiên tiếp xúc với anh trên đài, có nhiều điều muốn nói với anh. Anh là người quen thuộc với sinh hoạt văn học ở trong nước, trước hết xin anh cho một cái nhìn khái quát về tình trạng văn học hiện nay, về các sáng tác mới, về các cây bút mới, hoặc có hiện tượng gì đặc biệt đáng chú ý.

Ngài Tuấn: Xin cảm ơn đài RFI đã cho tôi một cơ hội để có thể nói chuyện với khán thính giả. Quả thực đã qua rồi cái thời hoàng kim của những năm 89, 90 và 91. Thời đó như có một sức đẩy của lịch sử, do văn chương trong nước trào ra như những phún sa thạch, hoặc nói theo ngôn ngữ đá banh các trọng tài đang mải tranh cãi về luật lệ nên tranh thủ thời cơ đó các nhà văn tới tấp dẫn bóng lên làm bàn. Chẳng hạn như "Thiên đường mù" của Dương Thu Hương, "Đi về nơi hoang dã" của Nhật Tuấn, "Mùa lá rụng trong vườn" của Ma Văn Kháng, "Thời xa vắng" của Lê Lựu, "Ngoại tình" của Nguyễn Mạnh Tuấn; "Nỗi buồn chiến tranh" của Bảo Ninh, đó là chưa kể những sáng tác của hai cây bút truyện ngắn cự phách là Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài. Hai người này liên tiếp cho ra những sáng tác mới rất đặc sắc.

Bước sang năm 92-93, đi vào câu hỏi của chị, "hiện tình văn chương hiện nay" thì phải nói là mấy năm qua nghệ thuật quản lý của nhà nước đã trở nên rất thành thạo, rất tinh khôn. Nhà nước rất biết là cần thắt chỗ nào, hoặc là mở chỗ nào, bởi vậy những tác phẩm xoay quanh chuyện chúng mình, chuyện

"Đi về nơi hoang dã" đã xuất hiện trong thời kỳ sôi nổi của phong trào đổi mới văn học, là tác phẩm kết hợp sự đấu tranh chính trị và hiện thực xã hội. Với một bút pháp hiện thực, châm biếm, với lối viết đối thoại sống động, bốp chát, ngôn ngữ tạo hình, tác phẩm lôi cuốn người đọc và mang dấu ấn thời đại. "Đi về nơi hoang dã" mô tả cuộc hành trình của năm người có nhiệm vụ khám phá con đường lên đỉnh núi Hua Ca. Đỉnh núi Hua Ca của Nhật Tuấn bề ngoài có một vài nét tương tự với "Lá chúc thư trên ngọn đỉnh trời" của Mai Thảo, nhưng bên trong rất khác. Đỉnh trời của Mai Thảo là ảo vọng cá nhân trong nội tâm con người, đỉnh núi Hua Ca là mục đích, là ảo vọng mà cả ê-kíp năm người bị ép buộc, bị quản chế phải theo đuổi tới cùng, dù có phải hy sinh tính mạng dưới sự lãnh đạo mù quáng của một ban chỉ huy từ xa nhắm mắt ra lệnh. Trong hành trình không tương lai, không lối thoát ấy, năm định mệnh rời rạc thuộc tầng lớp xã hội khác nhau, giai cấp khác nhau đã mổ xẻ cái "tôi" của mình, mổ xẻ những tế bào của mình để kết hợp thành một tập thể sắt đá, cùng dựa vào nhau, cùng dựa vào bàn năng làm khí giới tồn tại. Tác phẩm đã kích hệ thống xã hội giáo điều cai quản con người bằng những ảo tưởng và mệnh lệnh mù quáng, đồng thời đề cao giá trị nhân bản của con người: trong những điều kiện ngặt nghèo nhất, vẫn còn với nhau một niềm tương trợ, để chuyển hóa những bất hạnh thành hạnh phúc, những dọ dầy thành niềm vui và đó là sức mạnh nhân bản khó tận diệt trong con người.

Thụy Khuê

phòng the, chuyện vặt hằng ngày, nói chung là những chuyện không mấy may động chạm đến cái gọi là "ổn định chính trị" của các cây bút mới như Phan Thị Vàng Anh, Phan Triều Hải, Nguyễn Thị Thu Huệ, v.v... những chuyện này được đề cao hết cỡ. Ngược lại, những tác phẩm đi sâu, đào bới những mâu thuẫn xã hội, kiểu như bài "Cái đêm hôm ấy đêm gì" của anh Phùng Gia Lộc ngày xưa thì bây giờ chắc chắn là không được thực tiễn. Anh em chúng tôi thường nói đùa là văn chương hiện nay đã từ thanh kiếm sắt đã được thuần hóa thành thanh kiếm gỗ, tức là hào nhoáng lớp sơn nhưng thực ra chẳng đâm được ai cả. Đây là xét về một khía cạnh, nhưng nhìn theo yêu cầu của thời đại, nhìn theo tiến trình đi lên của xã hội thì tôi nghĩ rằng có thể tình trạng này cũng là do yêu cầu của xã hội, của thời đại mới chăng, tức là công chúng đã chán những chủ đề chính trị rồi, bây giờ họ muốn tìm tới một thứ văn học thưởng ngoạn như hiện nay cho nên mới để ra một loạt các truyện ngắn như tôi đã nói ở trên.

Thụy Khuê: Trong thời kỳ gần đây, những tác giả nào, những truyện ngắn nào, theo ý anh, đã gây tiếng vang trong dư luận?

Ngài Tuấn: Truyện ngắn hiện tại, thể hiện qua những năm 93 và 94, qua những cuộc thi của báo Văn Nghệ Quân Đội và những truyện ngắn chọn lọc in ở trên báo Văn Nghệ cho thấy rằng văn học đã có một số hướng đi tuy không nói nhưng đã thoát hẳn được những gò bó của lược đồ xã hội - chính trị trước

đây. Hiện nay tôi thấy có rất nhiều cây bút trẻ có những truyện ngắn khá đặc sắc, như Khuê Việt Trường mới đây đã được giải thưởng của báo Văn Nghệ Quân Đội, và Trần Trung Chính, Phan Thị Vàng Anh, Nguyễn Thị Thu Huệ, những cây bút trẻ ấy đều có những truyện ngắn đặc sắc. Nhưng tôi thấy rằng nó vẫn thiếu một tầm vóc lớn của cái thứ văn chương phát hiện và khám phá, hoặc là dự báo như trước đây. Người ta vẫn có một điều băn khoăn là liệu các cây bút mới này có đi xa được không? Tác phẩm của họ có thể vượt qua giai đoạn từ chỗ viết cho mình đi sang giai đoạn khác, giai đoạn của nhà văn chuyên nghiệp, tức là viết cho người khác chăng?

Thụy Khuê: *Thế còn những nhà văn lớp trước thì thế nào, thưa anh?*

Nhật Tuấn: Những nhà văn lớp trước, những nhà văn như bọn tôi, anh Nguyễn Mạnh Tuấn, anh Ma Văn Kháng, anh Hoàng Lại Giang, chị Dương Thu Hương, v.v..., họ vẫn viết. Nhưng nếu họ không chịu theo yêu cầu của thị trường hiện nay thì có hai cái: Một là thị trường sách báo khó chấp nhận, tức là tác phẩm in ra không bán được. Hai là nhà xuất bản khó mà xin cấp được giấy phép in. Nếu chị hỏi tình hình văn học hiện nay thì tôi xin trình bày một vài nét như thế.

Thụy Khuê: *Bây giờ sang một vấn đề riêng và có lẽ cũng là vấn đề cũ, tức là vấn đề kiểm tra văn hóa thì cho đến nay, có gì thay đổi không, hay là vẫn như xưa?*

Nhật Tuấn: Về vấn đề kiểm duyệt, nói thẳng ra là vấn đề kiểm duyệt một tác phẩm. Từ cái khâu bản thảo đến cái khâu phát hành, theo nguyên tắc đã ghi trong luật xuất bản thì một cuốn sách muốn xuất bản chỉ phải nộp bản thảo cho nhà xuất bản thôi. Sau khi nộp bản thảo cho nhà xuất bản rồi thì chỉ cần một biên tập viên đọc và làm giám định, sau đó đưa cho ông giám đốc hoặc là ông tổng biên tập ghi duyệt coi như là xong. Đây là nguyên tắc đơn giản, chỉ cần hai người đọc thôi, ông biên tập và ông giám đốc - tổng biên tập đọc là xong, rồi đưa sang Cục xuất bản. Người ta sẽ căn cứ vào cái đề tài đăng ký rồi người ta cấp giấy phép. Cục xuất bản không có kiểm duyệt gì nữa, toàn bộ trách nhiệm là do ông giám đốc ghi duyệt. Đây là nguyên tắc, nhưng thực tế thì có nhiều khó khăn.

Thụy Khuê: *Anh có thể cho biết rõ hơn những khó khăn đại loại như thế nào không?*

Nhật Tuấn: Đúng về mặt kiểm duyệt mà nói thì trong đầu mỗi ông nhà văn đã có một ông kiểm duyệt ngồi sẵn trong đầu rồi. Tùy từng thời, thời mở cửa thì ông kiểm duyệt trong đầu mỗi nhà văn dễ dàng hơn, nhưng thời hiện nay, thời tương đối khó khăn, thì chắc chắn là ông kiểm duyệt trong ông nhà văn lại khó khăn gấp bội. Thế rồi sau khi ông nhà văn tự kiểm duyệt mình rồi thì đến ông biên tập. Đọc bản thảo thì phải nhìn trước nhìn sau xem tác giả là ai. Những tác giả không có vấn đề gì thì ông đọc rất là dễ dàng, những tác giả đã có vết rồi thì ông đọc rất kỹ, đọc đi đọc lại, chủ yếu là xem viết có ẩn ý gì không, có phạm húy gì không. Sau khi ông biên tập đã giám nghiệm rồi thì chuyển cho ông giám đốc. Ông giám đốc, trước khi ký, lại phải nhờ hai ba người biên tập giúp. Sau khi xem

xét kỹ rồi, ở trong tác phẩm không còn gì có thể phạm luật xuất bản, tức không có gì là đòi truy, phản động rồi thì ông giám đốc ký duyệt, nhà văn được giấy phép mang đi. Nhưng như thế chưa phải là đã xong.

Trong cái khâu in ở nhà in, khâu phát hành thì bất kỳ ai nếu phát hiện ra điều gì có tính cách là đòi truy, phản động thì đều phải có trách nhiệm báo cáo ngay để cấp thẩm quyền xem xét và ra quyết định đình chỉ. Những trường hợp này đã từng xảy ra rồi, tức là anh em bên khâu in khi họ sắp chủ, hoặc đánh vào máy vi tính phát hiện ra tác phẩm này có vấn đề, họ báo cáo lên thì coi như là có thể bị ngưng lại. Hoặc khi đưa sang phát hành, bộ phận nghiệp vụ đọc lại, nếu lại thấy có lộn cợn chỗ này chỗ kia thì họ báo lên. Sở văn hóa dễ dàng ra một quyết định ngưng phát hành. Tuy nhiên điều này, khách quan mà nói, đã xảy ra đối với những cây bút "có vấn đề", còn đại đa số những người khác, nếu viết một cách vô thường vô phạt, không động chạm gì đến chính trị, không phạm gì đến luật xuất bản thì tôi nghĩ là vấn đề kiểm duyệt không có gì đáng phải lo ngại cả. Đây là tình hình nói chung là như vậy.

Thụy Khuê: *Tuần tới thì họp Đại hội nhà văn lần thứ V, anh là một trong những người sắp sửa soạn để đi dự Hội nhà văn, thì anh chờ đợi gì ở đại hội nhà văn lần thứ V này?*

Nhật Tuấn: Xin chị cho phép tôi đưa một thí dụ rất sinh động. Tôi không dám có những nhận xét hồ đồ. Tôi chỉ kể một câu chuyện nhỏ thôi, chẳng hạn như cách đây vài hôm thì cô Thúy Nga, phóng viên báo Tuổi Trẻ, có đặt một câu hỏi tương tự cho giáo sư Nguyễn Văn Hạnh. Đại khái là giáo sư có kỳ vọng gì ở đại hội này không? Ông giáo sư này trả lời ngay là Hội nhà văn chả có tác dụng gì cả, nên giải tán nó đi thì hơn. Tôi chụp được câu ấy, lần này phải đi dự đại hội, tôi hỏi: "Này anh Hạnh ơi, không biết anh nói có đúng như thế không?". "Đúng như thế, kỳ này tôi ra là tôi đề nghị nên giải tán Hội nhà văn bởi vì chả có tác dụng gì cả!". Tôi hỏi: "Này chiều nay chị Thụy Khuê phỏng vấn, tôi công bố ý định của anh đấy!", thì ông giãy nảy nói: "Tao không nói thế đâu nhá!".

Cô Thúy Nga có hỏi tôi kỳ vọng gì ở đại hội này thì tôi cũng trả lời là nên đổi tên Hội nhà văn thành một tên khác. Theo tôi thì nên gọi là Cục viết văn, bởi vì nếu gọi là Cục viết văn thì anh em hội viên mới nhận được một chút quyền lợi nào đó. Còn như hiện nay và trước đây thì Hội nhà văn thực chất là một cơ quan để mấy vị lãnh đạo hội chăm lo quyền lợi cho các vị, chủ yếu là chia chác nhà đất và những chuyến đi nước ngoài. Mới đây tôi có nghe nói là anh Nguyễn Thụy Kha ở ngoài Hà Nội có viết một bài tựa đề là "Hội nhà văn hay Hội nhà đất?". Anh có vạch ra những chuyện chia chác trong lãnh vực nhà cửa này mà tôi chắc là không được in. Hội nhà văn trong thời gian vừa qua có nhiều cái bê bối: Trong năm 94 lại xảy ra vụ Thư viện mang sách văn học của Hội nhà văn bán giấy càn, giá 800 đồng một ký. Bán ba, bốn tạ sách, toàn là những tác phẩm của anh em hội viên gửi biếu qua rất nhiều thời kỳ, từ Tự lực văn đoàn, thời chống Pháp, chống Mỹ cho đến nay. Anh Lại Nguyên Ân có viết một bài đăng trên báo Phụ Nữ, lời lẽ rất phân nộ. Những chuyện này tôi thấy nó rất làm mất uy tín của Hội.

Thụy Khuê: *Thế thì riêng anh, tại sao anh lại vào Hội và vào*

Hội nhà văn thì được hưởng những quyền lợi như thế nào?

Nhật Tuấn: Bản thân tôi vào Hội đã 16 năm nay rồi. Quyền lợi tôi nhận trong 16 năm qua duy nhất trong các kỳ họp đại hội là hai cái vé tàu khứ hồi đi họp và ăn ở trong thời kỳ họp. Ngoài ra thì được cái thẻ hội viên. Thẻ hội viên này, riêng tôi, chỉ dùng khi lái xe phạm luật giao thông thì mang ra trình cho các ông cảnh sát giao thông, xin sớ để các ông ấy miễn phạt cho, nếu không thì khổ.

Thực chất hoạt động của Hội rất là phi văn học, xoay quanh những vấn đề rất là nhỏ hẹp trong phạm vi quyền lợi vật chất. Đa số hội viên đều muốn hình thức tổ chức thành một nghiệp đoàn nào đó bảo vệ quyền lợi những người cầm bút một cách thiết thực, chứ không phải như lối tổ chức hiện nay là một cơ quan mượn danh nghĩa các nhà văn làm dịch vụ cho một số người như hiện nay. Đây là kỳ vọng gần nhất: muốn tổ chức thành một nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi anh em nhà văn. Còn mong muốn cái hội đó sẽ hướng dẫn, dẫn dắt sáng tác thì tôi nghi điều đó rất là không tưởng. Vì sáng tác là việc của từng người một, còn Hội tức nghiệp đoàn thì chỉ có thể hay lắm là bảo vệ anh em khi anh em có tai nạn nghề nghiệp hoặc là khó khăn gì trong vấn đề sáng tác.

Thụy Khuê: Thưa anh, bây giờ sang một vấn đề khác, đó là vấn đề Nhân Văn Giai Phẩm, trong một chùm mục nào đó, có liên hệ đến Hội nhà văn: ở đại hội nhà văn kỳ IV, nhà văn Bửu Tiến có nhắc lại vấn đề Nhân Văn Giai Phẩm với những lời rất là tha thiết và đau đớn, và cho đến nay thì anh Bửu Tiến đã mất rồi, những nhà văn trong Nhân Văn Giai Phẩm như là giáo sư Trần Đức Thảo, nhà thơ Đặng Đình Hưng, nhà thơ Phùng Quán vừa qua đời, và những người còn lại cũng rất là cao tuổi, anh nghĩ gì về vấn đề đó?

Nhật Tuấn: Riêng về vấn đề này tôi cũng xin có những phân tích cụ thể thôi chứ không dám đi vào những lập luận. Chẳng hạn như là trong báo Văn Nghệ số mới nhất - số anh Phùng Quán chết - bác Hoàng Cầm, một trong những người chủ chốt trong nhóm Nhân Văn, có viết một bài thơ trong đó có những câu như thế này:

"Quán ơi, anh xin liệm tròn em 50 năm chiến sĩ,
Yêu cuộc đời, yêu cách mạng, yêu Đảng".

hoặc là:

"Loa truyền lệnh của Đảng, lệnh của Bác Hồ,
Quán tung lên phía trước".

Và ngay số này thì có in lại bài thơ của anh Phùng Quán ca ngợi anh Nguyễn Văn Trỗi, trong đó có những câu như thế này:

"Ai có muốn tìm đất lên miền khai hoang
Tâm trí không sờn thì lên Việt Bắc".

Bác Lê Đạt trước cũng có bài ca Hồ Chí Minh trong tập thơ của nhà xuất bản Văn Học. Gần đây là bác Trần Dần cũng có trường ca Cách mạng tháng 8. Nhìn chung thì các bác ấy cũng đều viết rất là cách mạng hơn bọn chúng tôi, những người cầm bút trưởng thành lên từ thời chống Mỹ rất nhiều, vậy thì tôi thấy rằng các bác đã phục hồi các bác ấy từ lâu rồi. Tôi biết chắc trong nhóm này là bác Hoàng Cầm từ 4, 5 năm nay, từ khi bác ấy ra tù, thì bác ấy đã làm thơ tặng đồng chí Phạm Hùng, tức chính là người đã ký giấy bắt bác. Tôi không hiểu

là về mặt sáng tác thì phục hồi cái gì cho bác ấy nữa, tại vì chính các bác đã phục hồi cho các bác rồi mà.

Thụy Khuê: Tôi muốn nói đến một vấn đề khác là phục hồi vụ án Nhân Văn Giai Phẩm. Đó là một vụ án cho đến nay những người đó, như lời nhà thơ Phùng Quán, viết văn là viết văn chui, làm các thứ chui, thế thì...

Nhật Tuấn: Không có đâu ạ. Các anh chả chui đâu ạ. Anh Hoàng Cầm thì đăng thơ như bướm bướm trên các báo trong khi chúng tôi muốn đăng một bài thì rất khó khăn. Anh chả phải chui đâu cả, người ta rất mời anh ấy. Anh Lê Đạt là một cây bút xuất hiện rất là thường xuyên trên báo Văn Nghệ. Anh Hữu Loan chỉ sợ anh không có bài, chứ có bài thì các báo tranh nhau đăng.

Về mặt sáng tác của các bác ấy, sau mấy chục năm bị làm khó làm dễ, lê ra trong hoàn cảnh bị vấy bừa thì phải có những sáng tác tương xứng như mọi người chờ đợi ở các bác như những thiên tài. Nhưng sau đó khi mở cửa ra rồi, các bác ấy không có tác phẩm nào tương xứng với sự chờ đợi của mọi người.

Về mặt phục hồi quyền lợi thì tôi thấy từ lâu Đảng đã có chủ trương tiến hành phục hồi cho các bác ấy rồi. Nhưng rất tiếc những người cản trở lại chính là Hội nhà văn, vào thời ông Nguyễn Đình Thi làm tổng thư ký. Đây là vấn đề Nhân Văn Giai Phẩm.

Còn phục hồi về mặt chính trị, cái này xin nhường lại cho những nhà lịch sử. Tôi chỉ nói về mặt sáng tác, về mặt quyền lợi của các bác. Về quyền lợi vật chất thì tôi nghĩ cái đó đáng để bàn lắm. Chẳng hạn như bác Hữu Loan cũng được cấp nhà, cũng được một thẻ để chữa bệnh tại bệnh viện Việt Xô. Tôi nghĩ đối với nhà văn, cái đó không thành vấn đề.

Thụy Khuê: Xin hỏi anh một câu hỏi cuối cùng, về mặt sáng tác mới của anh, từ "Đi về nơi hoang dã" có tính chất phản kháng mạnh, thế rồi những tác phẩm mới như "Quê nhà, quê người" thì tôi thấy anh đi về nhận xét xã hội, giữa hai cái bờ đó xin anh cho biết hiện giờ, anh đã có những tác phẩm như thế nào và khuynh hướng như thế nào?

Nhật Tuấn: Thú thực với chị, trước khi tôi viết thì tôi không nghĩ là mình đã không ngả theo thiên hướng nào cả. Viết thì trong đầu mình đã có một ám ảnh nào đó, hoặc một câu chuyện nào đó. Từ cái ám ảnh, cái thúc đẩy như thế nào thì viết thành thế đó. Còn có nói phản kháng, hoặc một nhận định xã hội thì đó là kết quả của thời gian mày mò trên trang giấy, với cái tâm cảm lúc đó ra sao thì sẽ để ra như thế. Cũng có thể nói là trước đây, vào những năm 88-89, các tác phẩm của tôi như "Đi về nơi hoang dã", hòa cùng với trào lưu chung, nó gần với vấn đề ta gọi là chính trị - xã hội, Thế Uyên có một bài phân tích mà người ta cho là có ẩn ý nói về những vấn đề xã hội. Tôi cho đó là cuốn cuối cùng mang màu sắc gọi là social politic. Sau này tôi viết những cuốn như là "Những mảnh tình đã vỡ", hoặc là "Niềm vui trần thế", hoặc gần đây là "Quê nhà, quê người", thì chị thấy là nó gần gần đi sang một hướng khác, nó đi vào vấn đề đời sống bên trong của con người.

Thụy Khuê thực hiện

Việt Nam 1995

qua nhận xét của một người vừa về thăm quê nhà

Trở về quê hương sau hơn hai năm vắng mặt. Chỉ một thời gian ngắn như vậy mà tôi có cảm tưởng dân số gia tăng rõ rệt. Từ thành phố về thôn quê ở đâu cũng chỉ có người với người, nhiều hẳn lên. Khó người đặc sệt không lồ ấy bện rện trên các trục lộ và đường phố từ sáng sớm đến đêm khuya, bộc lộ một sinh lực phi thường của dân tộc. Nhưng qua các câu chuyện hàng ngày, tôi có cảm tưởng là sinh lực ấy hiện thời chỉ dồn hết vào công cuộc vật lộn với đời sống thực tế trước mắt. Ở ngoài đời, dường như thiên hạ chẳng mấy ai nghĩ đến hành động cụ thể như tranh đấu cho vận mạng của đất nước, mặc dầu phần đông đều nhận thức rõ và ưu tư nhiều về các vấn đề của xã hội, vì họ đang sống thực các vấn đề ấy (mà người Việt Nam hải ngoại chỉ sống qua tư duy trừu tượng).

Nhận thức và ưu tư ấy là một hiện tượng mới. Cách đây hai năm, ở miền Bắc người ta khám phá ra sự thật và thấy rõ con đường sai lầm của chủ nghĩa cộng sản. Nhưng họ chỉ biết bất mãn và phỉ báng đảng cộng sản. Họ hoang mang, bối rối không nhìn ra con đường tương lai nào cho đất nước. Bấy giờ tuy nhìn thấy con đường ấy là Dân Chủ Đa Nguyên, nhưng thái độ có vẻ như vẫn ngậm ngùi hay thờ ơ. Có hai lý do để giải thích sự kiện ấy. Một là vì nó xuất phát từ những tích lũy chong chất của nhiều năm đói khát và gian khổ và sự kìm hãm quá lâu tài năng và sinh lực của đất nước. Nay cửa đã mở, những tài năng ấy được tận dụng một cách triệt để vào công cuộc làm ăn, sinh lực ấy tuôn ra như nước lũ, rất là mãnh liệt. Hai là mỗi người cảm thấy thời cuộc chưa chín muồi, chưa tìm được đồng thuận và khí thế chung để đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi. Ý thức và ưu tư mới vừa nêu là một hiện tượng mang tính phổ biến, là niềm hy vọng chứa chan cho công cuộc đổi mới thật sự để xây dựng một xã hội tương lai có tự do, công bằng và lành mạnh. Nhu cầu của công cuộc đổi mới thật sự sẽ đến mãnh liệt và chỉ sẽ đến một khi nhu cầu phát triển của xã hội bị ngăn cản bởi guồng máy thối nát ngày càng trầm trọng của hàng ngũ lãnh đạo đảng cộng sản và bởi cơ cấu tổ chức xã hội lỗi thời của chính quyền đang áp đặt trên đầu người dân.

Dưới đây là một vài sự kiện mà tôi đã được sống và một vài vấn đề đã được nêu ra trong các cuộc tiếp xúc.

1. Dân Chủ Đa nguyên

Cuộc tiếp xúc đầu tiên của tôi với người Hà Nội là với tài xế taxi đưa tôi về khách sạn. Lên xe được chốc lát, sau vài câu chuyện băng quơ, anh kể cho tôi biết tình hình tham nhũng trầm trọng ở trong nước và tỏ ra hết sức bất mãn. Để làm nguôi lòng phẫn uất của anh, tôi nói: "Có một cách để giảm bớt thảm nạn ấy là để cho tự do báo chí". Anh ta trả lời ngay là biện pháp ấy sẽ không ăn thua gì vì "họ" quá sức giàu, dư tiền để mua chuộc báo chí. Tôi hỏi lại ngay: "Vậy thì phải làm thế nào?". Anh ta đáp: "Phải có Dân Chủ Đa Nguyên mới được". Câu trả lời không chút ngập ngừng hay suy nghĩ. Chắc hẳn vấn đề đã được thảo luận và nhận định từ trước.

Những ngày kế tiếp, tôi để ý là khái niệm Dân Chủ Đa

nguyên đã rất phổ biến trong các tầng lớp quần chúng. Và thảo luận chung quanh đề tài ấy có vẻ như là chuyện thông thường, không có gì e ngại.

2. Tham nhũng

Tham nhũng đã trở thành một luật chơi bình thường nhưng mức độ ngày càng tăng. Chỉ có thể nhờ ở tham nhũng mà những người trong chính quyền hay những người liên quan trực tiếp như bà con họ hàng của họ làm ăn dễ dàng và trở nên khá giả. Họ ăn tiêu phung phí một cách lộ liễu bên cạnh sự nghèo khó cơ cực của tầng lớp dân đen. Có người than: "Một đời người không kiếm ra bằng một bữa cơm đãi khách chơi vui của họ". Tuy có khó chịu và bức dọc, dân chúng dường như vẫn vui vẻ tạm thời chấp nhận bất công xã hội, có lẽ vì họ mới được hưởng hạnh phúc lớn nhất của đời họ là được "làm việc", "ăn" và "nói". Chỉ có những kẻ thất nghiệp hay một đầu lương, và nhất là lương hưu, thì phải âm thầm đau đớn và hậm hực.

3. Dân số

Từ 1945 đến giờ dân số Việt Nam đã tăng từ 20 triệu lên hơn 72 triệu. Theo đà này thì trong 30 năm nữa dân số Việt Nam sẽ tăng lên gấp hai lần. Nhưng phải "sống" trong nước thì mới cảm thấy đó là một yếu tố hết sức trầm trọng và gai góc cho tương lai của đất nước, nhất là chính quyền cộng sản hoàn toàn không có biện pháp cụ thể hữu hiệu nào để giải quyết nạn nhân mãn, cũng như vấn đề chỉnh trang lãnh thổ và thành phố. Yếu tố này có khả năng làm xáo trộn tất cả quang cảnh sinh sống. Những kho tàng vô giá của thiên nhiên và của lịch sử do cha ông để lại đang bị tàn phá, tiêu tan và mất đi. Trong cảnh tượng hỗn độn đó, những chương vật tạo ra trong đời sống hàng ngày sẽ cản trở sự phát triển kinh tế, làm xáo trộn xã hội, tàn phá sức khỏe tinh thần và thân xác của người dân. Sự kiện ấy đang được cảm thấy tại Sài Gòn và Hà Nội.

4. Hàng ngũ lãnh đạo

Tôi không có may mắn được gần gũi với cấp lãnh đạo để trực tiếp tìm hiểu họ. Nhưng qua các lời tuyên bố của họ và qua các nhận xét trong giới trí thức thì các vấn đề lớn của đất nước đều được đề cập một cách hết sức rõ ràng. Nhưng không có giải đáp cụ thể hữu hiệu. Một vấn đề nhỏ như con đê Yên Phụ. Con đê bảo vệ thành phố Hà Nội đã bắt đầu bị rạn nứt vì những nhà cao tầng xây lên một cách hỗn độn. Nguy cơ ngập lụt đang đe dọa tánh mạng hàng triệu dân cư nội thành và có thể xảy ra bất cứ lúc nào trong mùa nước lũ. Vì chút quyền lợi cá nhân của các "quan cách mạng", sự việc kéo dài mặc dầu các cấp lãnh đạo đảng và nhà nước đã tuyên bố rùm beng là sẽ giải quyết vấn đề. Như vậy đến bao giờ những vấn đề cơ bản lớn của đất nước mới được giải quyết? Có phải vì nó không có ảnh hưởng ngay trước mắt và vì nó không đem lại quyền lợi trực tiếp cho các cá nhân hàng ngũ lãnh đạo mà vấn đề còn dây dưa chẳng? Họ chỉ lo tranh giành và bảo vệ quyền lợi trước mắt, nên để té liệt guồng máy lãnh đạo, gây nguy hại lâu dài cho đất nước và cho dân tộc. Thật ra, chính đó cũng là tai họa cho chính bản thân họ. Họ biết, nhưng bất lực.

5. Trình độ cán bộ và chuyên viên

Qua tiếp xúc làm việc, tôi nhận thấy chuyên viên trong nước đã có một bước tiến lớn về kiến thức và kinh nghiệm so với

những năm 70. Nhưng dường như họ bị bó tay, không giải quyết được các vấn đề chuyên môn của mình vì bị ràng buộc trong hệ thống cơ cấu tổ chức xã hội công kênh cũng như trong sự thiếu thốn ngân sách của nhà nước. Phần lớn bị rơi vào một khuyết điểm chung: những khó khăn, những chi tiết phức tạp của vấn đề đang diễn ra trước mắt khiến họ rối ren, không thể nhìn xa biết rộng rồi đi xa vấn đề hoặc lao vào các vấn đề giản dị và hiệu quả cấp tốc. Họ không có cái nhìn bao quát về một bối cảnh tương lai của đất nước sau này: sự giàu mạnh là do trí tuệ và sự hợp tác sinh lực chung của dân chúng.

6. Việt Nam và Đông Nam Á

Thăm quê hương xong, trên đường về, nếu có ghé qua Singapore hay Bangkok, ta phải cảm thấy xấu hổ cho dân tộc và hết sức lo âu cho đất nước. Nhảy vọt từ một nước nghèo nàn, lạc hậu và hỗn độn qua các thành phố tân tiến không thua gì các nước phương Tây: trật tự, tân tiến, giàu có và có thể nói là huy hoàng, ta đột ngột sống giữa hai thái cực. Nguy cơ tụt hậu quá rõ ràng. Nhìn qua bộ mặt cảnh vật của Việt Nam, ta cảm thấy có dấu hiệu như đang phát triển ghê gớm, nhưng sự thật thì không phải vậy và không có gì bảo đảm khiến ta yên tâm và lạc quan. Như một cán bộ đảng viên nói: "Phát triển từ số không để tăng trưởng 8% thì chẳng có gì lạ và chẳng có gì kiêu hãnh!".

7. Quê hương đất Việt

Hình ảnh quê hương làng mạc ghi sâu vào tâm thức mỗi người chúng ta là những nóc nhà lơ nhô sau lũy tre xanh, những cánh đồng mênh mông bát ngát thẳng cánh cò bay, những ngôi nhà tranh đơn giản thanh thản nằm giữa những khu vườn tươi tốt có tiếng chim, những bà già bận vẩy đầu vấn khăn mỏ quạ trong những bộ quần áo nâu v.v... Tất cả không còn nữa! Những lũy tre xanh tuy còn nhưng chỉ là những bụi bé nhỏ, thưa thưa xen lẫn giữa các nhà bằng gạch trần lấm ra đến tận đồng ruộng. Các làng bành trướng lan rộng, nối liền với nhau làm cho cánh đồng thu nhỏ lại. Vào làng, người ta chen chúc, nhà cửa đặc sít, thỉnh thoảng để lộ ra một khu vườn nhỏ hay một cái ao con. Cảnh tượng thật chua xót cho đồng ruộng của ta. Nó mất đi nhưng vẫn còn, đó là những cặp đàn bà hay trẻ nít tát nước suốt ngày bằng sức người, những ông đàn ông ốm yếu khó nhọc cày ruộng theo sau con trâu nặng nề và chậm chạp, từ rạng sáng đến chiều tối. Đôi khi chính bản thân họ phải kéo cày thay trâu!

Ở thôn quê, thiên hạ ăn mặc chẳng khác gì người tỉnh thành, nhưng không được chỉnh tề lắm: "quần tây", "sơ mi", áo cánh. Ở thành phố chiếc áo dài biến mất, chỉ có các cô tiếp viên phi hành Vietnam Airlines còn mặc để nhớ lại những gì thuần túy Việt Nam. Trong xúc động và ngỡ ngàng trước sự mất mát quốc túy ấy, có một cái làm cho tôi vui và thích thú là cách ăn mặc giữa tôi và đồng bào miền quê ruột thịt, mà trước kia tôi vẫn cảm thấy khó chịu khi về thôn quê, không còn khác biệt. Nhưng vẫn có một sự khác biệt rất lớn về chất lượng quần áo. Trong sự mất mát đó, điều làm tôi đau buồn nhất là tất cả đã và đang "Âu hóa" một cách ồ ạt. Tôi rất bức bối vì cái cần được Âu hóa hơn cả, nói đúng hơn cái cần được "nhân hóa" hơn cả, thì lại chưa đến. Đó là các quyền tự do mà dân chúng các nước Âu Tây đang được hưởng. Dầu sao, tâm hồn Việt vẫn còn đấy.

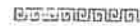
Nguyễn văn Việt

Thông cáo

* Nhằm mục đích giúp đỡ các em học sinh lớp 12 ôn thi và kiểm điểm lại trình độ của mình, **Đoàn Khoa học Văn hóa Quang Trung** tổ chức tuần lễ luyện thi Tú tài miễn phí

từ ngày 17/4 đến ngày 22/4/1995, từ 9 giờ đến 17 giờ,
tại trường TELECOM (ENST),
số 46 Rue Barrault, 75013 Paris.

Khóa học, gồm những môn Toán, Lý, Hóa, Sinh vật, Anh văn và Kinh tế, sẽ được các sinh viên đại học, sinh viên kỹ sư, kỹ sư và giáo sư có nhiều kinh nghiệm giảng dạy phụ trách.



* Đồng thời, để góp phần vào việc bảo tồn văn hóa và khuyến khích các em học sinh, sinh viên tìm hiểu về Việt Nam, **Đoàn Quang Trung** sẽ tổ chức buổi

Đố Vui Để Học vào ngày 23/4/1995
vào lúc 14 giờ 30 tại hội trường FIAP, 23 Rue Cabanis,
75014 Paris.

Các câu hỏi về lịch sử, địa lý, văn chương Việt Nam và về kiến thức tổng quát (chương trình học lớp 10, 11 và 12 tại Pháp), sẽ được đặt bằng tiếng Việt và tiếng Pháp.

Đoàn Quang Trung thân mời các bạn trẻ ghi danh tham gia. Xin mời quý vị phụ huynh tham dự và khuyến khích con em mình tham dự thật đông đảo.

Mọi chi tiết xin liên lạc với :

Anh Diệp Tường Bảo, điện thoại số 42 05 73 93.
Anh Trần Huy Lịch, điện thoại số 45 69 92 06.

Thảo luận bàn tròn "Việt Nam, hôm nay và ngày mai"

do Câu lạc bộ thân hữu Thông Luận tổ chức với
bốn chủ đề:

Kinh tế và xã hội
Nhân quyền và ổn định
Việt kiều và đất nước
Việt Nam và quốc tế

vào ngày Chủ nhật 14-5-1995
từ 9 giờ 30 đến 19 giờ
tại hội trường d'Artagnan, 80 rue Vitruve, 75020
Paris

métro: Porte de Bagnole; Porte de Montreuil hay
Alexandre Dumas.

(Có thể ăn trưa tại chỗ)

Vào cửa tự do.

Xin mời quý độc giả và thân hữu tham dự đông đảo

Cảm xúc từ một chuyến đi

Tết Ất Hợi vừa rồi, tôi đi xe đò từ Sài Gòn về một tỉnh miền Trung thăm gia đình. Với chặng đường chưa tới 1.000 cây số, xe đò chạy mất một ngày một đêm. Đó là loại xe Hyno mới toanh, chạy như ăn cướp để tranh khách. Mặc dù chủ xe đã lấy tiền vé gấp đôi ngày thường, người ta vẫn ra sức nhét khách vào xe như nhét đồ vật vào một cái thùng không đáy.

Xe nào cũng quảng cáo rất "xôm" trên tấm kính trước đầu xe: vi-de-ô, máy lạnh, karaoke. Vi-de-ô cũng có đấy nhưng chỉ chiếu được một lúc khi xe đậu chờ khởi hành. Sau đó, trên con đường quốc lộ 1 đầy ổ gà, dây điện đứt, ốc vít lỏng, núm vặn lỏng... nên vi-de-ô đành tắt tị. Máy lạnh không dùng được vì hai cửa xe luôn mở để hai anh lơ nhài người ra ngoài gọi khách dọc đường hoặc la hét những người đi xe gắn máy, xe đạp tránh ra. Còn karaoke chỉ là chiếc micro mà lái xe dùng để nhắc nhở khách ai nôn mửa thì xin bịch ni-lông. Ghế xe được thiết kế lại, từ bốn ghế hàng ngang thành bảy ghế, chật chội, ngộp thở nên bà con nôn mửa tới bời.

Dân miền Trung hầu như đã dồn hết ra hai bên quốc lộ 1. Chỉ trừ các chặng đường Xuân Lộc - Phan Thiết và Phan Rang - Cam Ranh còn những khoảng đồng khô cỏ cháy không người ở, còn lại, nhà cửa san sát. Dân nông thôn nếu không dồn ra quốc lộ mua bán làm ăn thì số đông đã phải tha phương cầu thực, vào Sài Gòn hoặc các tỉnh Tây nguyên, đông Nam bộ. Báo chí đã có nhiều bài phóng sự về tình hình đói khổ của nông dân miền Trung. Họ đành phải rời xa quê hương với bất cứ giá nào. Dù ở Sài Gòn chỉ là một manh chiếu thuê ngủ trọ qua đêm để đi làm, hay một chiếc xích-lô ngày chờ khách, đêm làm chỗ ngủ ngay ngoài đường, họ cũng còn dễ sống hơn ở quê nhà. Đối với họ, Sài Gòn là phồn vinh với xe hơi, nhà lầu, cửa hàng choáng ngợp. Họ chỉ cố mưu sinh. Họ chưa kịp nghĩ đến tại sao Sài Gòn có nhiều người giàu có như vậy? Họ chưa biết có những cán bộ ngông nghênh tuyên bố: "Bây giờ Việt Cộng ngon hơn Việu Kiêu. Việt Cộng dám xây nhà tốn hàng tỉ đồng, chỉ một bữa nhậu vài chục triệu. Việu Kiêu chơi nổi không?" Họ chưa chú ý đến những vụ lừa đảo, những cán bộ làm thất thoát của nhà nước hàng trăm tỉ đồng...

Mấy ngày Tết trùng với thời điểm mừng kỷ niệm 65 năm ngày thành lập đảng Cộng sản. Khắp nơi, từ trung ương đến địa phương, "Đảng" tổ chức mít-tinh tự ca ngợi công ơn của mình với dân với nước. "Đảng" bắt dân treo cờ đỏ rợp phố xá. "Đảng" chỉ thị làm xe hoa chạy diễu khắp phố phường. Các phương tiện truyền thông đại chúng không ngớt lời ca ngợi "Đảng". "Đảng" chính thức thông báo cho các tổ chức đoàn thể, nhân dân đến trụ sở "Đảng" để chúc mừng "Đảng". Ngày mùng 4 Tết, trùng ngày 3 tháng 2, ở một vài huyện, các hiệu trưởng muốn lấy điểm với cấp trên bắt học sinh đi cổ động hoặc tập trung đến trường nghe nói chuyện về "Đảng"...

Tôi chợt nhớ đến các nghĩa trang liệt sĩ bên đường quốc lộ 1. Có lẽ theo chủ trương thống nhất, các nghĩa trang liệt sĩ đều

được xây dựng bên đường để nhân dân dễ chiêm ngưỡng. Mỗi huyện, mỗi tỉnh đều có nghĩa trang liệt sĩ. Đi xe trên quốc lộ 1, chốc chốc lại thấy những nghĩa trang này với hàng hà sa số bia mộ, có nơi sơn đỏ chói trông rất ghê rợn. Vào những dịp đặc biệt, những nơi này được khuấy động bởi lễ lạc, nhang khói, nhưng vào ngày thường, các nghĩa trang liệt sĩ trông thật đìu hiu quạnh què.

Bao nhiêu người dân Việt Nam, theo "Đảng" hoặc không theo "Đảng" hoặc chống "Đảng", đã ngã xuống vì cuộc chiến đấu của "Đảng". Cuộc chiến đấu "Đảng" tự cho là thần thánh, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động, xây dựng chủ nghĩa xã hội phồn vinh vì độc lập, tự do, hạnh phúc... "Đảng" đã chiến thắng, đã cầm quyền, đã độc tôn.

Những người đã hi sinh, dù là liệt sĩ của "Đảng", bên kia thế giới có yên lòng không khi được quy tập về ven đường quốc lộ 1. Sau 20 năm thống nhất đất nước, bà con anh em họ được hưởng những gì, kể cả những bà mẹ anh hùng mới được tuyên dương muện mắng, rằm rơ gần đây. Đó là những người tin yêu "Đảng", chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp của "Đảng". Chưa kể hàng triệu nhân dân Việt Nam không đồng ý với "Đảng" cũng đã ngã xuống vì "Đảng".

Đi và về từ Sài Gòn ra miền Trung trên chuyến xe đò mất hai ngày hai đêm là một chuyến đi rợn người. Các tài xế quả là những kẻ đùa với tử thần. Con đường quốc lộ 1 huyết mạch, xương sống của đất nước, được Pháp xây dựng gần 100 năm qua vẫn chật hẹp, đầy vết lõm lồi. Nhiều chiếc cầu hư hỏng, hoen rỉ, chấp vá tạm bợ muốn đổ gục. Những nghĩa trang liệt sĩ vẫn lặng lẽ bên đường với hàng hàng bia mộ. Trên những chiếc xe đò tử thần, hành khách nào cũng có thể nát thây và nằm xuống bên các nghĩa trang liệt sĩ trong một tai nạn bất ngờ.

Dân tộc Việt Nam đã và cho đến bây giờ vẫn phải trả giá quá đắt cho một nhóm người nhân danh một chủ nghĩa.

Nam Long

Nói chuyện về

Nhân quyền và tù nhân chính trị tại Việt Nam

Nhân dịp bà Trần Thị Thúc, phu nhân giáo sư Đoàn Viết Hoạt sang Pháp để vận động hầu bệnh vực cho nhân quyền và tù nhân chính trị tại Việt Nam, Thông Luận sẽ tổ chức một buổi nói chuyện về đề tài này vào ngày

Chủ nhật 16 tháng 4 năm 1995
từ 15 giờ đến 18 giờ
tại Maison des Mines
270, rue Saint Jacques, 75005 Paris

Diễn giả gồm bà Trần Thị Thúc và một số đại diện các hội đoàn Việt Nam tại Paris.

Vào cửa tự do.

Kính mời quý độc giả và thân hữu tham dự đông đảo để chúng tôi thiện cảm với bà Thúc và phong trào tranh đấu cho tự do, dân chủ ở quê nhà.

Mẹ Việt Nam trong nhạc Phạm Duy

Đặng Tiến

Tả cảnh chiều quê Việt Nam, trong tất cả sắc độ và tâm tình, Phạm Duy đã có một lời hát thần sầu:

Chiều rơi

Thoi thóp trên vại luống khoai

Hiu hắt tiếng bà mẹ cười

Vại luống khoai, hình ảnh quê nghèo. Hai chữ *thoi thóp* và *hiu hắt* gợi hình và gợi tình. *Thoi thóp* so sánh ánh nắng chiều với hơi thở hay nhịp đập trái tim, nhẹ dần, yếu dần, hoang mang, thấp thỏm. Đồng thời chữ *hiu hắt* chập chờn ngọn lửa tàn hơi, ánh đèn cạn sức, hao mòn trước gió. Ánh nắng nhòa trong tiếng cười, buổi chiều lồng vào tuổi già. Buổi chiều già, bà mẹ quê. Chiều quê và mẹ già. Ánh sáng vừa chắt chiu, vừa phối pha, chút tình cảm mong manh mà vĩnh cửu trong lòng người.

Bài *Quê Nghèo* này Phạm Duy làm tại Quảng Bình năm 1948; ở lứa tuổi 25, hiếu động và hiếu sắc, anh đã có cái nhìn trầm lặng, sâu lắng. Không những ở các ca khúc tân nhạc, mà trong cả văn thơ, những câu hay, hàm súc về mặt thẩm mỹ, tinh dân tộc và nhân đạo như vậy, không nhiều lắm đâu.

*

* *

Cùng năm đó, Phạm Duy còn sáng tác bài *Bà Mẹ Gio Linh* nổi tiếng, kể chuyện thật, những thống khổ của chiến tranh xảy ra tại Quảng Trị. Bà mẹ có con đi du kích, bị Tây bắt, chặt đầu bêu giữa chợ; bà điềm tinh đi nhận lãnh đầu con, bọc vào khăn, mang về chôn.

Mẹ già cuốc đất trồng khoai

[...]

Nghe tin xóm làng kêu gào

Quân thù đã bắt được con

Dem ra giữa chợ cắt đầu

[...]

Tay nâng nâng lên rưng rức nước mắt đầy

Mẹ nhìn đầu con, tóc trắng phất phơ bay

Bà mẹ Gio Linh có thật, đã nghe bài hát và biết Phạm Duy. Mãi mười năm sau, khi có nhóm văn công đi qua làng, bà cụ còn hỏi thăm tin tức cậu nhạc sĩ trẻ tuổi ngày xưa.

Thời gian này Phạm Duy đã vẽ ra được một hoạt cảnh thanh bình, tươi sáng trong bài *Bà Mẹ Quê* (1949):

Vườn rau, vườn rau xanh ngắt một màu

Có đàn, có đàn gà con nường náu

Mẹ quê, mẹ quê vất vả trăm chiều

Nuôi đàn, nuôi một đàn con chắt chiu

[...]

Trời mưa, trời mưa ướt áo mẹ già

Mưa nhiều, mưa nhiều càng tươi bông lúa

Lời nhạc Phạm Duy đậm đà tình tự dân tộc vì bản thân anh thấm nhuần ca dao, tục ngữ và những làn điệu dân ca "từ khi mới ra đời, mẹ hiền ru những câu xa vời". Lời ca Phạm Duy có khi cũng xa vời, nhưng vì nghe quen, chúng ta không còn để ý và lười tìm hiểu. Ví dụ *mưa nhiều càng tươi bông lúa* nói lên niềm tin

lạc quan của người nông dân, qua tục ngữ *trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa*. Nhưng câu trên "ướt áo mẹ già" với ta chỉ là một hình ảnh cần lao vất vả, cảm động, ta quên rằng Phạm Duy đã rung cảm từ những câu hát đối đáp nam nữ:

- *Trời mưa ướt bụi ướt bờ*

Uớt cây uớt lá, ai ngờ uớt em

- *Trời mưa ướt lá trâu vàng*

Uớt em, em chịu, uớt chàng, em thương

Niềm lưu tâm, lo lắng cho nhau biểu hiện tình yêu. Tình yêu trai gái sôi nổi, tha thiết đã được Phạm Duy chuyển sang lòng thương yêu bà mẹ quê "chỉ biết cần lao" và đã đạt tới những lời hát thật tình nghĩa, sắc sảo.

Miệng khô, miệng khô nhớ bát nước đầy

Nhớ bà, nhớ bà mẹ quê xưa ấy

Ít ai mê gái như Kim Trọng, mê đến *máu theo nước mắt hồn lìa chiêm bao*. Khi chàng nhớ nàng Kiều:

Hương gầy mùi nhớ, trà khan giọng tình

Nghĩa là chàng vẫn uống trà, không có cái khao khát khô đắng rất cụ thể của Phạm Duy khi nhớ bà mẹ quê *miệng khô nhớ bát nước đầy*... Thật ra trong thơ dân tộc đã có những tình cảm ngọt ngào dịu mát ấy:

Mẹ già như chuối ba hương

Như xôi nếp một, như đường mía lau

Nỗi lòng nhớ mẹ cũng đã từng quận thắt:

Chiều chiều chim vịt kêu chiều

Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiu ruột đau

Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiu

Phạm Duy đã đưa vào nhạc mới lời lẽ "thời sự" hơn, do đó nhức nhối, tức tối hơn:

Chiều chiều ra đứng bờ sông

Muốn về quê mẹ mà không có đò

[Mẹ Việt Nam*, 1964]

*

* *

Nhớ mong càng khắc khoải, giờ phút mẹ con gặp lại càng thiêng liêng - "ngỡ trong giấc mơ".

Mẹ có nghe chăng con về

Chiều nay thời gian đứng im để nghe

Ở đây, ngôn ngữ Phạm Duy tân kỳ, "tây" hơn: thời gian ngừng cánh, o temps suspends ton vol... nhưng anh lại trở về với âm hưởng dân tộc ngay sau đó:

Chiếc bóng in trên vách nhà

Một ngày một đêm tóc sương phai mờ

[...]

Me ơi me ơi chuông chùa nào la đà

Nhớ tới nhớ tới những linh hồn vắng nhà

Một vòng hương trắng xóa... [Người Về, 1954]

Vài ba câu hát ấy đã vận dụng, chuyển hóa không biết bao

nhieu là cổ tích, ca dao, văn thơ cổ điển, phong tục tập quán Việt Nam. Nhạc Phạm Duy gây chấn động trong ta và sau đó còn lưu lại nhiều tiếng ngân dài như những "giọt mưa trên lá" làm sống lại những chồi dân tộc, những mầm nhân đạo có sẵn trong ta. Càng xa nước, ta lại cần Nguồn, cần Nghĩa Mẹ, như nước trong nguồn chảy ra. Mát ngọt, trong trẻo và vô tận.

*
* *

Trường ca là một thể nhạc đặc biệt, trong đó Phạm Duy được xem như là chuyên gia bậc thầy. Trường ca là một bài hát dài có nội dung ca ngợi, xung tưng. Chỉ dài thôi, mà không xung tưng, thì Phạm Duy gọi là tổ khúc, như *Bầy Chim Bỏ Xứ*. Tâm ca ngày xưa và Thiên ca, Đạo ca gần đây, tuy dài, vẫn không được gọi là trường ca.

Trường ca *Mẹ Việt Nam* được sáng tác vào những năm 1963-64, khi chiến tranh Việt Nam đang phát triển đến cao độ ác liệt: chế độ miền Nam suy nhược, Mỹ trực tiếp can thiệp, ném bom miền Bắc, đổ bộ vào Chu Lai... Việt Nam rách nát đau thương là đề tài chung, lớn lao của nhạc phẩm thời đó, đặc sắc là tác phẩm Trịnh Công Sơn. Và hình ảnh của người mẹ đã thường trực trong thơ nhạc từ xưa, nay lại hiện thân trở về, kêu gọi, thôi thúc, cả hai bờ chiến tuyến, từ *Người mẹ cầm súng* bên nọ tới *Gia tài của mẹ*** bên kia. Để hiểu sâu trường ca *Mẹ Việt Nam*, ta cần đặt nó vào hoàn cảnh khói lửa, vừa ngoại xâm vừa nội chiến lúc đó, giữa những đứa con "tranh giành lẫn nhau gây oán hận phân chia làm nát tan lòng mẹ". Phạm Duy tự giải thích, và gọi tác phẩm mình là một "âu ca". Anh chơi chữ, mượn hình tượng mẹ Âu Cơ để nói lên khát vọng hòa bình, no ấm và hạnh phúc. Trong tiếng Việt một chữ "âu" gói ghém trọn vẹn mơ ước Việt Nam.

Mẹ Việt Nam mở đầu bằng vẻ đẹp người phụ nữ nông thôn không son không phấn. Câu nhập đề theo thể phủ định (négation) ít thấy trong nhạc Phạm Duy; sau này, 1988 ở nước ngoài, làm bài *Mẹ năm 2000*, Phạm Duy, một lần nữa, lại khai đề bằng thể phủ định "*Mẹ đâu còn là Mẹ ta xưa đó*". Điều này hệ trọng: tác phẩm Phạm Duy là tiếng gào gọi của một người con lạc mẹ. Bao nhiêu hình ảnh thiết tha về người mẹ, là bấy nhiêu thiếu vắng, ngay từ đầu: *hiu hắt tiếng bà mẹ cười*. Nụ cười hiu hắt, chứ tiếng cười không hiu hắt trong thực tế. Âm hao hiu hắt ấy chỉ có trong tâm tư Phạm Duy, không phải của bà mẹ quê trong ánh chiều thoi thóp, mà của mẹ Phạm Duy, cụ bà Phạm Duy Tốn, góa bụa khi con mới lên hai, hay của người vú trẻ gốc quê "*trên mỗi lúc nào cũng có một nụ cười ngượng nghịu*" như Phạm Duy sẽ kể lại trong hồi ký.

Sau đó, người phụ nữ - chưa là mẹ - hiện ra, tình tứ, lẳng lơ, "*ngiêng mắt xanh chải tóc mây ngàn... nằm phơi gió trăng... đuôi chân dài chờ mưa tuôn*". Những lời ca rạo rức dục tính như tuổi trẻ người phụ nữ sớm về nhà chồng, "*duyên thề chấp nói - sao lại chấp nói? - cuộc đời trôi nổi... thắm mong tình duyên ương... nợ trả thay chồng vẫn giữ lòng...*" là hình ảnh thực tế của cụ bà Nguyễn Thị Hòa, thân sinh Phạm Duy.

Rồi chiến tranh. Những thiếu nữ dù không theo chồng cùng "*bỏ cuộc chơi*". Chồng ra đi, rồi con cũng ra đi, "*mẹ hoen mắt trông về ngọn cờ*", như năm xưa năm xưa. Chiến tranh không dạy Phạm Duy điều phải trái, lẽ thắng lẽ thua, mà nhắc anh:

Mẹ vẫn nguyện cầu

Người sinh ra có nhau

Phải thương nhau mến nhau

Tư tưởng nhân đạo sẽ trở lại với Phạm Duy trong Tâm Ca, *Giết người đi thì ta ở với ai?*

Rồi *Mẹ hóa đá*. Không phải vì chờ mong như trong truyền thuyết, nhưng vì thương những gieo neo trong cuộc sống, từ có hàng *bánh ế cuối ngày đến con ngựa người vất vả... Mẹ hóa ra hòn núi cao*.

*
* *

Đất nước chúng ta có dòng sông mang tên sông Thương xanh mát tình yêu, nhưng lại có sông mang tên sông Gianh là ranh giới phân chia đất nước, chia rẽ lòng người. Tính lại không biết bao nhiêu thế kỷ phân tranh, xương máu dù đi qua, hận thù còn đọng mãi.

Nước đi là nước không về

Chia đôi dòng nước chia lia dòng sông

[...]

Nước ân tình đổi thành ra nước căm hờn

Nhưng nhạc sĩ nhìn dòng sông vẫn nuôi một giấc mơ. Ngày xưa Tần Đà đã nhìn rất xa: *nước đi ra bể lại mưa về nguồn*. Phạm Duy sống vào thời đại nhiều nhưng, tình cảm đảo điên, đạo lý xáo trộn, không còn tư vô tà, tâm vô sự của Tần Đà, nên giấc mơ ngắn ngủi hơn: chỉ mơ sông về đến biển. Đến biển rồi thì sông Thương, sông Ngô, sông Gianh, Bến Hải hay Thái Bình, sông nào cũng là sông: đó là hình ảnh *Biển Mẹ*.

Biển êm, sóng lặng, lẳng, lẳng nước nổi, nổi hiền lành...

Phạm Duy lại chơi chữ *lặng, lẳng, lẳng*, và nhất là hai chữ *nổi*, trong từ kép "nước nổi" và cái nổi đong đưa trong "*tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nổi...*"

Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào, như trong lời hát Y Vân. Phạm Duy sâu sắc, hàm súc, trí tuệ hơn: *Biển Mẹ* là cái "*nổi hiền lành*" của cuộc sống, con người và vũ trụ.

Đẹp quá, *Biển là Mẹ Cuộc Sống*, là cái *Nổi Tình* có Năng vô Gió ru, Triều đưa Trăng đầy.

*
* *

Trường ca *Mẹ Việt Nam* tổng hợp tất cả tình cảm của Phạm Duy đối với quê hương và những trầm luân của *mệnh nước nổi* trôi qua hình ảnh người mẹ, đồng thời cũng diễn tả trọn vẹn ơn sâu nghĩa nặng của cuộc đời đối với chúng ta. Gọi là *Mẹ Việt Nam* vì một cách nói, chứ *Mẹ là Nguồn*, vốn không có quốc tịch, *Mẹ là Sông* - ta có chữ Sông Cái là Sông Mẹ - *Mẹ là "Biển, Hồ, lai láng"*, là *Mẹ Trưng Dương*:

Sóng vỗ miên man như câu ru êm của Mẹ dịu dàng

Nước biếc mênh mông như đôi tay ôm của Mẹ trưng dương
[...]

Sóng vỗ êm êm như khuyên con nên trở lại Mẹ hiền...

Nghe lại *Mẹ Việt Nam*, trở lại *Mẹ hiền*, là về lại Yêu Thương, về lại Cội Nguồn, về với Bản Thân.

Đặng Tiến

20-3-1995

(*) Trường ca "*Mẹ Việt Nam*" sẽ được ban Ngân Thông hát trong đêm văn nghệ 6-5-1995 tại Massy, phía nam Paris.

(**) "*Gia tài của Mẹ*" sẽ được hát trong một liên khúc Trịnh Công Sơn cùng trong đêm văn nghệ nói trên.

Khái niệm về pháp trị và dân chủ

Nguyễn Liên Hiệp

Thời gian qua trên diễn đàn Thông Luận tại Paris đã có sự trao đổi về quan niệm pháp quyền và pháp trị. Các luật gia đã phân tích từ ngữ thuật đến nội dung, dưới lăng kính luật học, chính trị học, vị thế đứng của mỗi người, giúp chúng ta có cái nhìn chính xác về sự dùng ngôn từ mà nhà cầm quyền CSVN cố tình lạm dụng. Để làm rõ thêm vấn đề, chúng ta thử tìm hiểu tại sao lại có pháp trị? và pháp trị có quan hệ gì với dân chủ? Để giải đáp những thắc mắc này, thiết tưởng trước hết ta quay về khái niệm nhân trị chủ nghĩa.

I. Nhân trị chủ nghĩa

Là học thuyết của Khổng Phu Tử. Ông sinh khoảng 551-523 trước Tây Lịch, cuối thời Xuân Thu đầu thời chiến quốc. Thiên hạ lúc đó bị chia năm xẻ bảy, cai trị dưới hình thức những chư hầu. Các chư hầu tiêu biểu như Tấn, Tần, Tề, Ngô, Việt, Sở, Lô... tranh giành nhau. Họ lộng quyền mượn danh nghĩa tôn Chu để sát phạt nhau. Bên trong kẻ cầm quyền mưu toan ám hại nhau, ngoài thì dân chúng loạn lạc. Thiên hạ không thái bình.

Nếu con người đề ra tư tưởng, thì có lẽ trước một bối cảnh lịch sử nhiều nhượng như vậy, đã khơi mào cho Khổng Tử đưa ra thuyết nhân trị.

Ông cho rằng xã hội loạn lạc vì con người làm ác. Mà con người làm ác là do hoàn cảnh chứ con người bản tính không ác. Ông chủ trương "nhân chi sơ, tính bản thiện", con người sinh ra vốn đã làm việc thiện. Cốt lõi học thuyết của ông tựu chung là quay về làm sáng cái tính thiện con người vốn có đó. Nếu được vậy, thì tự nhiên thiên hạ thái bình. Ông xem nhẹ vai trò luật pháp do nhà vua đặt ra để trị dân, hình phạt theo ông nên giảm không nên tăng. Chính hình có tính cách hướng dẫn, đe dọa chứ không thể lấy đó mà bình trị thiên hạ được. "Dùng chính lệnh để dẫn dắt dân, dùng hình phạt để bắt dân vào khuôn phép, dân tránh khỏi tội nhưng không hổ thẹn. Dùng đạo đức để dắt dẫn dân, dùng lễ giáo để dắt dân vào khuôn phép, dân biết hổ thẹn, mà theo đường chính". Trong Luận Ngữ, ông nói nhiều về chữ Nhân, chữ Đức mà không thấy lời nào ông cổ súy, xiển dương việc áp dụng hình phạt. "Nhân" vừa là tu thân vừa là ái nhân, vừa là xử kỷ tiếp vật.

Trên căn bản triết lý đó, ông đặt nặng vai trò giáo dục, lấy đạo tu thân làm gốc. Để thực hiện điều này, ông đưa ra học thuyết chính danh và quy định mối tương quan giữa người trong gia đình và xã hội. "Chính danh" có nghĩa danh phải hợp với thực, danh không chính thì ngôn không thuận, danh và thực không hợp nhau thì trật tự không có. Chính danh còn có nghĩa ai ở vị trí nào thì hành xử đúng cương vị đó. Vua phải ra vua, tôi phải ra tôi, cha con phải ra cha con... có như vậy giềng mối mới vững, kỷ cương trên dưới được tôn ti, xã hội không loạn.

Ngoài ra Khổng Tử còn đặt ra lễ, nhạc như phương tiện để cảm hóa con người. Các nghi thức trong việc cúng kiếng, cưới hỏi, ma chay... mà ta cho là phiền phức, thực ra có tác dụng để giữ kỷ luật tinh thần cần cho sự tu thân. Lễ còn là cung kính với bậc trên, hiền hòa với kẻ dưới. Riêng về nhạc, có tác dụng nuôi dưỡng tình tình, ảnh hưởng tâm lý để làm con người bị lôi cuốn nên theo ông nhạc phải trang, hài, thiện, mỹ (lạc nhi bất dâm, ái nhi bất thương).

Đối với kẻ cầm quyền ông cũng khuyên phải lấy tu thân làm

chính, "Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Ông chủ trương lấy nhân đức làm gốc để thiên hạ theo đó mà noi. "Gốc loạn mà ngọn trị là điều chưa hề có, cái ngọn mình đáng bạc mà lại hậu là điều chưa hề có" (Sách Đại học).

Nhân trị chủ nghĩa của Khổng Tử, tóm lại là một học thuyết khuyến cáo nhà cầm quyền trong đạo trị dân nên xem nhẹ vai trò luật pháp mà đặt nặng vấn đề giáo dục cải hóa con người, lấy tu thân làm gốc, làm sáng cái đức thiện vốn có. Nếu được vậy trật tự xã hội tự nhiên mà thành và bá tánh được bình trị.

II. Pháp trị chủ nghĩa

Nhưng đạo của Khổng Tử theo lời Tử Cống, một trong những học trò của ông, có lẽ cao siêu quá, không ai dung nạp được. Tử Cống khuyên ông nên hạ xuống một bậc nhưng ông không làm. Suốt một đời, ông du hành quảng bá đạo nhưng không ông vua nào nghe. Ông thất bại về sự nghiệp chính trị và mất năm 73 tuổi.

Bên cạnh đó xuất hiện một số pháp gia như Thương Ưởng, Lý Tư, Hàn Phi Tử đã kịch, bài bác thuyết nhân trị của ông. Họ chủ trương pháp trị tức lấy luật pháp mà cai trị. Đặc biệt Hàn Phi Tử (học trò Tuân Tử và Tuân Tử là học trò của Khổng Tử) đã đưa ra những tư tưởng nổi bật vào lúc bấy giờ:

- Về căn bản triết học Tuân Tử bài bác quan niệm "nhân chi sơ tính bản thiện". Ông chủ trương ngược lại "nhân chi sơ tính bản ác" và ông đưa ra lập luận rằng muốn cho xã hội khỏi loạn lạc mà chờ cho con người làm thiện là điều khó. Cách tốt nhất là đặt hình phạt cho nghiêm, để cho con người sợ, khỏi làm ác". Đợi cho mọi người làm điều thiện thì quanh ta không có đến mười người. Dùng cách nào để người ta đừng vi phạm thì thiên hạ có thể như nhau".

- Về căn bản ông cho rằng bậc cầm quyền nên nắm vào số đông mà trị nước. Muốn vậy luật pháp phải minh bạch, có tính cách chuẩn đích để thiên hạ dễ noi theo.

- Về chính trị, thuật dùng người, Hàn Phi Tử chủ trương không đòi hỏi một căn bản đạo đức như Khổng Tử. Giữa vua và dân cần một lớp quan lại cai trị. Số người này nhiều mà người hiền thì ít, chờ người hiền thì lấy đầu, chỉ bằng cứ sử dụng người như sử dụng gỗ. Quảng diễn tư tưởng này ông đưa ra hai hình ảnh tiêu biểu: muốn ăn thịt thỏ mà chờ thỏ chạy đụng gốc cây chết thì đến bao giờ? Muốn làm bánh xe mà chờ cây gỗ tròn mới hạ thì biết đến bao giờ? Ý ông muốn bảo, muốn ăn thịt thỏ thì dựa vào tài săn thỏ, muốn làm bánh xe phải dựa vào tài uốn nắn gỗ cho tròn.

Tóm lại học thuyết của Hàn Phi Tử là: để xây dựng một xã hội bình trị cần phải có một hệ thống pháp luật nghiêm khắc, minh bạch, công bằng. Ông còn chủ trương một quốc gia thống nhất hùng cường, kẻ cầm quyền không cần đạo đức, nhưng phải biết thuật trị người làm cho dân giàu nước mạnh có thể chiến thắng được lân bang.

Nếu Khổng Tử một đời đi du thuyết mà không vua nào dung nạp đạo của ông thì ngược lại pháp trị chủ nghĩa của Hàn Phi Tử đã ảnh hưởng lớn đối với Tần Thủy Hoàng. Sau khi đọc xong thiên "ngũ đố" (năm loài sâu mọt) thích chí quá đến nỗi Tần Thủy

Hoàng vô đôi mà cảm khái: "Cho ta gặp mặt người ấy rồi có chết cũng cam". Dem học thuyết áp dụng, Lý Tư bạn đồng môn Hàn Phi Tử (Hàn ngọng không giỏi biện luận bị Lý gièm pha và ép uống độc dược chết trong ngục) đã giúp triều đại nhà Tần vững mạnh, tóm đầu thiên hạ, thống nhất sơn hà. Nạn "phản thư khanh nho" là một bước quá đà ảnh hưởng bởi học thuyết pháp trị.

Nhà Tần vững mạnh có công để lại những công trình có giá trị lịch sử như Vạn Lý Trường Thành. Tuy nhiên đổi lại là sự hy sinh của hàng chục vạn sinh linh, khắp nơi muôn dân đồ thán vì phải sống dưới sự cai trị bạo tàn của ông vua bị ảnh hưởng của học thuyết trên.

III. Pháp trị và dân chủ:

Với trình bày trên, rõ ràng pháp trị chỉ có liên quan gì đến dân chủ, ngược lại còn cản trở dân chủ. Vậy pháp trị liên quan đến dân chủ như thế nào?

1. Pháp trị dưới chế độ quân chủ:

Thuở nguyên thủy, khi con người biết tụ tập dưới hình thức bộ lạc sơ khai để sống, họ có những ước lệ để tránh xung đột nhau. Ước lệ đó là hình thức luật lệ đơn sơ nhất. Theo diễn biến lịch sử loài người, dân số gia tăng, xã hội phức tạp, con người càng khôn ngoan. Để thích nghi, luật pháp cũng trở nên đa dạng, tinh vi và được hệ thống hóa.

Riêng chế độ quân chủ phong kiến, về kinh tế dựa vào nông nghiệp là chính đã hình thành hai giai cấp, giai cấp thống trị gồm triều đình quan lại và giai cấp bị trị là tầng lớp dân chúng nghèo nàn. Ở Á Châu như Trung Hoa, Việt Nam, hệ thống quyền lực chính trị tập trung vào tay nhà vua theo quan niệm "thế thiên hành đạo", thay mệnh trời trị dân. Vua là tuyệt đối, vua cai trị dân qua triều đình bằng một hệ thống quan lại khắp nước.

Trái lại, ở Âu Châu do những nguyên nhân lịch sử lâu dài, quyền lực nhà vua phải kết hợp với ảnh hưởng tôn giáo. Ở Pháp đến gần cuối thế kỷ 18, giai cấp thống trị là liên minh giữa hai thành phần tăng lữ và quý tộc. Nếu ở Á Châu, nhà vua theo mệnh trời trị dân thì ở Âu Châu nhà vua phải được "chuẩn y" của giáo hội. Nên chế độ pháp trị mang màu sắc tổng hợp của thế quyền và giáo quyền (trước đây hôn thú chỉ có hiệu lực khi lễ cưới làm ở nhà thờ).

Dù hai chế độ quân chủ Đông Tây có khác nhau trong thành phần giai cấp thống trị, nhưng hệ thống quyền lực vẫn duy nhất và độc đoán. Nền pháp trị quân chủ là nền pháp trị một chiều từ trên xuống dưới có tính cách áp đặt. Với tinh thần quân vương, luật pháp do vua ban ra nhằm thiết lập nền trật tự dưới uy quyền của vua. Nền trật tự này bất khả nghị bàn vì nó là ý muốn của vua. Mục đích luật pháp không phải là thỏa mãn nguyện vọng của dân mà thỏa mãn nguyện vọng của triều đình. Đặt ra luật, áp dụng luật, xử theo luật nằm trong tay một người hoặc một tầng lớp ưu đãi. Vì thế nền pháp trị quân chủ mang sắc thái khắc nghiệt và vô nhân (vua quan có thể chém đầu nạn nhân vì sự bất như ý nào đó, tội tru di tam tộc ở Việt Nam và Trung Hoa; ở Pháp nhiều vùng khi người con gái lấy chồng đem đầu tiên phải ngủ với lãnh chúa).

Vậy hệ thống pháp trị này hoàn toàn không có sắc thái dân chủ, nó là hiện thân của áp bức bất công, không nói lên được ý muốn nguyện vọng gì của toàn dân cả.

2. Pháp trị trong thể chế dân chủ:

a. Học thuyết dân chủ: Tình trạng bất công áp bức của chế độ phong kiến kéo dài nhiều thế kỷ như vậy cho đến giữa thế kỷ 18 xuất hiện một số tư tưởng gia: Kant, Hegel, Schiller, Voltaire...

nhưng nổi bật nhất là Montesquieu và J.J.Rousseau. Đây là hai bậc thầy đề ra khái niệm dân chủ làm nền tảng thiết kế một hệ thống cầm quyền thật sự do dân mà thế giới bây giờ đang thừa hưởng.

- Montesquieu: Trong tác phẩm "Vạn lý tinh pháp" (L'esprit de Lois, 1748) là người đầu tiên phân tích sự kiện xã hội (fait social) phải đi đôi với pháp chế (législation). Ông cho luật pháp không phải cứng nhắc và tuyệt đối, nó cần thay đổi theo phong tục tập quán, vị trí, diện tích, dân số, khí hậu... Ông đưa ra những khái niệm về quyền công dân, tự do chính trị, vấn đề hiến pháp...

Nhưng đáng chú ý phải nói là J.J.Rousseau.

- J.J.Rousseau: Với khái niệm về Dân ước luận (Le Contrat social, 1762) ông đưa ra thuyết ý chí toàn dân, cho rằng chủ quyền quốc gia không phải của vua chúa hay một đảng thiêng liêng nào cả. Chủ quyền thuộc về mọi người. Để thực hiện điều này toàn thể dân chúng trong quốc gia thể hiện ý chí trong một kết ước (ở Anh bắt thành văn). Qua đó quy định cơ cấu, hình thể quốc gia và ai được dân ủy nhiệm quyền gì mới được phép hành sử quyền đó. Kết ước xã hội này là ý chí của toàn dân tức hiến pháp. Nó là luật cao nhất bảo đảm một xã hội dân chủ trong đó mọi người sống bình đẳng và tự do.

b. Nguyên tắc dân chủ: Ý chí toàn dân là một triết thuyết dân chủ. Nhưng về kỹ thuật làm sao kiểm soát được sự thi hành dân chủ. Kinh nghiệm thấy người có quyền thường có khuynh hướng lạm quyền. Để tránh việc này, Lock, một nhà chính trị học đã bổ sung thêm nguyên tắc gọi là "kiểm soát và quân bình" (check and balance). Quyền hành phải được phân chia ra từng ngành: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Những ngành này độc lập không lệ thuộc nhau, nhưng có chức năng kiểm soát nhau.

Hiến pháp là bản luật mẹ đẻ ra các luật khác, do đó phải quy định rõ ràng về thể chế dân chủ, quyền hạn, nhiệm vụ, vai trò của từng ngành: lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Trong hiến pháp cũng phải quy định rõ ràng những quyền tự do căn bản của công dân về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục... Và luật pháp đặt ra không được trái với những quy định của hiến pháp hoặc tinh thần hiến pháp, theo một trật tự từ trên xuống dưới: hiến pháp, luật, sắc luật, nghị định, thông tư...

Những tư tưởng cấp tiến trên như một quả bom phá vỡ thành trì quân chủ phong kiến, tạo khúc quanh lịch sử, kết quả dẫn đến là cuộc cách mạng dân chủ, dân quyền 1789, xóa bỏ nền quân chủ chuyên chế. Nó là khởi điểm phát sinh ra những trào lưu dân chủ tiến bộ trên thế giới.

Như vậy pháp trị trong thể chế dân chủ là một cơ cấu quyền hành tổng thể (lập pháp, hành pháp, tư pháp), đại diện cho ý chí của toàn dân, thực thi những kết ước do dân ủy thác bằng hiến pháp, qua một hệ thống điều hành bằng pháp luật có thứ tự, với tinh thần dân chủ bảo đảm những nguyên tắc tự do căn bản của con người. Trong hệ thống này mọi người được sống bình đẳng, đóng góp phần trách vụ của mình xây dựng một xã hội chung. Nơi đó không có một cá biệt nào đứng ngoài và đứng trên hệ thống.

IV. "Pháp trị" trong chế độ cộng sản:

1. Quan niệm về luật pháp của cộng sản:

Phát xuất từ thuyết duy vật biện chứng (matérialisme dialectique) và duy vật sử quan (matérialisme historique), Karl Marx đã hệ thống hóa qua Tư bản luận (Capital) và Lenin là người khai triển áp dụng vào thực tế. Học thuyết Marx-Lenin còn chủ trương thêm không cần đợi quá trình diễn tiến xã hội tự động đến (évolution) mà con người phải chủ động thúc đẩy quá trình này

mau hơn bằng một cuộc cách mạng.

Người cộng sản chia xã hội tư bản thành hai giai cấp : thống trị là giai cấp tư bản nắm quyền lực và phương tiện sản xuất, bị trị là giai cấp công nông vô sản. Giai cấp này bị giai cấp trên bóc lột qua thuyết thặng dư giá trị.

Họ cũng chia xã hội thành hai tầng cơ cấu : thượng tầng kiến trúc tức y tế, giáo dục, luật pháp... phải đặt trên hạ tầng cơ sở (tức quan hệ sản xuất phải phù hợp với lực lượng sản xuất, trong đó ai nắm tư liệu sản xuất là chính).

Từ đó họ cho rằng giai cấp nào thì đề ra tư tưởng đó. Trong chế độ tư bản, theo họ luật pháp chỉ là công cụ của giai cấp thống trị đặt ra nhằm áp bức giai cấp vô sản để bóc lột giá trị thặng dư. Đối với họ không có một thứ luật pháp chung chung, mà luật pháp phải là luật pháp của một giai cấp.

Làm cách mạng lật đổ giai cấp thống trị, mục đích về kinh tế lấy lại giá trị thặng dư, lấy lại tư liệu sản xuất, lập lại quan hệ sản xuất mới. Về chính trị thiết lập một nhà nước của giai cấp vô sản mục đích bảo vệ quyền lợi của giai cấp vô sản, mà đại diện của giai cấp là đảng cộng sản tức đội tiên phong của liên minh công nông. Và họ khẳng định dứt khoát nắm vững nền chuyên chính này, sẵn sàng sử dụng bạo lực như một phương châm để bảo vệ nền chuyên chính đó. Như vậy rõ ràng luật pháp của nhà nước là luật pháp của đảng cộng sản.

2. Thực tế:

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay có đủ những cơ chế hiến định: một quốc hội lập pháp, một chính phủ hành pháp và một tòa án tư pháp. Nhưng quyền hành tập trung vào quốc hội. Điều 83 Hiến Pháp : "*quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam.*

Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp.

Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh...

Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước.

Nhưng than ôi! Tất cả những quyền lực tối cao này phải ở dưới một siêu quyền lực tối cao khác. Điều 4 Hiến Pháp : "*Đảng CSVN, đội tiên phong của giai cấp công nhân VN... là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội.*"

Dẫn chứng hiến pháp để tìm hiểu vấn đề, thực sự ta đừng quên chính cái hiến pháp này cũng chính là sản phẩm của đảng mà thôi. Vì cơ cấu tổng thể cầm quyền là ý chí của đảng, không phải ý chí toàn dân.

Kết luận :

Hiện nay nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam sử dụng những danh từ lấp lửng như pháp chế, pháp quyền mà từ lâu nay ta ít nghe nói đến. Khiến các nhà luật học phải phân tích tìm hiểu nội dung để giúp chúng ta sáng tỏ vấn đề. Riêng ở đây, chúng tôi đã trình bày với cái nhìn nhân bản, hướng về dân chủ như một tiêu chuẩn phổ cập của loài người. Từ lý luận cho đến thực tế, qua những phân tích trên, chúng tôi có một đề nghị: Rõ ràng nhà nước cộng sản Việt Nam không phải là nhà nước nhân trị, nó cũng không phải là nhà nước pháp trị theo tinh thần dân chủ. Riêng về "nhà nước pháp quyền", đây là danh từ phía cộng sản Việt Nam đưa ra có tính cách lấp lửng để đưa đến ngộ nhận một nội dung của thể chế. Đúng hơn hết ta nên gọi là "nhà nước đảng trị" như lâu nay ta đã từng dùng.

Nguyễn Liên Hiệp
(Hòa Lan)

Tham luận

Xây dựng một hệ thống pháp luật ở VN trong tương lai

Lê Minh Văn

Nhằm phục vụ mục tiêu "Đổi mới" hay sát nghĩa hơn, một sự cõng trối kinh tế nhằm cứu nguy chế độ, Đảng CSVN và những nhà lãnh đạo đương quyền đã đề cập đến việc xây dựng một "Nhà nước pháp quyền" như một mục đích tuyên truyền, bao gồm lối chơi chữ sở trường với dụng ý trấn an những nhà đầu tư ngoại quốc vẫn còn e dè một Nhà nước không có Luật pháp, để hóa giải sức tranh đấu của các phong trào đòi Dân chủ, để ve vuốt nỗi chán chường tuyệt vọng của quần chúng trước một guồng máy hành chánh tệ hại vừa mang tính công an trị của chuyên chính cực quyền, vừa những lạm thối nát bậc nhất trong các nền hành chánh hủ lậu lạc loài giữa thế giới tiến bộ của những Nhà nước pháp trị mới.

Điều 4 Hiến pháp dành vai trò độc tôn cho đảng CSVN và quốc hiệu Cộng hòa XHCNVN đã mặc nhiên phủ nhận những ý niệm mới về Nhà nước pháp trị dân chủ trong nghĩa đơn giản nhất nhằm đối kháng với một Nhà nước Cảnh sát trong đó chính phủ và hệ thống hành chánh có thể hành động một cách tùy tiện hoặc có thói quen sử dụng một loại "công an chính trị" can thiệp trắng trợn vào đời sống chính trị, bất chấp luật lệ, Nhà nước chuyên chính vô sản kiểu Lenin còn tệ hại hơn nhiều.

I. Tính chất của nhà nước pháp trị

Định nghĩa ngắn gọn nhưng minh bạch của loại hình Nhà nước này là một "chính quyền do dân và vì dân". Nó được dựng lên bằng sự đồng thuận của quần chúng, theo nguyên tắc đa số có tôn trọng thiểu số để phục vụ những nguyện vọng của Dân tộc và quần chúng của nó theo tinh thần Hiến pháp qui định.

Dân chủ có hai điều kiện:

1. Những người có trách nhiệm hoặc những cơ quan quản trị một định chế công và tư được sự ủy nhiệm minh thị và chính thức của đa số trở thành những người hành sử quyền hành chính thống. Tính chất "quyền tối thượng của người dân" vẫn là một nguyên tắc tuyệt đối của Hiến pháp Mỹ và các nền dân chủ phương Tây.

2. Quyền hành ấy được hành sử làm sao cho mọi người đều cảm thấy đã tham dự bao quát vào việc lấy quyết định và nhất trí tán đồng về những phần then chốt của quyết định ấy.

Từ quan điểm dân chủ này, một Nhà nước pháp trị phải tôn trọng trước tiên Hiến pháp như biểu tượng cao nhất trong đó sự phân quyền là yếu tính quyết định của nền Dân chủ. Nhà nước ấy cũng phải bảo đảm những quyền căn bản nhất của con người (bao gồm những quyền lợi xã hội) và tôn trọng thiểu số trong sinh hoạt dân chủ.

Các cuộc tranh luận năm 1949 ở Đức đã đưa đến những ý niệm mới, rất tiến bộ về Nhà nước pháp trị trong đó các nhà soạn thảo "Đạo luật căn bản" (nay trở thành Hiến pháp Đức) đã lấy lại quan điểm khai phóng kiểu Hoa Kỳ về phân quyền, và vị thế tối cao của Hiến pháp (bao gồm những quyền căn bản); đồng thời vai trò những thẩm phán như bảo đảm cần thiết cho tính ưu thế tuyệt đối của Luật Hiến pháp trên các luật lệ khác. Điểm nổi bật thứ hai của ý niệm 1949 nhằm phối hợp nhà nước pháp trị ấy với Dân chủ.

Điều này có nghĩa là chính các Thẩm phán bảo vệ Nhà nước pháp trị cũng có bốn phận bảo vệ và tôn trọng Luật lệ.

Đạo luật căn bản 1949 đã đưa ra khuynh hướng Hiến pháp kiểu mới ở Châu Âu với hai đặc tính nổi bật:

- nói rộng sự phân quyền mà chế độ liên bang đóng vai trò chủ yếu, phối hợp với ý niệm phân chia không gian kinh tế, không gian chính trị, thể hiện qua tính chất độc lập của Ngân hàng trung ương, bảo vệ tính ưu tiên của kinh tế thị trường.

- pháp chế hóa những tương quan chính trị và xã hội: tổng thể những nhân tố chính trị, hành chính, kinh tế và xã hội đều bị chi phối bởi luật hiến pháp, bao gồm những qui định liên quan đến tiền tệ, kinh tế, tài chính công và những quyền lợi xã hội (Hugues Portelli, *Les Régimes politiques européens*, Livre de Poche).

Ở Anh, vai trò tài phán tối cao được giao cho các thẩm phán đặc biệt chọn lựa giữa những nhân tài Luật học nhằm xây dựng hệ thống án lệ bảo đảm cho những quyền căn bản. Tính độc lập tuyệt đối vượt ngoài các khuôn khổ giám hộ chính trị và hành chính của các Thẩm phán này bảo đảm tính liên tục của các quan điểm bảo hiến.

Ở Mỹ nền tư pháp chiếm vai trò ưu thế trong tam quyền phân lập. Guồng máy công quyền Hoa Kỳ dựa trên tính chất chuyên viên của các cấp lãnh đạo hành chính không mang tính chuyên nghiệp như ở Pháp. Các công chức vi phạm luật sẽ bị truy tố ra trước các Tòa án thường xét xử. Nét đặc biệt của Nhà nước dân chủ pháp trị Hoa Kỳ là vai trò ưu thế tuyệt đối trong quan hệ quyền lực của các thẩm phán do việc họ có quyền chế tài các chức việc chính phủ, hoặc phán đoán tính hợp hiến của một đạo luật nhân những vụ tranh tụng pháp lý... (xem thêm Tocqueville, *La Démocratie en Amérique*).

II. Kiểu mẫu nhà nước pháp trị nào thích hợp cho Việt Nam tương lai ?

Dân chủ là một ý niệm tiến bộ trong dòng tư tưởng chính trị của nhân loại. Cho đến bây giờ, dù các nước phương Tây đã xây dựng được cho mình những cơ cấu tổ chức dân chủ tương đối ổn định, tính toàn cầu của nó đang ở giai đoạn phát triển, chưa hoàn chỉnh. Thí dụ hiển nhiên nhất là ở nhiều quốc gia Châu Mỹ La tinh, những thập niên đã trôi qua vẫn chưa định hình được một nền dân chủ phải có. Từ những nước chậm tiến họ xây dựng những nền cộng hòa nhằm hiện đại hóa kinh tế. Nhưng những vấn đề xã hội nội tại luôn luôn căng thẳng thường kéo những nền cộng hòa non trẻ đi lệch hướng, hoặc trở lại độc tài quân phiệt, hoặc rơi vào tay những chuyên viên kỹ trị (technocrates)... Điều nghịch lý là giới kỹ thuật gia không thể một sớm một chiều tự cải biến thành những nhà lãnh đạo chính trị. Mặt khác, các đảng phái tự từ bỏ thiên chức lãnh đạo của mình trong đời sống chính trị quốc gia cũng có nghĩa là Nhà nước ấy đã mất cân bằng và nền dân chủ trở thành mong manh.

Ở các nước Đông Á đã phát triển thành cường quốc kinh tế như Nhật Bản hoặc mới phát triển tiềm lực hùng mạnh như Tân Gia Ba, Đài Loan hoặc Đại Hàn, nền dân chủ với những đặc tính và điều kiện phổ quát chưa thấy xuất hiện hoặc chưa được xác định.

Lý do của các vấn nạn vừa kể nằm trong tính văn hóa của tư Dân chủ. Dĩ nhiên phần quyết định của những cơ chế dân chủ là các định chế pháp lý. Nhưng nền tảng của những thượng tầng kiến trúc ấy nằm trong những con người biểu tượng cho một nền văn hóa cấu thành bởi một tổng thể những đức tính luân lý và chính trị chặt chẽ. Các mô hình dân chủ phương Tây hiện tại đã

được xây dựng trên những nền văn hóa có những nét tương đối chung nhất là tính khai phóng của con người hơn là chủ nghĩa phù hợp thụ động, tinh thần trách nhiệm, dám lấy quyết định và sáng tạo trong lao động hơn là ngoan ngoãn nhận lệnh. Trong tương quan xã hội, con người ấy phải có quan điểm riêng nhưng tôn trọng tinh thần đa nguyên và quan điểm kẻ khác, đồng thời có năng khiếu phê bình để làm nảy sinh cái đúng và tiến bộ. Tóm lại, sự giáo dục về luân lý và trí tuệ bao gồm cả giáo dục chính trị, công dân và dân chủ vẫn là cái nền tảng không thể thiếu cho một cơ chế Dân chủ phù hợp với nền văn hóa xã hội trong đó nó nảy sinh.

Vấn đề xây dựng một hệ thống pháp luật dân chủ ở Việt Nam do đó là một trình tự khá lâu dài, đòi hỏi phải giải quyết những vấn đề đặt ra tự căn bản.

A. Những đặc tính của hệ thống pháp luật sẽ xây dựng

1. Xã hội truyền thống ở VN là một thực thể đa dạng. Yếu tính văn hóa đặc thù của dân tộc VN bộc lộ rõ nét nhất ở làng xã với những định chế xã thôn đặc biệt. Nông thôn Việt Nam nói chung vừa có nét sinh hoạt dân chủ thể hiện qua các hội làng và phân cấp công điền, công thổ nói chung; vừa có sắc thái khép kín với dư luận có phần khắt khe. Tục lệ trói buộc con người vào một trật tự cứng nhắc. Hệ thống án lệ của luật pháp VN không thể không lưu tâm đến những tập tục lệ làng.

2. Tinh thần tôn trọng luật pháp của người dân Việt Nam nói chung vẫn là một truyền thống nhiều khi thể hiện một cách quá đáng do ảnh hưởng giáo dục bị diễn dịch lệch lạc hoặc lạm dụng ở tinh "trung quân" và "tôn trọng công ích và trật tự xã hội". Tinh thần tuân thủ thụ động này cần được làm sáng tỏ trong việc xét định lại những giá trị tích cực của Tống Nho thể hiện qua quan điểm xây dựng "lương tri" con người và tinh thần dân chủ của Mạnh Tử, nơi quan điểm giáo dục tích cực của Tuân Tử; và cả những điểm tiến bộ của phái pháp gia, đặc biệt nơi quan điểm về tính chất bắt buộc của sự phổ biến Luật pháp của Hàn Phi Tử: "*Luật lệ phải được tập trung và niêm yết dưới dạng bảng (tableaux); các tờ niêm phải được sắp xếp theo thứ tự hợp lý trong tất cả cơ quan hành chính. Những luật lệ này phải được công khai hóa và phổ biến khắp nơi trong quần chúng*". Theo Hàn Phi "*Những sắc luật và chỉ thị chỉ trở thành Luật khi chúng được niêm yết trong tất cả cơ quan hành chính và cho mọi người biết rằng những trừng trị và hình phạt sẽ không trừ bất cứ một ai. Người được ghi nhận có tinh thần tuân thủ tốt sẽ được khen thưởng, ai vi phạm sẽ bị trừng phạt*" (Marcel Granet, "*Les recettes de gouvernement in La pensée chinoise*). Việc xét lại tinh thần cổ học đã sâu đậm trong tâm hồn và văn hóa Việt Nam nhằm hai tác dụng: Thứ nhất để bảo tồn những suy nghĩ truyền thống đã trở thành hồn dân tộc. Thứ hai nhằm khai thác những mặt tích cực và tiến bộ của nền giáo dục truyền thống ấy làm cánh cửa trung gian chuyển dẫn những sắc thái mới và phù hợp phương Tây vào xã hội truyền thống, trên căn bản những giáo dục con người xã hội và con người công dân nhìn dưới khía cạnh tích cực giữa Đông và Tây không khác nhau mấy. Phải chăng nét phác thảo dân chủ cần có cho VN là công trình hấp thụ những sắc thái dân chủ có tính khoa học để sẽ hội nhập và phát triển trên nền văn hóa nhân bản truyền thống Việt Nam.

3. Xây dựng một hệ thống pháp luật dân chủ trong hoàn cảnh rất phức tạp của xã hội VN hiện tại là một công trình lâu dài, có hệ thống, có tính toán làm sao cho phù hợp được với những giai đoạn chuyển biến lớn của tiến trình dân chủ hóa. Tinh thần của

Hiến pháp và hệ thống pháp chế phải dự liệu những tu chính, điều chỉnh hợp lý và cần thiết.

4. Điều quan trọng nhất, phải khẳng định, là tinh thần và tinh yếu của Luật pháp không phải để "tóm dân vào lưới" nhằm phục vụ bất kỳ một tham vọng tập quyền toàn trị chính trị hoặc thực hiện chuyên chính tư pháp. Tinh túy và yếu tính của Luật pháp luôn luôn nhằm ngăn chặn sự lạm quyền của người cai trị (dù trong khuôn khổ Nhà nước pháp trị dân chủ), nhằm hướng guồng máy công quyền đi đúng con đường thi hành công ích cho người dân, bảo vệ họ cũng như bảo vệ cho chính bản thân chế độ dân chủ. Ở Hoa Kỳ, Tư pháp chiếm một vị thế áp đảo so với Hành pháp và Lập pháp nhằm thể hiện quan điểm này của ý niệm dân chủ; Ở Mỹ, giới luật gia thu tóm trong tay những quyền hành rộng lớn, nhưng "một chính phủ tư pháp" chưa bao giờ kết hợp được và sự lạm quyền của giới thẩm phán rất ít xảy ra. Giản dị chỉ vì với nguyên tắc "Dân là tối thượng", mọi công dân Hoa Kỳ đều hiểu luật trong nghĩa đòi vừa để bảo vệ quyền lợi mình vừa có tinh thần tuân trọng và tuân thủ Luật pháp và tôn trọng người khác.

5. Việc xây dựng một hệ thống pháp chế thích nghi với những điều kiện xã hội Việt Nam là điều cần thiết trong chiều hướng triển khai những định hướng lớn của Luật Hiến pháp nhằm ổn cố và phát triển xã hội dân sự cả về vật chất (kinh tế) lẫn tinh thần cá nhân trong chiều hướng chính trị hóa con người, phát huy giáo dục dân chủ để đào tạo những công dân biết suy tưởng, biết phát biểu nhằm đóng góp vào công ích xã hội và dân chủ.

Giáo dục về Luật pháp là một ngành chuyên biệt quan trọng trong chiều hướng giáo dục mới vừa kể nhằm mục đích đào tạo một thế hệ thẩm phán mới, trưởng thành trong khuôn khổ dân chủ quốc gia và thích nghi với những điều kiện văn hóa nội tại của xã hội. Một hệ thống thẩm phán gốc nông dân vô sản không có trình độ văn hóa tối thiểu, không cả những kiến thức sơ cấp về Luật pháp là điều tối thậm vô lý mà xã hội Việt Nam bất hạnh đã trải qua. Vấn đề là liệu những nhà cầm quyền đương thời có nhận thức được rằng để có thể xây dựng được một hệ thống pháp luật thực sự đúng nghĩa, ngay từ bây giờ - nếu không sẽ quá trễ - những trường Luật Hà Nội, Sài Gòn, Huế, Cần Thơ phải được tái lập cho đúng tầm cỡ của nó và bắt đầu giảng dạy theo một chương trình của tương lai, do những luật gia có thực tài đảm nhiệm. Vấn đề là một Nhà nước pháp trị không có những thẩm phán có kiến thức, có tư cách và kinh nghiệm chỉ là một chiếc vỏ rỗng tuếch có tính cách bip bôm.

B. Về phương diện kỹ thuật của hệ thống pháp luật

Xây dựng một Nhà nước pháp trị thật sự dân chủ đã khó. Duy trì và bảo vệ cho Nhà nước ấy tránh lạc hướng, lạm quyền lại càng khó hơn. Lịch sử dân chủ vẫn ghi nhận rằng nền dân chủ Hoa Kỳ vẫn được xem như phạm trù thể hiện những ý niệm dân chủ phương Tây, nhưng với những cơ chế vận hành đặc biệt với lịch sử lập quốc và đặc tính của con người hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Một kinh nghiệm khác về mô hình dân chủ thể hiện những nét thực tiễn và tiến bộ được hầu hết các nhà nghiên cứu về chính trị Dân chủ ghi nhận là công trình của những nhà soạn thảo "Đạo luật Căn bản" năm 1949 (nay trở thành Hiến pháp Đức). Ý niệm kiểm soát tính chất hợp hiến của các đạo luật với Tòa án Bảo hiến Karlsruhe, giải quyết các tranh tụng hành chính với Tòa án Hành chính Liên bang, đặt nặng trách nhiệm thi hành và bảo vệ dân chủ lên vai giới công bộc của hệ thống công quyền, và đặc biệt tương quan hai chiều giữa Nhà nước pháp trị - công dân... là những nét

đặc sắc đã được đa số các nền dân chủ châu Âu, kể cả Pháp nghiên cứu học hỏi. Một nền dân chủ "có kiểm soát" với những định chế thực tế dĩ nhiên cần thiết cho mọi cơ cấu dân chủ, dù đã định hình ở các nước phương Tây, và sẽ cung cấp những ý niệm rất hữu ích cho những quốc gia đang chuẩn bị xây dựng dân chủ như Việt Nam.

1- Tòa án bảo hiến Karlsruhe : Sau thế chiến thứ hai, nỗi ưu tư về sự trở lại một chế độ độc tài vẫn ám ảnh những nhà làm luật hiến pháp Đức năm 1949. Nhằm bảo vệ những quyền lợi căn bản của con người như một nhiệm vụ tối thượng, họ đã lập ra tòa án bảo hiến vừa để bảo vệ hiến pháp chống lại những đạo luật vi hiến, vừa giải thích, triển khai những tinh yếu của hiến pháp nhân những vụ tranh tụng. Cơ cấu tổ chức và điều hành của tòa án này khác với tòa án tối cao Hoa Kỳ:

- Về cấu trúc tòa án bảo hiến Đức gồm có hai phòng với 8 thành viên cho mỗi phòng bao gồm 3 thẩm phán xử án tối cao liên bang và 5 thẩm phán thuộc thẩm phán đoàn. Mười sáu thành viên của tòa án bảo hiến không bị trói buộc bởi pháp chế và chính trị, tự trị với các quyết nghị và đảng phái tiến cử họ trong suốt nhiệm kỳ 12 năm, không gia hạn.

- Về cơ chế điều hành, ngoài việc theo dõi luật pháp hiện hành, tòa án Karlsruhe chấp nhận cứu xét tính hợp hiến hay không của một đạo luật hoặc những hành vi vi hiến:

1) Sự kiểm soát cụ thể về tính hợp hiến có thể khởi phát từ một thẩm phán thường khi đương sự nhận thấy một đạo luật hiện hành trái với tinh thần hiến pháp. Vị thẩm phán này có quyền ngưng thi hành đạo luật và chuyển tính chất bất hợp hiến khác thường này lên Tòa án Bảo hiến Liên bang hoặc Tòa án Bảo hiến Bang cứu xét theo các nguyên tắc quy định.

2) Thủ tục tố tụng trực tiếp về tính hợp hiến đã được chấp thuận cho các công dân Đức kể từ năm 1969 khi họ cảm thấy những quyền căn bản dành cho họ bị trực tiếp thương tổn, và sau khi đã sử dụng mọi thủ tục tố tụng khác vẫn chưa được giải quyết. Những khiếu nại này chiếm đến 95 % những vụ tranh tụng về tính hợp hiến hay không của một hành vi hoặc đạo luật do đó để bảo đảm tính khả chấp của những tranh tụng loại này, một ủy ban đặc biệt tiền cứu xét, có nhiệm vụ xem xét các đơn khiếu nại. Kết quả là chỉ khoảng 85% những tranh tụng được chấp nhận đưa lên Tòa án Bảo hiến để thẩm xét.

Khác với Hội đồng bảo hiến Pháp (không được trao quyền rộng rãi để thi hành hiến pháp và thủ tục quy định quyền tranh tụng giới hạn cho tổng thống, thủ tướng, các chủ tịch quốc hội, thượng viện và kể từ lần tu chính hiến pháp 29/10/1974, nói rộng quyền tranh tụng cho 60 dân biểu và thượng nghị sĩ trở lên), tòa án bảo hiến liên bang Karlsruhe ngoài thẩm quyền kiểm soát và xét xử tính hợp hiến của các đạo luật còn có quyền diễn dịch với tính cách xây dựng nhằm hoàn chỉnh luật pháp, cho các chỉ thị giải thích việc áp dụng hay sửa đổi các đạo luật có hà ti.

2- Vai trò đặc biệt của giới công bộc trong nhiệm vụ bảo vệ trật tự căn bản của nền tự do dân chủ : Ngoài việc nêu cao tinh thần tôn trọng dân chủ nơi quần chúng và các công dân, "đạo luật căn bản" còn đi xa hơn nữa trong vai trò dân chủ đặt lên vai những công chức của hệ thống công quyền được quan niệm như những chiến sĩ có nhiệm vụ phải cam kết (khi được tuyển dụng) bảo vệ nền dân chủ quốc gia. Điều 33.4 của đạo luật căn bản áp đặt những nghĩa vụ cho người công chức mà quan trọng nhất là tính trung lập và phải đem hết sức mình tham gia vào việc duy trì và ổn cố nền tự do dân chủ. Ngược lại mỗi khi người dân cảm thấy bị chính quyền bức bách hoặc cho rằng quyền tự do của mình

bị vi phạm có thể tố cáo thẳng lên tòa án hành chính liên bang có thẩm quyền xử chung thẩm những tranh tụng về luật hành chính (Olivier Duhamel, Les Démocraties, Ed.Seuil).

- Điều 33.4 của hiến pháp Đức là một sáng kiến vô cùng quan trọng đối với hiến pháp Việt Nam trong tương lai. Nền hành chính công quyền ở đất nước ta trải qua những chế độ phong kiến, thực dân rồi cộng sản đã bị hủ hóa đến tận cùng. Việc tái tạo khả năng chuyên môn để có thể đảm đương nhiệm vụ thi hành những chương trình công ích phục vụ dân chúng là vấn đề bắt buộc trong khuôn khổ một nhà nước pháp trị mới. Bên cạnh đó việc phục hồi hình ảnh của người công bộc ở khía cạnh tư cách và phẩm giá cũng không kém phần quan trọng. Trang bị cho họ một lương tâm mới và một ý thức tiến bộ về nhiệm vụ như hiến pháp Đức quy định, phải chăng là điều tối cần thiết?

- Vấn đề kiểm soát các hành vi hành chính trong một nước chậm tiến như Việt Nam vẫn là vấn đề quan trọng hàng đầu. Hành pháp nói chung, và người công chức mọi ngành của hệ thống hành chính công quyền của một nhà nước mới phải tuân thủ những nguyên tắc chung là tính thượng tôn luật pháp (cho quốc trưởng, thủ tướng và các thành viên nội các) và tinh thần tuân trọng luật pháp cho mọi chức việc của cơ quan công quyền (phải hiểu rõ luật và tuân thủ mọi điều khoản). Ngoài ra các nguyên tắc hành sự sau đây phải được áp dụng:

1) Các hành vi hành chính như lạm quyền, uổng dụng quyền thế, không có lý do chính đáng... phải được thu hồi và bồi thường thiệt hại.

2) Bước thủ tục quy định phải được tôn trọng. Ví dụ việc lấy khẩu cung và tra tấn sẽ bị vô hiệu trước pháp đình, hoặc nếu không thông báo trước, nghi can có quyền im lặng (áp dụng ở Mỹ).

3) Việc câu thúc thân thể phải tuân theo các thủ tục luật pháp quy định.

4) Một nghi can được xem là vô tội cho đến khi bị kết án (với quyền được tại ngoại hầu tra). (GS Đỗ Quý Sáng-CSVN không thể tạo dựng một hệ thống pháp quyền- Hoài bảo quê hương số 13)

Dự luật cải tổ hành chính của tổng thống Alfonsin của Á Căn Đình ở thập niên 80 cũng cho ta một vài gợi ý hữu ích. Nhóm nghiên cứu Roulet (cựu sinh viên ENA Pháp phối hợp với học viện quốc gia hành chính công quyền Á Căn Đình) đã soạn thảo việc cải biến với các cung cách điều hành, tuyển dụng, huấn luyện, lương giá dưới dạng chuyên nghiệp. Điểm đặc sắc của dự án là dự liệu ngoài sự thanh tra nội bộ thường xuyên, một định chế "người bảo vệ quần chúng" chống những hà lạm hành chính giống như hình ảnh một "Ombudsman" kiểu Thụy Điển. Thành phố Buenos Aires đã chấp nhận định chế này. Nhiệm vụ của nó là kiểm tra tính xác thực và nghiêm trọng của những vấn đề bị tranh tụng, và đề nghị cơ quan hữu trách có những sửa đổi thích nghi. Để bảo đảm sự hữu hiệu, định chế "bảo vệ quần chúng" cần có sự độc lập đối với tam quyền của nhà nước, vì hàng năm một bản tường trình phải được đệ nạp ở quốc hội.

Dự án này cuối cùng không thi hành được vì truyền thống độc tài vẫn ngự trị một cách thường trực ở xã hội Á Căn Đình, bên cạnh những "ngọt ngào kinh tế". Nhưng dấu sao đây cũng là một trăn trở đáng kể về tính hành chính công ở các nước chậm tiến. "Đệ tứ quyền" của Alfonsin đã được nghiên cứu và đưa vào hiến pháp đệ nhị cộng hòa VN dưới định chế được gọi là Giám sát viện.

- Về thủ tục tố tụng hành chính, các quốc gia dân chủ phương

Tây, tùy truyền thống riêng, có những cách áp dụng khác nhau. Ở Hoa Kỳ, người công dân có quyền khởi tố các công chức của hệ thống công quyền trước các thẩm phán thường tụng và các thẩm phán này có quyền kết án các nhân viên hành pháp khi họ vi phạm luật. Thủ tục của Pháp dè dặt hơn khi quy định mọi công chức nhà nước trừ hàng tổng trưởng, có thể bị truy tố trước tòa án thường sau khi có quyết định của Hội đồng nhà nước. Hiến pháp đệ ngũ cộng hòa Pháp dự liệu một hệ thống xử án kép đối với các tranh tụng hành chính. Tòa án tư pháp giải quyết những tranh tụng giữa những cá thể - cá nhân và hội đoàn- ở khía cạnh hình luật, trong lúc tòa án hành chính thường có thói quen xử những tranh tụng của các cá thể chống lại chính quyền hoặc giữa những cơ quan công quyền với nhau (J.L.Quermonne, Les régimes politiques occidentaux, Essais).

3- Tương quan nhà nước pháp trị-công dân : Trong các chế độ dân chủ nói chung, nhà nước có bổn phận bảo vệ các quyền căn bản thiêng liêng của con người. Ngược lại người công dân phải có bổn phận tôn trọng hiến pháp, và hành sử quyền tự do của mình trong sự tôn trọng người khác. Đạo luật căn bản 1949 của Đức diễn dịch rõ hơn tương quan này trong liệt kê cụ thể các quyền căn bản của con người công dân từ các điều 2 về quyền sống cho đến điều 17 quy định quyền thỉnh nguyện, thưa gửi.

Thoạt nhìn những quyền căn bản này không những bị hạn chế và giới hạn "thâm quyền tối thượng của quần chúng" nói chung, còn hạn chế cả những quyền cá nhân. Thí dụ về điều 4, quyền tín ngưỡng có dự liệu những trường hợp từ chối thi hành nghĩa vụ quân sự vì lý do luân lý hay tôn giáo trong thời chiến. Điều 5 về tự do phát biểu trong giới hạn bảo vệ giới trẻ và danh dự cá nhân. Về tự do giảng dạy, phải gắn liền với tính trung thành đối với hiến pháp. Điều 9, tự do lập hội ngoại trừ trường hợp có mục đích chống lại sự ổn cố hiến định, hoặc phương hại đến sự hòa hợp của các sắc tộc. Điều 10 quy định những bí mật thư tín có giới hạn nhất định nhằm bảo vệ tự do dân chủ. Điều 11, tự do lưu thông bị giới hạn nếu cần nhằm ngăn chặn những đe dọa tổn hại đến sự tồn tại của chế độ tự do dân chủ liên bang hay của bang. Điều 13 quy định cấm việc xâm nhập gia cư ngoại trừ trường hợp cần lực soát của cảnh lực lượng hợp pháp...

Tóm lại một công dân có thể bị tước bỏ những quyền căn bản nếu lạm dụng những quyền này hoặc khi có hành động chống lại trật tự quy định. Và để kết luận, điều 18 quy định: bất kỳ ai sử dụng quyền tự do phát biểu (báo chí), quyền tự do giảng dạy, tự do tư hữu hoặc quyền cư trú để chống lại nền tự do và dân chủ đều bị tước bỏ những quyền căn bản. Thế giới phương Tây đang bắt đầu bước vào giai đoạn hậu tiến tiến với những suy thoái rất dễ nhận thấy nơi cuộc khủng hoảng dân chủ đã chớm bắt đầu với sự lên ngôi của chủ nghĩa cá nhân vị kỷ đang hủy hoại những giá trị lâu đời đã góp phần xây dựng nền dân chủ hiện tại. Đặt ra những hạn chế cho một vài quyền tự do cá nhân có thể bị lạm dụng để trở thành nguy hiểm cho sự ổn định của tự do dân chủ, những nhà soạn thảo luật hiến pháp Đức đã tiên liệu những nút chặn và đã phác thảo khá chính xác những ý niệm dân chủ phải có của ngày mai.

Trong khung cảnh một xã hội Việt Nam hậu cộng sản với những tương quan con người liên hệ đến văn hóa, đạo đức, kinh tế, xã hội, chính trị cần phải đ.ợc hồi phục để khởi phát tiến trình dân chủ hóa, luật hiến pháp tương lai của Việt Nam phải chăng rất cần những điều tương tự?

Lê Minh Văn
Tháng 2/1995

Jacques Chirac quan tâm về vấn đề nhân quyền ở Việt Nam

Trong một cuộc gặp gỡ trao đổi với ông Michel Aurillac, cựu bộ trưởng Hợp Tác và cộng sự viên thân cận của ông Jacques Chirac, ứng cử viên có nhiều hy vọng sẽ đắc cử tổng thống Pháp trong cuộc bầu cử sẽ diễn ra vào hai ngày 23-4 và 7-5-1995, ông Nguyễn Gia Kiểng, chủ tịch hội Việt Nam Libertés, đã tỏ ý tiếc rằng các vấn đề dân chủ và nhân quyền hiện vắng mặt trong cuộc tranh cử tổng thống. Ông Kiểng yêu cầu ông Aurillac lưu ý ông Jacques Chirac về sự vắng thiếu ấy.

Ngày 20-3-1995, ông Chirac đã viết thư cho ông Kiểng, tạm dịch như sau:

"Thưa ông chủ tịch,

Ông đã có nhã ý lưu ý tôi về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam.

Mặc dầu quan hệ với quý quốc đã được phát triển, điều đáng tiếc sự tôn trọng nhân quyền tại Việt Nam vẫn còn là vấn đề thời sự.

Xin ông tin tưởng rằng tôi theo dõi với tất cả quan tâm diễn tiến của tình hình về nhân quyền tại Việt Nam, cũng như tại khắp nơi trên thế giới.

Xin ông chủ tịch nhận nơi đây những tình cảm tốt đẹp nhất của tôi.

Jacques Chirac".

Tương cũng nên nhắc lại là Jacques Chirac luôn luôn dành cho người Việt và các vấn đề nhân quyền tại Việt Nam một ưu ái đặc biệt. Ông đã nhận một cô gái Việt Nam vượt biên tới Pháp làm con nuôi và quý mến như con ruột của ông. Trong tất cả những yêu cầu bênh vực nhân quyền, Jacques Chirac đều phúc đáp và tiếp tay. Trong trường hợp giáo sư Đoàn Viết Hoạt và bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Jacques Chirac dù không có chân trong chính phủ, đã chuyển thỉnh nguyện thư của hội Vietnam Libertés tới Bộ Ngoại Giao và Bộ Nhân Quyền với lời ủng hộ. Can thiệp của Jacques Chirac đã có kết quả là Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Đan Quế đứng đầu trong danh sách tù nhân chính trị tại Việt Nam mà Pháp yêu cầu trả tự do.

Ông Phạm Thái bị bắt như thế nào?

Một thân hữu Thông Luận từ trong nước đã cho biết vụ bắt ông Phạm Thái đã diễn ra như sau:

Sáng ngày 11-2-1995, ông Phạm Thái đến Sở Công An Sài Gòn theo một giấy mời với "lý do sẽ cho biết sau". Đã chờ đợi bị bắt từ lâu nên ông Phạm Thái đã tới cùng với vợ. Giới quen biết ông Phạm Thái cũng đã được báo động rằng ông có thể bị bắt giữ luôn. Đến Sở Công An, bà Phạm Thái không được vào, bà đứng đợi ngoài cổng và chuẩn bị một xe Honda để đi theo trong trường hợp ông Phạm Thái bị chuyển đi nơi khác. Sau hơn một giờ, ông Phạm Thái được giải đi trên một xe công an, bà Phạm Thái đi theo. Chiếc xe công an này chở ông Phạm Thái về nhà. Lúc đó công an mới đọc lệnh bắt giam "vì hoạt động chống chính phủ". Sau đó ông Phạm Thái được dẫn ra xe chở đi. Chiếc xe dừng lại tại nhà hai ông Đồng Tuy và Nguyễn Văn Châu và một thành viên khác (chưa rõ tên) của Phong Trào Thống Nhất Dân

Tộc và Xây Dựng Dân Chủ. Tại đây, cũng như tại nhà ông Phạm Thái, công an đọc lệnh bắt và giải các vị này đi. Hình như đã có chuẩn bị trước, công an đã đến giữ các vị này tại nhà và đợi xe đến.

Biến cố tuy nhanh chóng nhưng ông Phạm Thái cũng đã tranh thủ thời giờ để tiết lộ rằng trong cuộc gặp gỡ tại Sở Công An, giới chức sắc cộng sản thành phố Sài Gòn đã cho ông hay là họ không muốn bắt ông nhưng đã phải tuân hành một lệnh tới từ Hà Nội.

Vậy ai là người từ Hà Nội ra lệnh bắt ông Phạm Thái? Người đó chắc chắn không phải là ông Đỗ Mười vì chính ông Đỗ Mười đã cho phép PTTNDT&XDDC ra hoạt động công khai. Chính ông Đỗ Mười đã khuyến khích Phong Trào tổ chức cuộc hội thảo ngày 27-11-1993. Người ra lệnh bắt vừa không thể là ông Đỗ Mười vừa phải đủ quyền uy để đàn áp PTTNDT&XDDC, bất chấp ý kiến của ông Đỗ Mười. Ông Đào Duy Tùng hiện nay là nhân vật quyền lực nhất trong Bộ Chính Trị, ông đồng thời cũng giữ chức vụ Thường Trực Ban Bí Thư với quyền giải thích và thi hành mọi quyết nghị của Bộ Chính Trị. Phe của ông Đào Duy Tùng cũng chiếm đa số tại cả Bộ Chính Trị lẫn Ban Bí Thư. Ông Đào Duy Tùng là người chống diễn biến hòa bình một cách gay gắt nhất.

Không muốn làm bù nhìn nữa

Kỳ nhóm họp hàng năm của quốc hội Trung Quốc vừa bế mạc ngày 18-3-1995 tại Bắc Kinh.

Điều làm các quan sát viên chú ý là hơn một phần tư "dân biểu" đã bỏ thăm chống đối hay bỏ phiếu trắng về hai đạo luật về ngân hàng và giáo dục do chính phủ đề ra. Chẳng hạn đạo luật về ngân hàng, mặc dù đã nhiều lần được bổ sung, bị 37% dân biểu chống đối vì họ sợ ngân hàng quốc gia sẽ trở thành độc lập.

Ngoài ra trong bối cảnh tranh quyền hiện nay, dân biểu quốc hội Trung Quốc cũng tỏ ra bất mãn với hai nhân vật quan trọng của đảng được thủ tướng Lý Bằng đề nghị giữ chức phó thủ tướng. Người ta còn nhớ trước đây Lý Bằng trọng bịnh bắt buộc phải giao phó trọng trách về kinh tế, tài chính, nông nghiệp và ngân hàng cho phó thủ tướng thứ nhất Chu Dung Cơ. Thống đốc ngân hàng Lý Quý Tiên, người của Lý Bằng bắt buộc phải từ chức.

Vừa qua trong bản báo cáo trước quốc hội, Lý Bằng "đổ thừa" Chu Dung Cơ trong hai năm liên tiếp không đủ khả năng chặn đứng lạm phát lên đến hơn 25%, cũng như không cải thiện tình trạng bê bối ở nông thôn. Do đó, Lý Bằng đề nghị thêm hai phó thủ tướng để giữ chức vụ cải cách xí nghiệp nhà nước và nông nghiệp, hai ngành mà Chu Dung Cơ đã nắm giữ trong nhiều năm qua. Nói trắng là giảm bớt quyền hành của vị đệ nhất phó thủ tướng này có dính dáng xa gần với vụ Thủ Gang gần đây (xem Thông Luận số tháng 3/95).

Hai vị được đề cử thay thế hai chức vụ nói trên là hai ủy viên bộ chính trị cũng vừa vào ban bí thư hồi tháng 9-1994. Đó là cựu tỉnh ủy Sơn Đông Khương Xuân Vân và cựu tỉnh ủy Thượng Hải Ngô Bang Quốc. Ông Quốc may mắn hơn người bạn đồng hành của mình "chì" bị có 14% phiếu chống đối ở chức vụ phó thủ tướng phụ trách cải tổ xí nghiệp nhà nước trong khi ông Vân bị 37% phiếu chống đối ở chức vụ phó thủ tướng đặc trách nông nghiệp.

Ở các xứ tự do dân chủ, các tỷ số chống đối này được xem "quá kém" không có gì đáng nói; trái lại ở các xứ "XHCCN", tỷ số chấp thuận dưới 99% được xem là điều "tối kỵ"!

Nhà văn Đoàn Quốc Sỹ đã rời Việt Nam sang định cư tại Mỹ

Ngày 21-2-1995, nhà văn Đoàn Quốc Sỹ, người cầm bút từng bị chế độ cộng sản đầy đọa trong suốt 13 năm trường nhưng vẫn giữ vững phong cách bất khuất, đã tới Mỹ theo diện đoàn tụ gia đình. Ông đã tới Houston, tiểu bang Texas, nơi người con trai vượt biển của ông, Đoàn Quốc Thái, cư ngụ. Cùng đi với ông chỉ có bà Đoàn Quốc Sỹ, hai người con gái trên 21 tuổi, chưa lập gia đình, vì những thay đổi phút chót của chính sách nhập cảnh Mỹ, chưa rời được Việt Nam như dự tính.

Ông bà Đoàn Quốc Sỹ có tám người con, nhưng có ba người đã xuất ngoại, hai ở Úc và một ở Mỹ. Bà Sỹ là con gái nhà thơ trào phúng Tú Mỡ rất nổi tiếng. Có thể nói từ cuối thập niên 70, bà đã trở thành cột trụ của gia đình để "gánh vác giang sơn nhà chồng" gồm tám đứa con và một ông chồng ngồi tù cải tạo rồi tù chính trị!

Ông Sỹ năm nay đã 72 tuổi, tóc đã bạc nhưng vẫn còn khỏe mạnh và nhất là vẫn giữ được tâm hồn thời trẻ. Bạn bè ông hay gọi ông là "lão ngoan đồng". Sức sáng tác của ông xem ra chưa sút giảm vì tù đầy, tuổi tác. Nhớ lại sau khi cưỡng chiếm miền Nam được vài năm, nhà cầm quyền cộng sản mở chiến dịch đàn áp văn nghệ sĩ. Phản ứng của ông Sỹ khi bị bắt được truyền tụng một thời. Ông ung dung tuyên bố rằng việc bị bắt giữ đối với ông chẳng khác gì nàng Kiều đã tới sông Tiền Đường. Một lời tuyên bố khác cũng hay được nhắc nhở là câu nói của nhà thơ Thanh Tâm Tuyền khi bị đưa đi cải tạo: "tôi là đại úy Việt Nam Cộng Hòa Dzur Văn Tâm, không phải là nhà thơ Thanh Tâm Tuyền".

Ông Sỹ suốt thời gian bị tù cải tạo đã tỏ ra rất an nhiên, ông dùng sức mạnh của Thiền để hóa giải các đàn áp về tinh thần và thể xác của trại giam. Đầu thập niên 80, trước áp lực quốc tế, ông cùng nhiều văn nghệ sĩ được trả tự do. Trở lại với gia đình, ông tiếp tục hoạt động văn nghệ công khai. Căn nhà nhỏ của ông là nơi lui tới của các văn nghệ sĩ "ngụy". Ông lại bắt đầu sáng tác và tìm cách đưa tác phẩm ra khỏi nước. Chính việc này đã đưa ông trở lại với nhà tù cộng sản và càng làm hiển lộ hạnh vô úy của ông.

Dư luận quốc tế ở khắp nơi trên hoàn vũ, kể cả tại Đông Âu, đều can thiệp đòi tự do cho ông. Có thể nói tên tuổi ông đã trở thành một biểu tượng quốc tế về tự do. Nhà cầm quyền cộng sản vì vậy đã chùn tay đàn áp nhưng cũng bắt ông phải chịu thêm chín mươi năm tù. Đầu thập niên 90, ông mãn hạn tù, nhưng không xuất ngoại ngay mà dùng thời giờ để đi thăm đất nước và bè bạn. Đặc biệt, ông không quên việc sáng tác và "gửi ra ngoài nước" tác phẩm mới của mình. Có điều, nhờ tình hình đổi mới, ông đã hiện đại hóa được cách thực hiện bản thảo, thay vì đánh máy chữ như trước thì đánh vào máy vi điện tử để di chuyển cho gọn.

Kết quả là ông đã chuyển cho nhà xuất bản Văn Nghệ ở California ba tác phẩm, "Dấu chân cát xóa", "Người vái tứ phương" và "Mình lại soi mình" để xuất bản. Tuy đã in xong từ lâu nhưng nhà xuất bản Văn Nghệ chỉ cất giữ trong kho, chờ khi ông ra được khỏi nước mới phát hành.

Và việc này đã thành sự thật. Hôm thứ bảy 17-3-1995, tại hội trường của nhật báo Người Việt ở Quận Cam, Los Angeles, ông Sỹ đã cho ra mắt ba tác phẩm nói trên, trước sự hiện diện đông

đảo của trên 100 thân hữu.

Trước ông Đoàn Quốc Sỹ, nhiều nhà văn nhà thơ bị tù cải tạo, tù chính trị cũng đã tới Mỹ như các nhà thơ Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sỹ Tế, Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên, nhà báo Như Phong v.v... Văn học Việt Nam ở nước ngoài đang có cơ phát triển với dòng máu mới này?

Một phái đoàn nhân quyền Úc sẽ viếng thăm Việt Nam

Theo nguồn tin nhận được từ Úc (do Câu lạc bộ thứ Sáu, tiểu bang Victoria, phổ biến) thì một phái đoàn Úc sẽ sang Việt Nam vào ngày 5-4-1995 và sẽ lưu lại nơi này 7 ngày. Phái đoàn này có tên gọi là "phái đoàn tham vấn Quốc hội Úc" (Australian parliamentary consultative delegation). Danh xưng này được đưa ra để tránh những khó khăn về mặt ngoại giao trước đây đã làm cho một cuộc viếng thăm phút chót bị hủy bỏ. Lúc đó, nhà cầm quyền Việt Nam có ý định nhòm ngó vào thành phần phái đoàn và không chịu cấp chiếu khán nhập nội cho một công dân Úc gốc Việt, ông Lưu Tường Quang được coi như thù nghịch với chính quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vì vậy phía Úc đã quyết định hủy bỏ cuộc viếng thăm Việt Nam với ý định tìm hiểu về tình trạng nhân quyền tại nước này.

Nội dung chuyến viếng thăm mới này, theo nhận định của các quan sát viên am hiểu, có mặt tại Úc, không thay đổi so với chuyến viếng thăm bất thành năm ngoái. Nghĩa là vẫn lấy việc quan sát nhân quyền làm trọng tâm. Mặt khác, nhà cầm quyền Việt Nam đã ngờ ý không muốn thấy trong phái đoàn mới này có những người Úc gốc Việt (hoặc nếu có thì chỉ nên là chuyên viên mà thôi, đừng là thành viên)! Nhưng phía Úc không nhượng bộ, tuy rằng ông Lưu Tường Quang đã nhượng chỗ cho giáo sư Trang Thomas, còn có Hồ Mai vẫn hiện diện như trước.

Phái đoàn do thượng nghị sĩ Stephen Loosley (thuộc đảng Lao Động) cầm đầu. Tháp tùng ông là 6 thành viên phái đoàn. Như vậy ngoài thượng nghị sĩ Loosley còn có: dân biểu Alexander Downer (phát ngôn viên ngoại giao của Đảng Tự Do, đối lập), thượng nghị sĩ Vicki Bourne (Đảng Dân Chủ), giáo sư Trang Thomas, chủ tịch Ủy Hội Sắc Tộc Sự Vụ tiểu bang Victoria, có Hồ Mai, nguyên nghị viên thành phố Footscray, tiểu bang Victoria, ông Chris Sidoti, Ủy Hội Cải Tổ Luật Pháp Úc, giáo sư Nancy Viviani, đại học Griffith, Queensland.

Chắc chắn là phái đoàn tham vấn Úc sẽ cố gắng liên lạc với những thành phần bị đàn áp, nhất là trên hai bình diện chính trị, tôn giáo. Đồng thời cũng chắc chắn là nhà cầm quyền cộng sản sẽ tìm đủ cách để bao vây tới đa phái đoàn. Điều chắc chắn sau cùng là phái đoàn này không tới Việt Nam để được mua chuộc mà cũng không sẵn sàng để cho phía Việt Nam xỏ mũi.

Việt Nam chiếm kỷ lục về án tử hình

Nhân dịp Hội nghị toàn ngành tư pháp nhóm họp từ 17 đến 22-2-1995 để "kiểm điểm công tác năm 1994, bàn phương hướng nhiệm vụ năm 1995, v.v...dưới sự chứng kiến của ông Nguyễn Hà Phan, ủy viên Bộ Chính Trị Trung ương Đảng kiêm phó chủ tịch Quốc hội, chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao là ông Phạm Hưng đã đọc báo cáo ca ngợi sự thành công của ngành trong năm

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

1994 đã đạt được kết quả tích cực.

Điều đáng lưu ý là theo những số liệu mà bản báo cáo này đã cung cấp cho Hội nghị - loại số liệu không có nhu cầu tính gian (!) - thì trong số 31.342 vụ đã xét xử, các tòa án đã tuyên phạt 87 án tử hình, 123 án chung thân, 1.134 án tù trên 10 năm đến 20 năm. Mặt khác, số người bị phạt tù giam lên tới 71% của 48.135 bị cáo.

Ông Nguyễn Hà Phan, thay mặt cho Đảng và Nhà nước sau khi "biểu dương" ngành tòa án, đã ban huấn thị cho ngành là "phải không ngừng nâng cao trình độ và đạo đức cách mạng theo lời dạy của Bác Hồ để đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, củng cố lòng tin trong nhân dân...".

Không thấy bản báo cáo nhắc gì tới những vụ đảng xử oan cán bộ không chịu xét lại, tòa xử oan những người yêu nước dân chủ mà không chịu "tái thẩm", các cơ quan công an mật vụ, ủy ban nhân dân bắt người bừa bãi, kể cả những tu sĩ, những công dân dám hành sử các quyền tự do hiến định. Như vậy có nghĩa là nếu chính sách của đảng định bắt những ai thì cấp dưới ra sức bắt và bắt như vậy là "bắt đúng". Một khi đã bắt đúng, tất nhiên "xử cùng đúng tội, đúng pháp luật" do đảng làm ra!

Thứ công lý này chắc không thể củng cố được lòng tin trong nhân dân. Mà cũng không thể thuyết phục được dư luận quốc tế được kết tinh trong Hiệp Định Thư II phụ đính Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị là một văn bản bãi bỏ án tử hình. Tuyên phạt 87 án tử hình trong một năm có lẽ là một "kỷ lục" của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa mà khó có một quốc gia tân tiến nào trên thế giới có hy vọng phá nổi!

Về mặt thực tế, tham nhũng, buôn lậu vẫn tiếp tục hoành hành, những nhà tư sản đồ vẫn làm mưa làm gió. Liệu những tử tội đã xử có đáng tội chết không hay chỉ chết oan thay cho các ông "bù" của đảng?

Đại hội nhà văn Việt Nam lần thứ 5: tự do cá chậu chim lồng

Năm trăm hội viên Hội nhà văn Việt Nam, ngày 12-03-1995 đã có mặt tại hội trường Ba Đình, Hà Nội để họp đại hội lần thứ 5 dưới khẩu hiệu "Đoàn kết, phấn đấu cho một nền văn học dân tộc, tiên tiến vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh". Người ta ghi nhận trong số 500 người tham dự chỉ có 100 hội viên trẻ mới được kết nạp trong nhiệm kỳ vừa qua.

Bề ngoài có vẻ hiền lành của khẩu hiệu này không che dấu được hai sự kiện. Một mặt, không có hy vọng gì xây dựng được một nền văn học "tiên tiến" bởi lẽ đảng vẫn tiếp tục theo đuổi chính sách văn nghệ chỉ huy dù rằng sự chỉ huy này mang tên gọi có vẻ nói lỏng: *định hướng xã hội chủ nghĩa*. Mặt khác, dư luận quốc tế rất thấu hiểu ý đồ toàn trị này của "Đảng" cho nên hàng thông tấn của Pháp, AFP, đã gửi đi từ Hà Nội một bản tin không có mùi vị gì là cõi mờ.

Thật vậy, theo bản tin này, ông Đỗ Mười, với tư cách tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam, đã đọc trước đại hội các nhà văn một bài diễn văn với những lời lẽ cứng rắn theo đó "quyền tự do sáng tác văn nghệ là quyền tự do phục vụ nhân dân" và "văn học không bao giờ có thể tách rời khỏi chính trị" (dịch từ tiếng Pháp). Ông Đỗ Mười không ngần ngại nói trắng ra rằng "Đảng rất quan tâm đến các mặt chính trị và ý hệ của văn học và đảng phải đưa ra

những chỉ dẫn khi cần phải có". Đó là cách nói theo lối uyển ngữ rằng đảng cần kiểm soát công tác văn nghệ. Và để cho đại hội các nhà văn không còn nghi ngờ gì về chủ trương này của "Đảng", sau khi đã "cảm thông" những khó khăn của các nhà văn trước những "âm mưu nham hiểm của những lực lượng thù địch nhằm chia rẽ hàng ngũ các nhà văn, lật đổ chế độ và xóa bỏ những thành quả cách mạng...", ông Đỗ Mười đã lên án những phần tử làm đường lạc lối, "đi ngược dòng, thậm chí chối bỏ cả di sản của tổ tiên và những thắng lợi của cách mạng". Ông kết luận rằng: "Đảng mong rằng các nhà văn đã nhận định rõ được tình hình để ý thức được điều gì phải làm và điều gì nên tránh".

Như vậy là sau một thời gian ngắn cời trôi cho văn nghệ sĩ đảng cộng sản lại trở lại kim kẹp văn nghệ sĩ, ép buộc họ phải đi theo đường lối do đảng vạch ra.

Sau 3 ngày làm việc, đại hội lần thứ 54 của Hội nhà văn đã bế mạc. Theo lời tường thuật của báo Sài Gòn Giải Phóng, "Đại hội bày tỏ sự nhất trí cao và lòng biết ơn đối với sự quan tâm sâu sắc của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và công chúng (?) thể hiện qua bài phát biểu của tổng bí thư Đỗ Mười đọc trước Đại hội".

Ban Chấp hành Hội nhà văn Việt Nam khóa 5 gồm 5 người. Đó là các ông Nguyễn Khoa Diễm (Thư trưởng Bộ Văn hóa Thông tin), Hữu Thịnh (Tổng biên tập tuần báo Văn nghệ), Nguyễn Trí Huân (Tổng biên tập tuần báo Văn nghệ Quân đội), Ma Văn Kháng (nguyên giám đốc NXB Lao Động) và Lò Ngân Sủn (Hội Văn nghệ Lào Cai). Nhóm họp ngay trong ngày, Ban Chấp Hành đã bầu nhà thơ Nguyễn Khoa Diễm (thư trưởng Văn Hóa Thông Tin) làm tổng thư ký, nhà thơ Hữu Thịnh làm phó tổng thư ký.

Tự do trong khung "Tổ quốc xã hội chủ nghĩa"

Trong chiến dịch tuyên truyền vận động đại qui mô nhằm "trụ" lâu dài, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã rầm rộ tổ chức Đại hội lần thứ 6 nhà báo Việt Nam. tại hội trường Ba Đình.

Hàng loạt lãnh đạo đảng, tổng bí thư, chủ tịch Quốc hội, cả ủy viên trong Bộ Chính trị, Ban bí thư TƯ Đảng, phó thủ tướng chính phủ, chủ tịch đoàn Mặt Trận Tổ Quốc, đại tướng Võ Nguyên Giáp v.v..., các bộ, ngành, các nhà lãnh đạo các hội bạn v.v... đều có mặt để tăng thêm sự long trọng của buổi lễ khai mạc.

Ông Phan Quang, tổng thư ký Hội Nhà báo Việt Nam (khóa V), báo cáo khai mạc: tính đến tháng 2-1995, cả nước có 376 tờ báo và tạp chí, 7.260 hội viên, phần lớn kiên định với đường lối của "Đảng". Tường cũng nên nói thêm rằng đại hội qui tụ 325 đại biểu trong đó chỉ có 24 nhà báo dưới 40 tuổi (tỷ lệ 0,7%), số người trên 60 tuổi đông gấp đôi (50 người).

Ông Đỗ Mười tổng bí thư Đảng phát biểu ý kiến, đại ý biểu dương thành tích các nhà báo trong năm qua đã có nhiều "đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới đất nước..., góp phần tăng cường ổn định chính trị, tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội...". Ông không quên vạch ra nhiệm vụ của nhà báo, "góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ... truyền đạt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước... chống mọi luận điệu thù địch...". Nhà lãnh đạo số 1 của Đảng nhấn mạnh rằng "trách nhiệm của nhà báo là... phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa...". Ngoài ra ông Đỗ Mười cũng lên tiếng bác

THỜI SỰ... TIỀN TỨC... THỜI SỰ...

bỏ lời chỉ trích Việt Nam không có tự do báo chí như sau: "Một số thế lực xấu thường rêu rao Việt Nam chưa có tự do báo chí. Đó là luận điệu xuyên tạc. Sự thật là ở nước ta, pháp luật quy định mọi cơ quan thông tin đại chúng đều phải mở trang mục và làn sóng của mình làm diễn đàn của nhân dân. Nếu không có một nền báo chí tự do thật sự thì thử hỏi làm sao các tầng lớp nhân dân ta trong một thời gian ngắn đã có thể đóng góp hàng chục triệu ý kiến vào các văn kiện cực kỳ quan trọng như dự thảo hiến pháp và các dự luật? Đảng, Nhà nước lắng nghe và đã tiếp thụ nhiều ý kiến xác đáng để bổ sung kịp thời..."

Người ta không biết là ông Đỗ Mười nói thật hay nói đùa. Luật Báo chí còn sờ sờ ra đó, làm sao một người ở cấp cao như ông lại có thể khẳng định những điều phi lý như vậy? Có thể là đã có hàng triệu ý kiến được đóng góp với "Đảng". Nhưng Đảng chỉ cần gạt bỏ một hai ý kiến là đủ tiêu tủng tự do báo chí. Đó là ý kiến hủy bỏ điều 4 của Hiến Pháp!

Chẳng cần phải tìm kiếm mất công. Nội một việc Điều lệ của Hội Nhà báo Việt Nam, sau khi đã được đại hội biểu quyết sửa đổi, phải đưa trình Thủ tướng chính phủ phê chuẩn cũng đã quá đủ để cho thấy rằng "tự do báo chí" đã có mà ông tổng bí thư hết lời đề cao là loại tự do trong cùm xích của "Đảng".

Thay đổi nhân sự lãnh đạo trong năm tới?

Theo tạp chí Kinh Tế Viễn Đông, tổng bí thư đảng Đỗ Mười và thủ tướng Võ Văn Kiệt sẽ được hai ông Đào Duy Tùng và Phan Văn Khải thay thế vào Đại Hội lần thứ 8 được tổ chức trong năm tới.

Ông Đỗ Mười năm nay gần 80 tuổi vào ban chấp hành Trung ương đảng ở Đại hội III (1960) và dự khuyết bộ chính trị ở Đại hội IV (1976). Trước khi đảm nhiệm Tổng bí thư ở Đại hội VII (1991), ông đã giữ nhiều chức vụ quan trọng trong đảng và nhà nước. Ông thay Phạm Hùng từ trần tháng 3-1988 ở chức vụ thủ tướng từ năm 1988 đến 1991.

Ông Võ Văn Kiệt người gốc miền Nam cũng vào ban chấp hành Trung ương đảng ở Đại hội III lúc ông còn ở "cực" miền Nam. Sau năm 1976, ông được bổ nhiệm Phó thủ tướng, đặc trách về kinh tế sau khi vào Bộ chính trị (dự khuyết) ở Đại hội IV. Sau khi Phạm Hùng từ trần ông ra "tranh cử" với ông Đỗ Mười ở chức vụ thủ tướng nhưng vì tuổi đảng còn kém nên thua cuộc và vẫn tiếp tục giữ chức vụ phó thủ tướng cho đến tháng 8-1991.

Còn hai ông Đào Duy Tùng và Phan Văn Khải là ai? Ông Đào Duy Tùng người Hải Hưng vào dự khuyết ban chấp hành Trung ương đảng ở Đại hội IV. Ông có lúc là tổng biên tập tạp chí "Học tập" nay là Tạp chí Cộng sản. Ông được vào bộ chính trị (dự khuyết) ở Đại hội VI (1986) trước khi trở thành chính thức năm 1988. Hiện nay ông là nhân vật số 4 và phụ trách các ngành liên hệ với Ban tuyên huấn và ý thức hệ. Về con người, ông được ông Bùi Tín cho biết như sau "ông Đào Duy Tùng cùng ông Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Hà Phan, Nông Đức Mạnh là những người có quan điểm cứng nhắc, mang tính giáo điều cực đoan nhất và cũng là những người phê phán nặng nề nhất quan điểm đa nguyên của ông Trần Xuân Bách dẫn đến việc khai trừ ông Bách ra khỏi bộ chính trị, ban bí thư và ban chấp hành trung ương đảng" ("Hoa xuyên tuyết", tr. 159).

Những nhân vật này hiện nay là ủy viên ở bộ chính trị. Nếu những lời miêu tả của ông Bùi Tín phản ánh sự thực thì như người

Pháp thường nói, "Bonjour les dégâts" (xin chào sự tổn hại).

Ông Phan Văn Khải hiện nay là phó thủ tướng đặc trách về kinh tế. Ông trước đây được đào tạo ở Liên Xô. Ông được vào ban chấp hành (dự khuyết) ở Đại hội V (1982) và vào bộ chính trị ở Đại hội VII (1991). Ông cũng là người tổ chức chuyển đi của Giang Trạch Dân sang Việt Nam hồi giữa tháng 11-1994.

Là người được đào tạo ở Liên Xô trước đây, ông Khải có khả năng giải quyết mâu thuẫn giữa kinh tế thị trường và thể chế điều khiển không? Điều chắc chắn là các thầy cũ của ông hiện nay đã đưa kinh tế nước Nga vào con đường tụt hậu và bế tắc.

Giáo dục Việt Nam bên bờ vực thẳm

Trình độ văn hóa ở Việt Nam trong những năm gần đây xuống dốc như ai cũng biết vì nhà nước không quan tâm đến ngành giáo dục. Hậu quả là ngày nay trình độ văn hóa của thanh niên học sinh quá kém đến độ suy đồi.

Ủy ban nhân dân thành phố Sài Gòn và Ủy ban thanh niên, nhằm phục vụ cho đề tài nghiên cứu "Thanh niên Thành phố trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc" vừa qua đã cho thăm dò ý kiến qua 1800 sinh viên học sinh và thanh niên.

Phải nói là những người được thăm dò ý kiến thuộc 9 trường đại học cao đẳng, 6 trường phổ thông trung học, 3 trường trung học chuyên nghiệp, 2 xí nghiệp công nghiệp, 16 phường xã, 6 quận nội ngoại thành. Kết quả trả lời của những người có thể gọi là mầm non của đất nước thật hoàn toàn thất vọng nếu không nói là đáng lo âu. 39% của 1800 thanh, thiếu niên được thăm dò không trả lời được rằng vua Hùng Vương là người sáng lập nước Văn Lang. Học sinh trong thời kỳ "Pháp thuộc" còn có thể trả lời được câu hỏi này.

Dáng ngại hơn nữa, 44% sinh viên không biết nhà giáo lớn Chu Văn An là ai! (69% thanh niên phường xã không biết), cũng như 49% thanh niên thành phố không biết về người anh hùng Trần Quốc Toàn phá tan quân nhà Nguyễn hồi thế kỷ thứ 13. Ở miền Nam, ai cũng biết người hùng Trương Định nổi dậy chống Pháp ở Gò Công, ấy vậy mà gần 65% không biết ông là ai mà có người còn cho là một trong 108 anh hùng Lương Sơn Bạc trong chuyện Thủy Hử... bên Tàu! Trái lại tỷ số từ 75% đến 85% người được thăm dò đều biết rõ tường tận tên tuổi, đời tình ái các đào kép Hương Cảng hay những người đá bóng giỏi như Maradona.

Đó là những con số và những suy ngẫm mà phó tiến sĩ Nguyễn Minh Hòa đã cho biết trong tờ Tuổi Trẻ ngày 28-2-1995.

2.830 ca nhiễm HIV

Theo số liệu của Trung Tâm Y Tế Dự Phòng Sài Gòn, tính đến ngày 9-3-1995 đã có 2.380 ca nhiễm HIV, trong đó 79,74% người nhiễm HIV là người nghiện ma túy, 4,48% là gái mãi dâm ở độ tuổi từ 20 đến 50, 3,36% là người nước ngoài. Sài Gòn có số người bị nhiễm HIV cao nhất: 1.233 ca (51,80%), 172 ca đã chuyển sang giai đoạn SIDA và 67 ca tử vong; kế là Khánh Hòa: 158 ca; Đồng Nai: 77; An Giang: 67; Lâm Đồng: 56; Sông Bé: 26; Kiên Giang: 25; Tiền Giang: 25; Vũng Tàu: 22; Cần Thơ: 21; Minh Hải: 12. Các tỉnh khác ở miền Nam có số ca nhiễm HIV từ 1 đến 10.

Theo công thức quốc tế về dự báo, hiện nay số người thực sự nhiễm HIV cao hơn con số 2.380 từ 10 đến 100 lần. Tiểu ban

THỜI SỰ... TIỀN

giám sát dịch tế học dự báo đến năm 1988 Việt Nam sẽ có khoảng 570.000 ca nhiễm HIV, trong đó có 7.000 mắc bệnh SIDA và 15.000 người chết vì bệnh đó.

Tin ghi nhanh

Khuyến khích Việt kiều chuyển tiền về nước

Kể từ ngày 23-2-1995, người Việt hải ngoại có ngoại tệ chuyển về nước hoặc người trong nước nhận ngoại tệ của thân nhân tại hải ngoại có quyền mở tài khoản ngoại tệ, gửi tiết kiệm ngoại tệ tại các ngân hàng được phép kinh doanh ngoại tệ và được chuyển vốn lẫn lãi ra nước ngoài. Được biết số lượng ngoại tệ hàng năm do hai triệu Việt kiều gửi về cho thân nhân trong nước lên đến 700 triệu USD, đây là số tiền cho không.

Lãng phí hai lần

Làng pháo Bình Đà, xã Hình Minh, tỉnh Hà Tây, nhận lệnh tiêu hủy hơn 35 triệu dây pháo sản xuất trong dịp Tết Ất Hợi vừa qua. Thay vì vận chuyển pháo để phá hủy ở những nơi an toàn, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây đề nghị chôn tại chỗ. Việc làm này đã gây ra hậu quả ô nhiễm trầm trọng cho đất và nước do hóa chất độc trong pháo thải ra. Cục Môi Trường cho tập trung phun hóa chất để trung hòa, sau đó nạo vét và vận chuyển chất ô nhiễm đến nơi khác. Chi phí tẩy ô nhiễm ban đầu ước tính khoảng 400 triệu đồng!

85% dân vùng kinh tế mới Quảng Trị thiếu đói

Trong những tháng đầu năm 1995, 85% số hộ vùng kinh tế mới Nam sông Bến Hải, huyện Gio Linh đang thiếu đói. Nhiều gia đình đói đến mức không còn gì để ăn, kể cả đợt khoai lang non cũng không còn. Có gia đình phải xuống đồng bứng xin ăn.

Độc giả viết

...Trong số báo 79, tháng 2-1995 vừa qua, Thông Luận có trích đăng một đoạn thư của Ông Nguyễn Hữu Đức bàn về vấn đề dụng ngữ. Tôi không đồng ý hoàn toàn với ông Đức về những ý kiến ông nêu trong phần phê bình về cách diễn chế từ ngữ sao cho thích hợp, sát nghĩa và ... hợp nhĩ. Để rút gọn thời gian tôi xin trình bày vấn đề quan điểm của tôi như sau:

1.- Theo tôi nghĩ, chúng ta không nên hạn hẹp việc phổ biến diễn đàn chính trị trong phạm vi hai triệu người Việt tại hải ngoại mà bỏ quên mất mấy chục triệu đồng bào ta tại quê nhà. Những em bé chào đời cuối tháng tư đen giờ đã tròn tròn hai mươi tuổi. Suốt hai mươi năm các em đó đã làm quen với những từ mới qua xã hội, qua học đường, và chỉ trong một thời gian ngắn nữa thôi một số các em này sẽ tham gia các hoạt động chính trị, kể cả việc tham gia sinh hoạt bầu cử và ứng cử. Trong chiều hướng tranh đấu như hiện tại, Việt Nam sẽ phải bắt buộc tiến vào con đường dân chủ một ngày không xa. Tương lai xây dựng dân chủ ta nên đặt vào những cán bộ thuộc hạ tầng cơ sở, mà số cán bộ này phần lớn sẽ là thành phần trẻ, để thay thế cho lớp trung niên đang tiến dần lên những đẳng cấp cao hơn trong chính quyền. Nếu chúng ta đã không ngăn cản được xã hội và thầy cô nhồi nhét những từ mới vào trong đầu óc các em trong hai mươi năm qua thì tôi thiết

nghĩ chúng ta một phần nào đó phải chấp nhận những từ này để đạt được mục tiêu là quan điểm chúng ta đưa ra có đủ tính cập nhật hóa, không những về lý luận mà cả về ngôn từ. Nếu không, làm sao chúng ta tránh khỏi bị lù hậu sinh cho là đám ... đồ gàn ngòi đầu láo với nhau ở một phương trời xa lạ nào đó. Bài đọc trước có thuận nhĩ thì lý luận sau đó mới dễ tiêu hóa.

2.- Ngôn từ, tự bản chất là một quy ước xã hội. Quy ước này có khi phát xuất một cách tự nhiên, như con 'kêu meo meo' lâu trở thành con mèo. Cũng có khi áp đặt, thí dụ như 'triển khai' và khai triển như ông Đức đã đề cập trong thư đăng tải. Áp đặt trong ngôn từ thường đưa đến "nghịch nhĩ" và chống đối. Nhưng áp đặt trong ngôn từ cũng thường đưa tới sự chấp nhận, như Goebel đã chứng minh trên thực tế, và chúng ta cũng đã thấy trong xã hội miền nam Việt Nam sau 1975. Tự trung, một số lớn ngôn từ ta sử dụng hàng ngày không thoát khỏi quy luật: cho mỗi khái niệm ít nhất một từ phổ thông, cạnh đó có thể có nhiều từ không phổ thông, nằm trong hai dạng: từ địa phương, hoặc từ đang đi lẫn vào các văn khố lưu giữ tài liệu cổ. Từ phổ thông được quần chúng sử dụng không nhất thiết phải có nghĩa chuẩn xác. Thí dụ từ 'công an' trước 1975 tại miền nam mang hình ảnh một anh 'cóm chìm', sau 1975 cùng một từ 'công an' mà anh 'cóm chìm' đã thành anh 'cóm nổi' đi bắt trộm cắp...

Cơn chấn động 1975 đã làm cho một số người trở nên nhạy cảm với những từ lạ, nhất là những người già (cùng như các cụ nhỏ thế kỷ trước chê đám Tây học trong cơn chấn động quốc ngữ) và những người không thường xuyên tiếp cận với những từ lạ này. Nếu chúng ta đã chủ trương xóa bỏ dị biệt, tôi thiết nghĩ chúng ta nên xét lại vấn đề dụng từ, đứng vào vị trí người dân trong nước, và thử đứng vào vị trí thế hệ sinh sau để muợn tại các nước ngoài thì việc cần nêu ra là tránh làm sao cho đừng xảy ra tình trạng con cháu chúng ta khi tiếp cận với xã hội Việt Nam sẽ không còn hiểu 'tiếng Việt trong nước', ngược lại chúng ta sẽ không vấp phải trở ngại là nói một thứ tiếng Việt ... không ai hiểu, ngoại trừ mấy ông bà già còn nhớ chữ xưa.

3.- Nói như vậy không có nghĩa là tôi cổ xúy cho việc thay hoàn toàn từ ngữ chúng ta quen dùng bằng từ 'Việt cộng' để đạt mục tiêu tranh đấu. Chúng ta phải biết làm công việc gạn lọc, và hướng dẫn quần chúng trong cơn bão táp chữ nghĩa, để độc giả có thể thấy sự phong phú của tiếng Việt, một tiếng trẻ vào hàng thứ ba thứ tư trên thế giới. Từ chỗ nhận ra sự phong phú sẽ đưa tới sự chọn lọc và đào thải. Nếu theo dõi thường xuyên sách báo Việt Nam ta có thể thấy một số từ như 'tốt', 'sự cố kỹ thuật' ... đã không còn xuất hiện thường xuyên, như vậy phải chăng ngay tại Việt Nam ngôn ngữ cũng đang biến đổi? Việc chấp nhận hay phủ nhận một từ, phần lớn tiếc thay lại không nằm trong công tác của viện Hàn Lâm, mà đó là việc của quần chúng.

4.- Tôi nghĩ Thông Luận, qua một số bài và thư có liên quan đến vấn đề sử dụng ngôn từ, nên có một bài nói về ngôn ngữ và công tác truyền đạt tư tưởng, để độc giả có cái nhìn tổng quát mà bỏ tức cho những suy tư riêng trong vấn đề này.

Kính thư,

Nguyễn Hiền

Zebraspoor 727

3605 HR MAARSEN

Hòa Lan (hay Hà Lan?)

Thông Luận 81 - Tháng 4.95

Nói chuyện với bà Trần Thị Thúc

Điểm gặp sau cùng của lịch sử vẫn là dân chủ

Bà Trần Thị Thúc, phu nhân giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã đến Pháp ngày 25-3-1995. Trước đó, từ ngày 10-3-1995, bà đã có mặt tại Đức trong cố gắng bênh vực giáo sư Đoàn Viết Hoạt và các tù nhân chính trị tại Việt Nam.

Bà Thúc, năm nay 51 tuổi, tốt nghiệp MA tại Hoa Kỳ và là giáo sư Đại Học tại Sài Gòn cho tới tháng 8-1994. Bà Thúc hiện cư ngụ tại Mỹ. Ngày 25-3-1995, khi vừa tới Paris, bà Thúc đã nói chuyện với ban biên tập Thông Luận. Tóm lược:

Thông Luận: *Chị có tin tức gì về anh Hoạt không?*

Trần Thị Thúc: Trước khi lên đường đi Hoa Kỳ, tôi có ra nhà tù Thanh Cẩm, Thanh Hóa, thăm anh Hoạt. Ban giám thị gọi điện thoại về Hà Nội xin ý kiến. Giằng co mãi sau cùng họ cho tôi gặp anh Hoạt được 15 phút. Anh Hoạt vẫn yếu vì tình trạng giam cầm, nhưng tinh thần anh rất vững, anh rất vui vẻ và lạc quan về tương lai. Gần đây anh cũng được phép viết thư về nhà, xin gửi thuốc trị sinh.

Chính chị cũng bị bắt giam hai năm?

- Đúng như vậy, vào hồi 1986, người ta viện đủ mọi lý do. Chẳng hạn họ nói tôi có âm mưu vượt biên. Tôi trả lời là tôi không những không vượt biên mà còn không có ý định đi trong lúc đó ngay cả nếu được cho đi. Thực ra người ta bắt tôi là để làm áp lực trên anh Hoạt. Nhưng dĩ nhiên là anh Hoạt không bị lung lạc. Họ giam giữ tôi hai năm. Từ đó về sau họ thấy bắt tôi vô ích nên chỉ theo dõi thôi.

Có lúc nào chị cảm thấy thương thân mình?

- (Cười): Đôi khi tôi cũng nghĩ số phận mình sao mà gian truân quá. Đất nước hòa bình rồi sao vẫn phải sống như một chính phụ. Hai mươi năm qua, anh Hoạt đã ở tù 17 năm. Ở các nước vẫn mình, người đáng lẽ bị án tử hình được giảm xuống tù chung thân cũng chỉ ở tù chín, mười năm, trừ trường hợp gia trọng đặc biệt.

Tuy vậy, nhiều người còn đau khổ hơn tôi. Anh Hoạt đầu sao cũng chưa đến nỗi tàn phế như anh Châu Sơn Nguyễn Văn Thuận. Anh Phạm Đức Khâm, tuổi già sức yếu, gia đình lúc nào cũng lo âu. Anh Hoạt đau yếu vì điều kiện giam cầm nhưng anh là người có cơ thể cường tráng. Tôi cũng rất cảm thông với chị Tâm Vấn, người bạn đường của anh Quế. Thật khó kiếm một phụ nữ can đảm, thủy chung như thế. Mối tình của chị với anh Quế quả là một thiên tình sử đẹp trong cuộc đấu tranh cho dân chủ tại Việt Nam.

Chị có thẩm quyền nhất để nói về Đoàn Viết Hoạt...

- Tôi không dám. Nhưng có lẽ tôi là một trong những người biết rõ anh Hoạt. Bẩm sinh anh ấy không có máu làm chính trị. Anh ấy chỉ là một trí thức muốn cư xử một cách có phẩm giá và lương thiện. Năm 1976, chính quyền cộng sản quyết định đập tan Phật giáo để thành lập một giáo hội Phật giáo nhà nước. Họ gây áp lực lớn trên các thầy Huyền Quang, Quảng Độ, Đức Nhuận. Họ bắt các thầy và bắt anh Hoạt vì họ nghĩ anh là người có ảnh hưởng trong Phật giáo. Họ cũng nghĩ anh Hoạt có tuổi trẻ và có kiến thức nên là thành phần nguy hiểm cho họ và họ đã giam giữ không xét xử trong vòng 12 năm.

Số phận đã biến anh Đoàn Viết Hoạt thành một nhân vật chính trị và anh Hoạt đã chấp nhận vì không có chọn lựa nào khác. Bây giờ thì tranh đấu cho dân chủ đã trở thành lẽ sống của anh.

Chị nghĩ Đoàn Viết Hoạt sẽ có tương lai nào?

- Tôi không biết. Điều chắc chắn là anh Hoạt muốn được làm công dân trong một nước dân chủ. Đối với anh, đó là điều quan trọng nhất, và nguyện ước này thì tôi chắc chắn anh sẽ được toại nguyện. Những vai trò khác có thể anh sẽ đảm nhận nếu thấy đó là bổn phận.

Đoàn Viết Hoạt là một nhân vật chính trị do thời thế?

- Đúng như thế, cũng như Nguyễn Đan Quế và nhiều người khác. Thời cuộc và số phận đã biến họ trở thành những nhân vật chính trị và họ chấp nhận như thế. Tôi nghĩ từ đây tới cuối đời Đoàn Viết Hoạt sẽ là một người đấu tranh cho dân chủ.

Chị có thể tóm lược lập trường của Đoàn Viết Hoạt.

- (Cười lớn): Các anh còn biết rõ hơn tôi: dân chủ đa nguyên, hòa giải và hòa hợp dân tộc, bất bạo động. Tôi nghe mãi cũng lọt tai. Dần dần nhờ lặp đi lặp lại, lập trường này cũng đã lọt tai nhiều người và được chấp nhận. Cuộc đấu tranh của anh Hoạt, và các anh, có kết quả. Tôi tin chắc các anh sẽ thành công vì chỉ có đường lối đó.

Còn chị, chị nhìn thấy vai trò nào cho chính mình?

- Điều mong mỏi lớn nhất của tôi là sớm được sum họp cùng anh Hoạt. Có giúp được anh ấy điều gì, tôi sẵn sàng, vai trò của tôi là vai trò của một phụ nữ Việt Nam, một người vợ và một người mẹ. Nhưng tôi nghĩ là xã hội Việt Nam vẫn thích những người đàn bà kín đáo. Tôi thấy như vậy là tốt nhất. Có lẽ là tôi sẽ không tích cực lắm vì tôi nghĩ 20 năm qua cũng đã đủ vất vả với anh ấy rồi. (cười).

Chị có lúc nào trách anh Hoạt không?

- Không. Lý tưởng mà anh ấy theo đuổi là một lý tưởng rất đẹp, rất cao quý, tôi chia sẻ hoàn toàn. Dù có phải chịu thêm gian truân khác nữa, tôi cũng chấp nhận. Không ai đem dân chủ phát không cho mình cả. Mình phải tranh đấu để có. Tôi rất hạnh diện về anh Hoạt, mỗi lần gặp anh ở trong tù, tôi đều nhắc lại như thế khi anh tỏ ý ái ngại cho tôi.

Với trực giác của một người đàn bà, chị có thấy lạc quan không?

- Tôi rất lạc quan. Tôi nghĩ chế độ này không vững như người ta tưởng. Diễn tiến hòa bình đang đi tới. Điểm gặp sau cùng của lịch sử vẫn là dân chủ, và điểm gặp ấy không xa. Điều đáng tiếc là ý thức đấu tranh cho dân chủ chưa được mạnh mẽ. Nếu ý thức đó lên cao thì chính quyền chắc chắn phải nhượng bộ. Trái với sự bi quan của một số người, tôi thấy có tiến bộ. Tôi một lúc nào đó tình thế có thể thay đổi mau chóng. Tôi chắc là Việt Nam sẽ có dân chủ trước năm 2000. Những lúc yếu lòng, tôi thường tự an ủi là chồng tôi, và một phần nào đó chính tôi, đã góp phần hy sinh nhỏ bé của mình cho cuộc chuyển hóa cần thiết này.

Sổ Tay

Chuyên gia

Các bạn có hiểu gì về kinh tế không? Tôi thì mù tịt. Không biết gì hết và không hiểu gì hết. Đã thế lại còn bối rối. Giống như một người tuy không có một chút vô công nào mà vẫn bị tẩu hỏa nhập ma.

Tôi vẫn được nghe, như các bạn cũng hằng được nghe, các chuyên gia giải thích là kinh tế nước nào càng mạnh thì đồng bạc nước đó càng tăng giá. Hiển nhiên quá đi. Cứ lấy thí dụ đồng Yen của Nhật và đồng Mark của Đức. Trước đây hai mươi lăm năm, một đô-la Mỹ ăn 300 Yen hay 4 Mark, bây giờ chưa được 100 Yen hay 1,5 Mark. Đúng quá rồi.

Vậy mà không phải như vậy. Mọi người đều đồng ý là kinh tế Mỹ phát triển rất mạnh (nhiều người nói là quá mạnh) trong vòng một hai năm qua. Các chỉ số kinh tế đều tốt, tỷ lệ thất nghiệp xuống chỉ còn 5% (mừng cho bà con mình ở xứ cờ hoa). Mọi người cũng đều công nhận kinh tế Pháp bết bát mấy năm liền, chỉ mới bắt đầu thấy ánh sáng leo lét ở cuối đường hầm. Vậy mà đầu tháng này, dùng một cái, đồng đô-la Mỹ mất giá 10% so với đồng Franc của Pháp. Các chuyên gia giải thích là vì kinh tế của Mỹ... quá mạnh. Lời giải thích rất hùng hồn nhưng rất phức tạp nên tôi chỉ có thể tin chứ không thể nhớ để chép lại. Nhưng cũng trong thời gian ấy, khi đồng đô-la mất giá 10%, thì đồng Mark lên giá 10%. Và các chuyên gia cũng giải thích là vì kinh tế Đức... rất mạnh. Một lần nữa, lời giải thích rất mạch lạc nhưng quá cao siêu nên tôi không thể ghi lại.

Thôi cũng được, đồng bạc tăng giá cũng là do kinh tế mạnh mà đồng bạc sụt giá cũng là do kinh tế mạnh. Các chuyên gia đã nói là phải đúng. Như vậy chỉ có đồng bạc không tăng không giảm mới là dấu hiệu của kinh tế yếu? Phiền một nỗi là nước nào cũng cố gắng giữ "ổn định tiền tệ", nghĩa là giữ cho trị giá đồng bạc không thay đổi. Thế giới ngày nay quả là rất kỳ, nước nào cũng mưu tìm sự suy thoái.

Vậy mà tất cả mọi mục tiêu kinh tế của mọi quốc gia lại đều được quả quyết là nhằm làm cho kinh tế tăng trưởng. Các bạn có hiểu gì không? Riêng tôi, xin chào thua và... điên cái đầu.

Chào thua và đi thụ giáo với một chuyên gia. Vị này bảo: "Vấn đề kinh tế bây giờ phức tạp lắm, không thể suy nghĩ và lý luận sơ sài được. Những kiến thức kinh tế của anh xưa quá rồi, chỉ còn cách vứt vào sọt rác. Tốt hơn hết là làm theo lời các cụ dạy: biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe".

Thì tôi có làm gì khác đâu, ngoài dựa cột. Thế nhưng nghe không hiểu, đặt câu hỏi cũng bị xài xể thì quả thực tủi thân quá. À thì ra thế giới của các chuyên gia là một thế giới riêng biệt, dành

cho những người tối ưu. Những thành phần lèm bèm như các bạn và tôi chớ có bèn mảng tới gần để thắc mắc lời thôi rồi bị mắng là ngu dốt. Đó là thế giới của lý luận và tính toán cao siêu, của những bảng số nhằng nhịt, những họa đồ, những đường biểu diễn quần quai, những hàm số đầy những chữ Hy Lạp, nhiều móc ngoặc, lũy thừa, vi phân, tích phân, v.v... Chúng ta không thể hiểu được các chuyên gia mà chỉ có thể ngưỡng mộ họ. Chúng ta nhìn họ như những vị thần và họ nhìn chúng ta như những con ruồi.

Nhưng dù là ruồi đi nữa, tính tò mò cũng khiến tôi quan sát họ. Kể ra cũng cả gan. Nhưng xét cho cùng cũng chẳng táo bạo gì hơn các nhà tu hành dù biết mình là kiếp phù sinh vợ vẫn mà cũng dám trảm tư mặc tưởng suy nghĩ về sự vĩnh cửu, về vũ trụ và thượng đế. Sự quan sát ấy làm tôi nhận ra một số đặc tính của các chuyên gia. Xin nói ra đây, nhưng trước hết xin thưa rằng đó chỉ là những nhận xét của một anh mù sờ voi không hơn không kém.

Đặc tính thứ nhất của các chuyên gia là họ luôn luôn có lý. Nói chuyện với họ các bạn sẽ bị tràn ngập bởi các dữ kiện, các số liệu, các lý luận phức tạp với một ngôn ngữ hoàn toàn đặc biệt. Cuối cùng bạn thộn mặt ra, chẳng hiểu gì cả và chào thua. Họ có lý bởi vì họ tài cao học rộng. Lý thú nhất là khi hai chuyên gia thuộc hai đảng kinh định tranh luận với nhau, như trong cuộc bầu cử tổng thống Pháp hiện nay. Ông này bảo ông kia là dốt nát, ông kia bảo ông này là đàn độn. Biết tin vào ông nào bây giờ. Tiện nhất là tin cả hai ông.

Đặc tính thứ hai là họ lúc nào cũng sai. Những tiên liệu rất tinh vi của họ tuần này khác hẳn với tuần trước và cuối cùng khác xa thực tế. Chỉ lấy một thí dụ: mức tăng trưởng của thế giới trong năm 1995 mà mọi người đều quan tâm. Cuối năm 1994 họ nhất trí là 4%, sang đầu năm 1995 họ ước lượng lại là 2,5%. Sắp tới đây không chừng họ sẽ điều chỉnh lại là 3%. Tối cuối năm nay chắc chắn kết quả thực sự không giống con số nào trong những con số này.

Đặc tính sau cùng của các chuyên gia là họ rất tự tin. Chuyên gia nước nào cũng vậy, hình như họ là một giống người riêng có "gien" tự tin.

Nhưng có lẽ không chuyên gia nước nào tự tin bằng chuyên gia Việt Nam. Các chuyên gia cộng sản và thân chính quyền đang quả quyết có thể xây dựng kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ghê gớm không, họ tin có thể vẽ màu xanh bằng mực đỏ. Các chuyên gia chống cộng thì sao? Tôi đang có trong tay một phúc trình với đề tựa "Cải tổ kinh tế và chiến lược phát triển cho thế kỷ 21" (Economic reforms and Development strategies for the 21st century), một công trình nghiên cứu công phu của hơn hai mươi chuyên gia Việt Nam hải ngoại. Để sợ không, ngay từ bây giờ mà họ đã có thể tiên liệu cho cả thế kỷ 21. Không hổ danh con cháu Trạng Trình: "Ta con ông Trạng, cháu ông Nghè". Bên tám lạng, bên nửa cân.

Phù Du

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages

91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó